

SỞ GD-ĐT TP ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN
KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN LỚP 10
GV: Lê Thị Hiệp

BÀI 7

QUYỀN NĂNG CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:

1. Đọc:

- Đọc – hiểu các văn bản:

VB 1: *Người cầm quyền khôi phục uy quyền* (Trích *Những người khốn khổ*, Vích-to Huy gô)

VB 2: *Dưới bóng hoàng lan* (Thạch Lam)

VB 3: Một chuyện đùa nho nhỏ (An-tôn Sê-khốp)

- Thực hành đọc: *Con khướu sổ lồng* (Trích- Nguyễn Quang Sáng)

2. Thực hành Tiếng Việt: Biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê

3. Viết: Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học (Chủ đề và nhân vật trong tác phẩm truyện)

4. Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 10 tiết – KHGD

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC	
Năng lực chung	Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.
Năng lực đặc thù	<i>Năng lực ngôn ngữ</i> (đọc – viết – nói và nghe); <i>năng lực văn học</i> . + Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện như: người kể chuyện ngôi thứ ba và người kể chuyện ngôi thứ nhất, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật. + Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản. + Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân. + Hiểu tác dụng của biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê; biết cách vận dụng vào việc tạo câu.

	+ Viết được một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của một tác phẩm văn học. + Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục; tôn trọng người đối thoại.
--	---

II. PHẨM CHẤT

Yêu thương và có trách nhiệm đối với con người và cuộc sống.

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- GV cần tham khảo các tài liệu sau đây:

1. Vích-to Huy-gô – Victor Hugo (1987), Huỳnh Lý, Vũ Đình Liên, Lê Trí Viễn, Đỗ Đức Hiểu dịch, Những người khốn khổ, NXB Văn học, Hà Nội.
2. Thạch Lam (2000), Thạch Lam – tác gia và tác phẩm, NXB Giáo dục, Hà Nội
3. Đinh Trọng Lạc (2003), 99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt, NXB Giáo dục, Hà Nội
4. Đỗ Hải Phong, Hà Thị Hoà (2018), Giáo trình văn học Nga, NXB Giáo dục, Hà Nội
5. An-tôn Sê-khốp – Anton Chekhov (1988), Truyện ngắn (Phan Hồng Giang dịch), NXB Cầu Vồng, Mát-xcơ-va (Moskva)
6. Trần Đình Sử (2018), Dẫn luận thi pháp học văn học, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội

- GV cần sử dụng các phương tiện dạy học sau:

- + Giáo án, máy tính, máy chiếu, một số slide thể hiện nội dung bài dạy và hình ảnh minh họa có thể trình chiếu để tổ chức dạy phần Đọc và Viết.
- + Các bức ảnh chân dung, video có liên quan đến phần giới thiệu tác giả và tác phẩm.

2. Học sinh.

- Đọc phần Tri Thức Ngữ Văn và chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.
- Đọc kĩ phần yêu cầu, định hướng trong nội dung Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

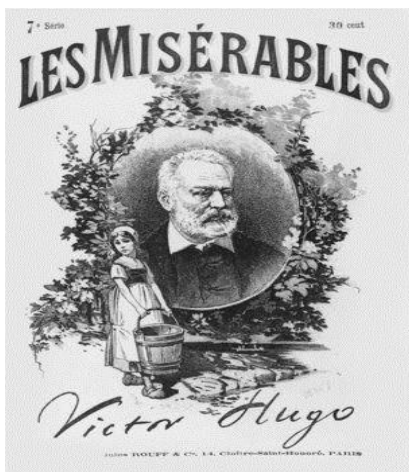
ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết:66-68

VĂN BẢN 1: NGƯỜI CẦM QUYỀN KHÔI PHỤC UY QUYỀN

(Trích “Những người khốn khổ”)

Vích-to Huy-gô



I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc**

Đọc hiểu nội dung

- HS nắm được nội dung, vị trí của đoạn trích trong tác phẩm; hoàn cảnh, số phận, tính cách từng nhân vật và mối quan hệ giữa các nhân vật; tư tưởng nhân văn cao đẹp của tác giả thể hiện ở quan niệm về các giá trị của con người.

Đọc hiểu hình thức

- HS hiểu được quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ ba thể hiện ở mức độ thấu suốt diễn biến của câu chuyện cũng như mọi thay đổi tinh vi trong hành động, suy nghĩ của nhân vật; sự chuyển dịch linh hoạt điểm nhìn trong kể chuyện; khả năng chi phối cách nhìn nhận, đánh giá của người đọc về sự việc, nhân vật được miêu tả trong tác phẩm.

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.
 - Liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.
 - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác giả Vích-to Huy-gô

Đọc mở rộng

- HS biết đọc các văn bản có độ dài tương đương với văn bản đã học.

2. Phẩm chất

- Yêu thương và có trách nhiệm đối với con người và cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, thang đo, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS đọc mẫu chuyện nhỏ:

Mày biết tao là ai không? Do you know who I am?

Cho mãi đến mấy hôm trước, tôi mới tìm ra được câu trả lời cho một câu hỏi tôi bị hỏi từ hơn ba mươi năm trước.

...

Tại quầy bên cạnh cổng 112, một tiếp viên dưới đất của công ty đang cố giải quyết những yêu cầu, khiếu nại của khách hàng thì bỗng nhiên một hành khách có vẻ tức tối lắm, lấn lên phía trên, len qua mặt mấy người khác và ném tấm vé lên quầy.

Ông ta nói lớn rằng ông ta muốn được cho bay chuyến sớm nhất và phải xếp cho ông ta ngồi hạng nhất. Người tiếp viên trả lời rằng cô xin lỗi về những phiền nhiễu mà chuyến bay gây ra cho ông, nhưng cô cũng phải giải quyết những hành khách tới trước và hứa là sẽ giúp ông khi đến lượt ông.

Nhưng ông khách không bằng lòng, ông hỏi như hét vào mặt cô, rõ ràng là để cho các hành khách khác cũng nghe được. Ông hỏi đúng câu mà tôi cũng bị hỏi mấy lần: “Cô biết tôi là ai không?” (Do you know who I am?).

Thì ra người Mỹ, trẻ và xinh như cô tiếp viên cũng bị hách hỏi bằng câu đó chứ chẳng riêng gì tôi. Tôi liền cố lắng tai nghe xem cô tiếp viên ở quầy trả lời như thế nào để biết mà ứng phó sau này.

Người phụ nữ này, vẫn tươi cười, cầm chiếc micro của hệ thống khuếch âm lên và nói lớn bằng giọng rành rẽ rằng: “Ở quầy 112, có một vị hành khách không biết mình là ai, quý hành khách ai có thể giúp ông ta biết được căn cước hay thân thế của ông, xin tới quầy 112.”

Ông khách tự nhiên, vì chính câu hỏi của ông, biến thành một bệnh nhân tâm thần, một người mắc Alzheimer, một người lãng trí, tâm lý, thần kinh thác loạn, lẩn lộn bản thể, không còn nhớ mình là ai, tên gì, ở đâu nữa. Và lúc ấy thì đám hành khách đang sốt ruột đứng trước quầy đều phá ra cười...

(Sưu tầm)

Trả lời câu hỏi:

- Câu chuyện trên bàn về điều gì? Em có hay gặp những chuyện như trên?
- Em thấy vị khách là người thế nào?
- Em có đồng ý với cách cư xử của tiếp viên không?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc mẫu chuyện, suy nghĩ trả lời các câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả

- Câu trả lời của HS và ý kiến của các HS khác

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

→GV dẫn vào bài: Câu chuyện trên bàn về cách ứng xử của những người tỏ ra uy quyền bằng câu nói: *Mày biết tao là ai không?* Đây là chuyện ta thường gặp trong cuộc sống. Qua cách ứng xử ta có thể biết được tính cách của con người...

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về:

- Người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba, điểm nhìn, lời kể chuyện và lời nhân vật, tác phẩm văn học và người đọc, cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, thảo luận nhóm, trình bày một phút để nhận diện kiến thức dưới dạng trò chơi nối cột A với cột B

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

GV hướng dẫn HS nhận diện kiến thức dưới dạng trò chơi nối cột A với cột B

A. Các yếu tố truyện		B. Đặc điểm
Ngôi kể	Ngôi thứ nhất	người kể xưng “tôi” hoặc dùng một hình thức tự xưng tương đương.
	Ngôi thứ ba	lời kể, tả, bình luận của người kể chuyện, có chức năng khắc hoạ bối cảnh, thời gian, không gian, miêu tả sự việc, nhân vật, thể hiện cách nhìn nhận, thái độ đánh giá đối với sự việc, nhân vật.
Quyền năng của người kể chuyện		tình cảm, thái độ được thể hiện xuyên suốt tác phẩm đối với những vấn đề cuộc sống được nêu ra.
Lời người kể chuyện		thể hiện ở phạm vi miêu tả, phân tích, lí giải và mức độ định hướng đọc trong việc cắt nghĩa, đánh giá sự kiện, nhân vật được khắc hoạ trong tác phẩm văn học.
Cảm hứng chủ đạo		người kể chuyện ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm, không tham gia vào các sự việc, chỉ được nhận biết qua lời kể.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS thực hiện trò chơi nối cột A với cột B Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS chơi trò nối cột dưới sự hướng dẫn của GV Bước 3: Báo cáo, thảo luận	I. Tìm hiểu Tri thức ngữ văn 1. Người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba - Người kể chuyện ngôi thứ nhất là người kể xưng “tôi” hoặc dùng một hình thức tự xưng tương đương. - Người kể chuyện ngôi thứ ba là người kể chuyện ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm, không tham gia vào các sự việc, chỉ được nhận biết qua lời kể. - Lời người kể chuyện là lời kể, tả, bình luận của người kể chuyện, có chức năng khắc hoạ bối cảnh, thời gian, không gian,

- HS dựa vào kiến thức đã chuẩn bị để trả lời. - HS khác bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - Nhận xét về câu trả lời - Chốt lại kiến thức trọng tâm	miêu tả sự việc, nhân vật, thể hiện cách nhìn nhận, thái độ đánh giá đối với sự việc, nhân vật. - Quyền năng của người kể chuyện thể hiện ở phạm vi miêu tả, phân tích, lí giải và mức độ định hướng đọc trong việc cắt nghĩa, đánh giá sự kiện, nhân vật được khắc hoạ trong tác phẩm văn học. 2. Cảm hứng chủ đạo của một tác phẩm văn học là tình cảm, thái độ được thể hiện xuyên suốt tác phẩm đối với những vấn đề cuộc sống được nêu ra.
---	--

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm, đoạn trích

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được những nét khái quát về cuộc đời, sự nghiệp của tác giả
- HS hiểu được những tác động của cuộc đời, thời đại đến sáng tác của Vích-to Huy-gô
- HS nắm được hoàn cảnh ra đời, tóm tắt được tác phẩm, xác định vị trí đoạn trích, nội dung bao trùm, tầm vóc, giá trị của tác phẩm

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động nhóm ở nhà trước để tìm hiểu nội dung bài học

c. Sản phẩm: Kết quả chuẩn bị ở nhà của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích đã chuẩn bị trước ở nhà theo nhóm (làm phim tài liệu hoặc thiết kế powerpoint + thuyết trình về tác giả, tác phẩm, đoạn trích học) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (đã chuẩn bị ở nhà) Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS tham gia thuyết trình - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	II. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm, đoạn trích 1. Tác giả Vích-to Huy-gô (1802-1885) a. Cuộc đời và con người: - Ông sống trong một thời đại nước Pháp đầy bão tố rối ren về chính trị, mâu thuẫn chất chồng. - Gia đình của ông vô cùng phức tạp và mâu thuẫn lẫn nhau: trong khi cha là người chiến sĩ trẻ thì mẹ lại là người ủng hộ cho phái bảo hoàng. - Ông là một nhà cách mạng có tư tiến bộ và lỗi lạc. - Con người ông mang một niềm khát khao tự do và trái tim tràn đầy yêu thương. b. Sự nghiệp: - V. Huygô là nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà viết kịch. - Ông là một trong những nhà văn lừng lẫy nhất của văn học pháp thế kỉ XIX. - Ở lĩnh vực nào ông cũng hái được thành công và vinh dự khi được người đời gọi là “thần đồng thơ ca”, “người khổng lồ” và “một thiên tài sáng tạo”. - Phong cách sáng tác hướng ngòi bút vào những người khốn khổ, phát hiện những mâu thuẫn của xã hội và giải quyết trên nguyên tắc tình thương. Là nhà văn tiêu biểu của chủ nghĩa lãng mạn không tưởng.

	- Các tác phẩm tiêu biểu (SGK) 2. Tác phẩm a. Hoàn cảnh sáng tác - Ngay từ 1829, V. Huy-gô đã có ý định viết một cuốn tiểu thuyết về người tù khổ sai. Sau năm 1830 Huy-gô đặc biệt chú ý đến các vấn đề xã hội (phong trào đấu tranh của nhân dân lao động, những bất công xã hội, sự sa đoạ của con người). Huy-gô bắt tay vào việc sưu tầm tài liệu và bắt đầu viết bộ tiểu thuyết này vào năm 1840, thoạt đầu gọi là “<i>Những cảnh cùng khổ</i>” và hoàn thành vào năm 1861. - Được xuất bản năm 1862. b. Tóm tắt tác phẩm (SGK) c. Giá trị của tác phẩm - Giá trị hiện thực - Giá trị nhân đạo 3. Vị trí đoạn trích “Người cầm quyền khôi phục uy quyền” Được rút ra từ chương 4, quyển 8, phần thứ nhất của tiểu thuyết “<i>Những người khốn khổ</i>”.
--	---

Hoạt động 2.3: Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nắm được nội dung, vị trí của đoạn trích trong tác phẩm; hoàn cảnh, số phận, tính cách từng nhân vật và mối quan hệ giữa các nhân vật; tư tưởng nhân văn cao đẹp của tác giả thể hiện ở quan niệm về các giá trị của con người.
- HS hiểu được quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ ba thể hiện ở mức độ thấu suốt diễn biến của câu chuyện cũng như mọi thay đổi tinh vi trong hành động, suy nghĩ của nhân vật; sự chuyển dịch linh hoạt điểm nhìn trong kể chuyện; khả năng chi phối cách nhìn nhận, đánh giá của người đọc về sự việc, nhân vật được miêu tả trong tác phẩm.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* HD: Đọc văn bản Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi HS đọc phân vai: một em đọc phần tóm tắt ở đầu đoạn trích và lời người kể chuyện, ba em còn lại lần lượt đọc lời của Giăng Van-giăng (Jean Valjean), Gia-ve (Javert), Phăng-tin (Fantine). - GV nhắc HS chú ý các thẻ ở bên phải văn bản	III. Đọc hiểu văn bản 1. Đọc văn bản - Giọng đọc cần thể hiện được tính biểu cảm phong phú của lời kể chuyện; làm rõ được hoàn cảnh, vị thế, tính cách từng nhân vật, cách thể hiện uy quyền khác nhau giữa nhân vật Giăng Van-giăng và Gia-ve qua lời đối thoại. - Chú ý các thẻ ở bên phải văn bản để dễ dàng nhận biết tình huống và diễn biến đầy kịch tính của câu chuyện, sự thay bậc đổi ngôi trong quan hệ giữa các nhân vật, đặc điểm lời lẽ của từng nhân vật, các sắc thái khác nhau của lời kể,...

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS nhập vai đọc văn bản Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS đọc to trước lớp, các HS khác đọc thầm HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	
* HĐ: Khám phá văn bản a. Tình huống và bố cục đoạn trích Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ HS thảo luận nhóm đôi: - Xác định tình huống trong đoạn trích? - Có thể chia đoạn trích làm mấy phần? Hãy xác định mối liên hệ giữa các phần ấy. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm đôi thảo luận, thống nhất ý kiến Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức. b. Các nhân vật trong truyện Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS tập trung thảo luận nhóm về các vấn đề sau: 1. Chân dung của các nhân vật (hành động, lời nói, tính cách,	2. Khám phá văn bản a. Tình huống và bố cục đoạn trích * Tình huống đoạn trích - Gia- ve đến bắt Giăng- Van- giăng - Phăng- tin đang ốm nặng chứng kiến cảnh người bảo trợ của mình bị bắt sợ hãi đến chết. - Giăng- Van- giăng vốn là thị trưởng thì giờ đây lại là tù khổ sai. Gia- ve trước đây vốn dưới quyền Giăng Van- giăng giờ đây ra oai hách dịch * Bố cục: hai phần - Phần đầu từ câu “Từ ngày ông Ma-đơ-len (Madeleine) gỡ cho Phăng-tin thoát khỏi bàn tay Gia-ve, chị không gặp lại lần nào nữa” đến câu “Phăng-tin đã tắt thở”. → nghe những lời lẽ của Gia-ve nói về “ông thị trưởng Ma-đơ-len” đồng thời chứng kiến hành động đầy quyền uy của hắn, Phăng-tin hoảng sợ, ngã đập đầu vào thành giường và tắt thở. - Phần còn lại: Giăng Van-giăng thể hiện thái độ quyết liệt khiến Gia-ve phải sợ hãi, nhờ đó, ông ngồi xuống thì thầm bên tai Phăng-tin những lời cuối cùng và sửa soạn cho người đã chết. ► Hai phần có quan hệ nhân quả. Chính thái độ, lời lẽ và hành động của Gia-ve đã gây ra cái chết của Phăng-tin, đúng như Giăng Van-giăng khẳng định: “Anh đã giết chết người đàn bà này rồi đó”. Và cũng chính sự hung hăng, sắt đá của Gia-ve (quyết bắt Giăng Van-giăng) đã buộc ông phải giật một thanh sắt từ cái giường, lăm lăm trong tay, ngăn sự quấy rầy của Gia-ve để thực hiện bổn phận lương tâm đối với Phăng-tin. b. Các nhân vật trong truyện * Nhân vật Giăng Van- giăng - Thái độ và cách ứng xử với Phăng-tin + Thấy Phăng-tin sợ hãi khi đối mặt với Gia-ve, Giăng Van-giăng nói với Phăng-tin “bằng một giọng nhẹ nhàng và điềm tĩnh: “Cứ yên tâm. Không phải nó đến bắt chị đâu”.

thái độ,...) 2. Uy quyền của các nhân vật 3. Thái độ của người kể chuyện với nhân vật 4. Cảm nhận của người đọc đối với nhân vật Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS chọn màu sắc để chia nhóm: - Màu đỏ: Gia-ve - Màu xanh: Giảng Van Giảng 2 nhóm tự chia thành 4 nhóm nhỏ để thảo luận từng vấn đề trên sau đó thống nhất kết quả chung GV khuyến khích HS lựa chọn hình thức thảo luận (ghi lại kết quả trên phiếu học tập, giấy A0 hoặc vẽ tranh minh họa kèm lời bình,...) Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS, phát thưởng hoặc cho điểm HS. - Chuẩn kiến thức	+ Giảng Van-giăng hạ mình cầu xin Gia-ve thư cho ba ngày để đi tìm con gái của Phăng-tin, hết bao nhiêu tiền cũng trả, nếu cần, Gia-ve có thể đi kèm. + Giảng Van-giăng kết tội Gia-ve: “Anh đã giết chết người đàn bà này rồi đó”. + Giảng Van-giăng giật thanh sắt từ cái giường cũ, ngăn cản sự quấy rầy của Gia-ve để ngồi xuống bên Phăng-tin, nói lời yên ủi và sửa soạn cho chị. → Nhận xét: Qua các chi tiết trên, có thể nhận thấy, Giảng Van-giăng đã thấu hiểu, xót thương vô hạn trước nỗi đau và sự bất hạnh của Phăng-tin. Trong tình huống đối mặt với Gia-ve, dù sắp bị bắt nhưng ông hoàn toàn không bận tâm số phận của bản thân, chỉ dành trọn sự quan tâm, lo lắng cho Phăng-tin. Phăng-tin chết đau đớn trước khi gặp lại đứa con gái tội nghiệp khiến Giảng Van-giăng tự thấy mình có phần trách nhiệm. → Hành động nói với người đã khuất: Giảng Van-giăng đã nói những gì với Phăng-tin? Khó có thể trả lời dứt khoát câu hỏi đó. Chính người kể chuyện ngôi thứ ba (kiểu người kể chuyện toàn tri) mà vẫn không thể biết hết mọi điều: “Ông nói gì? Con người khổ sở ấy có thể nói gì với người đã chết? Những lời ấy là lời gì vậy? [...] Kẻ đã chết có nghe thấy không?”. Ta biết rằng, mối quan tâm cuối cùng của Phăng-tin không phải là sự sống chết của bản thân, mà là số phận của đứa con gái tội nghiệp. Khi nghe Giảng Van-giăng xin Gia-ve ba ngày để đi tìm Cô-dét (Cossette), Phăng-tin đã run lên bần bật vì biết con gái mình chưa có mặt ở đây như lời người ta đã nói. Phăng-tin chết khi chưa được gặp con đã khiến Giảng Van-giăng cảm thấy hết sức ân hận, khổ sở. Có thể suy đoán rằng, những lời thì thầm cuối cùng của ông bên tai Phăng-tin là lời hứa bảo vệ Cô-dét. Chỉ những lời như thế mới có thể tác động một cách kì lạ, khiến Phăng-tin – một người đã chết – vẫn mỉm cười và gương mặt “sáng rõ lên một cách lạ thường”. - Ngôn ngữ và thái độ với Gia-ve + Ban đầu, Giảng Van-giăng nói năng bình tĩnh, không chút sợ hãi, mặc dù ông biết mình đã rơi vào tay Gia-ve: “Tôi biết là anh muốn gì rồi”. + Khi Gia-ve cầm cổ áo ông (hành động khiến Phăng-tin “tưởng như cả thế giới đang tan biến”), Giảng Van-giăng không gỡ tay hấn ra, mà chỉ gọi trần trụi, đích danh “Gia-ve...” với tất cả sự coi thường.
--	--

	+ Nhưng rồi, vì muốn được đi tìm con gái cho Phăng-tin, Giăng Van-giăng sẵn sàng hạ mình trước kẻ mà ông khinh bỉ: “Thưa ông, tôi muốn nói riêng với ông câu này”, “Tôi cầu xin ông có một điều...”. + Trước sự việc đau thương xảy ra ngoài ý muốn: Phăng-tin ngã đập đầu vào thành giường vì tuyệt vọng, Giăng Van-giăng đã kết tội Gia-ve một cách đanh thép: “Anh đã giết chết người đàn bà này rồi đó”. + Muốn có không khí tĩnh lặng để thì thầm những lời cuối cùng với linh hồn Phăng-tin và sửa soạn cho chị, ông không ngần ngại thể hiện thái độ cứng rắn trước Gia-ve: cầm thanh sắt và nói một câu tưởng nhẹ nhàng mà chứa đầy sức mạnh của một người có thể làm bất cứ điều gì khi cần thiết: “Tôi khuyên anh đừng có quấy rầy tôi lúc này”. Chính câu nói đó đã khiến Gia-ve phải run sợ. + Mọi việc xong xuôi, Giăng Van-giăng đã chấp nhận tình thế một cách chủ động, bình tĩnh: “Giờ anh muốn làm gì thì làm”. Ấy là câu nói của một người sẵn sàng đi vào cuộc tuần nạn. → Như vậy, ngôn ngữ và thái độ của Giăng Van-giăng đối với Gia-ve thay đổi liên tục, gồm đủ sắc thái, cung bậc, nhưng rất phù hợp, bởi đó là hệ quả sự tác động của tình huống, nhất là từ cách hành xử tàn nhẫn của chính Gia-ve. * Nhân vật Gia-ve – Bộ mặt góm ghiếc, đáng sợ. – Thái độ đắc thắng khi cảm thấy cuộc săn đuổi Giăng Van-giăng – một đối thủ xứng tầm – đã kết thúc (“Phá lên cười; Ở đây làm gì còn có ông thị trưởng nữa!”). – Giọng nói hách dịch, “man rợ, điên cuồng”. – Cái nhìn lạnh lùng, độc ác “như có móc, móc vào người”, như “đi thấu vào đến tận xương tuỷ” của đối thủ. – Hành động trịch thượng (“túm cổ áo Giăng Van-giăng”), muốn đối thủ khuất phục trước quyền uy của mình (“Gọi ta là ông thanh tra”). – Muốn thể hiện ta đây làm việc minh bạch, không khuất tất (“Nói to, nói to lên! Ai nói gì với ta thì phải nói to!”). – Với sự vô cảm, vô tình, Gia-ve đã gián tiếp gây ra cái chết của Phăng-tin (qua kết luận đanh thép của Giăng Van-giăng). – Sợ hãi trước thái độ cứng rắn của Giăng Van-giăng (“Sự thật Gia-ve run sợ”). → <u>Nhận xét:</u> + Như vậy, dưới ngòi bút của Vích-to Huy-gô, Gia-ve hiện lên như một kẻ không tim. Đó là một “cỗ máy”, một thứ công cụ
--	--

c. Người cầm quyền khôi phục uy quyền Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - Trong đoạn trích <i>Người cầm quyền khôi phục uy quyền</i>, nhân vật nào thật sự có uy quyền? Là Gia-ve hay Giăng Van-giăng? Do đâu bạn khẳng định như vậy? - Trong đoạn trích này, theo bạn, điều gì mới làm nên uy quyền của một con người? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS giơ tay thể hiện quan điểm - GV chia HS cùng quan điểm về nhóm, thực hiện thảo luận 5 phút Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận HS khác lắng nghe phản biện và trao đổi Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá cho điểm HS trình bày hoặc phản biện thuyết phục và chuẩn kiến thức.	phi nhân tính, chỉ biết thực thi phận sự một cách tàn nhẫn, lạnh lùng, không có tình người. + Khi nói về Gia-ve, người kể chuyện không giấu giếm thái độ căm ghét. Qua lời kể hoặc qua cách nhìn của nhân vật khác trong tác phẩm, con người Gia-ve được định danh bằng những cụm từ như: “bộ mặt gớm ghiếc”, “tên chó săn Gia-ve”; “không phải là tiếng người nói mà là tiếng ác thú gầm”... Toàn bộ con người Gia-ve toát lên vẻ độc ác, tàn nhẫn, lạnh lùng. Ấn tượng đó được tạo nên bởi cách tái hiện nhân vật của người kể chuyện c. Người cầm quyền khôi phục uy quyền * Đoạn trích miêu tả uy quyền của hai nhân vật: Gia-ve và Giăng Van-giăng. Mỗi nhân vật có cách thể hiện uy quyền riêng của mình. - Uy quyền của Gia-ve: Gia-ve là người của nhà nước, một viên thanh tra đang thực thi pháp luật. Bấy lâu, Gia-ve nghi ngờ ông thị trưởng Ma-đơ-len chính là người tù khổ sai Giăng Van-giăng – người mà hắn để cả một đời để tìm kiếm. Giờ đây, sự thật về người tù khổ sai mang tên khác để trốn tránh truy nã đã được làm sáng tỏ. Nắm trong tay sức mạnh của pháp luật, Gia-ve có toàn quyền đối với Giăng Van-giăng. Ý thức được điều đó, Gia-ve đắc thắng, “túm lấy cổ áo” của Giăng Van-giăng khiến ông cúi đầu chịu đựng; quát tháo, chửi bới Giăng Van-giăng một cách thô bỉ; ra lệnh bắt Giăng Van-giăng phục tùng; nhạo báng lời đề nghị khẩn thiết của Giăng Van-giăng; sẵn sàng gọi lính vào cùm tay Giăng Van-giăng để tống vào nhà tù,... Như vậy, giờ đây Gia-ve đang khôi phục uy quyền của mình đối với Giăng Van-giăng – điều bấy lâu hoàn toàn vô hiệu trước ông thị trưởng Ma-đơ-len. - Uy quyền của Giăng Van-giăng: Trước khi tình huống truyện xảy ra, ông Ma-đơ-len (chính Giăng Van-giăng) là người cầm quyền. Ông là một thị trưởng giỏi giang, đáng kính, khiến Gia-ve phải phục tùng. Nhưng lúc bị phát giác, ông trở lại thân phận của kẻ phạm pháp. Mọi quyền lực sẽ bị tước bỏ, buộc phải chấp nhận số kiếp của người tù khổ sai. Tuy nhiên, trong tình huống ở đoạn trích, Giăng Van-giăng đã làm đảo lộn vị thế giữa ông và Gia-ve: ông cầm thanh sắt để thể hiện sức mạnh nhằm trấn áp kẻ độc ác, lạnh lùng. Giăng Van-giăng khôi phục uy quyền của mình: uy quyền của một người dám hi sinh bản thân để thực hiện nghĩa vụ của lương tâm. Gia-ve đã phải run sợ trước Giăng
---	---

	Van-giăng, điều đó chứng tỏ Giăng Van-giăng mới là người thực sự có uy quyền. * Uy quyền của con người có thể được tạo nên bởi vị thế xã hội (chẳng hạn chức thị trưởng), hoặc bởi vai trò của người thực thi pháp luật (ví dụ viên thanh tra). Tuy nhiên, ở đây, những uy quyền kiểu đó đã không hề được thể hiện. Giăng Van-giăng không còn là ông thị trưởng khiến Gia-ve tuân phục như trước đây; ở chiều ngược lại, viên thanh tra Gia-ve cũng không khiến Giăng Van-giăng sợ hãi dù ông đang ở vị trí kẻ phạm pháp lần trốn bấy lâu giờ đây sắp bị bắt. Khi Giăng Van-giăng khiến Gia-ve run sợ, ấy là lúc ông đã khôi phục uy quyền của mình. Quyền uy ấy của Giăng Van-giăng được tạo nên bởi sức mạnh của tình thương, sức mạnh của lương tâm, của đức hi sinh vì người khác.
d. Quyền năng của người kể chuyện Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ ba có được thể hiện trong đoạn trích này không? Vì sao? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ trả lời cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS trình bày kết quả HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức	d. Quyền năng của người kể chuyện Đoạn trích <i>Người cầm quyền khôi phục uy quyền</i> được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ ba – kiểu người kể chuyện “biết hết” hoặc hạn chế phần nào khả năng bao quát của người kể chuyện là điều hoàn toàn tùy thuộc ý đồ của tác giả. Đọc đoạn trích, ta có thể nhận thấy quyền năng có giới hạn của người kể chuyện ngôi thứ ba, biểu hiện rõ nhất là đoạn miêu tả những lời thì thầm của Giăng Van-giăng bên tai Phăng-tin (“Ông nói gì? Con người khốn khổ ấy có thể nói gì với người đã chết?... Kẻ chết có nghe thấy không?”). Hoàn toàn có khả năng tồn tại một cách xử lý nghệ thuật khác: người kể chuyện ngôi thứ ba “nghe” hết và nói lại tường tận cho người đọc biết những lời của Giăng Van-giăng. Nhưng ở đây, Vích-to Huy-gô đã không “cấp” cho người kể chuyện cái quyền năng đặc biệt ấy. Như vậy, trong truyện, quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ ba được thể hiện đến đâu hoàn toàn phụ thuộc vào dụng ý nghệ thuật của tác giả.

Hoạt động 2.4: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản, rút ra tác dụng của ngôi kể

b. Nội dung hoạt động:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .
- HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	IV. Tổng kết

Qua bài học, em hãy: - Nhận xét những đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của tác giả? - Nêu khái quát nội dung ý nghĩa của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 2-3 HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV đánh giá, HD tổng kết bài học.	1. Nghệ thuật - Ngôi kể: lời của người kể chuyện ngôi thứ ba – kiểu người kể chuyện có tính chất toàn tri. - Kết hợp bút pháp hiện thực và lãng mạn - Kết hợp nhiều thủ pháp nghệ thuật: so sánh, phóng đại, ẩn dụ, miêu tả trực tiếp, gián tiếp, trữ tình ngoại đề - Xây dựng nhân vật: đối lập, tương phản 2. Nội dung Tô đậm, ca ngợi con người phi thường với trái tim tràn ngập yêu thương.
---	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm và viết tích cực

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

***Nhiệm vụ 1: Trò chơi Nhỏ ca rô?**

Phần: Tri Thức Ngữ Văn

Câu 1. Theo mức độ tham gia vào mạch vận động cốt truyện, người kể chuyện ngôi thứ nhất KHÔNG phải là:

- A. Nhân vật trung tâm, nhân vật chính, nhân vật phụ trong tác phẩm
- B. Người chứng kiến câu chuyện, người kể lại câu chuyện được nghe từ người khác
- C. Người kể chuyện ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm như một nhân vật.**
- D. Người xuất hiện với vai trò tác giả “lộ diện” vận dụng quyền năng “biết hết” của mình

Câu 2. Phương án nào sau đây KHÔNG phải là quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ nhất trong tác phẩm tự sự?

- A. Vừa bị giới hạn năng lực quan sát đối với các nhân vật khác vừa có hiểu biết hạn chế khi kể câu chuyện cuộc đời của nhân vật ngoài mình.**
- B. Có khả năng khơi gợi sự chân thật, gần gũi, tạo sự đồng cảm ở người đọc, gợi cảm giác như người đọc đang trực tiếp nghe người kể chuyện tâm sự với mình
- C. Người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng tôi có thể quan sát, kể, tả, bình luận, bày tỏ ý nghĩ, cảm giác của mình về các nhân vật khác
- D. Khả năng quan sát toàn tri đối với bản thân kể chuyện thông qua cảm giác, ý nghĩ của mình nhưng lại hạn chế khi kể câu chuyện cuộc đời của nhân vật khác.

Câu 3. Phương án nào sau đây KHÔNG chính xác khi nhận diện đặc điểm của người kể chuyện ngôi thứ ba?

A. Người kể chuyện ngôi thứ ba là người kể chuyện ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm như một nhân vật, không tham gia vào mạch vận động của cốt truyện và chỉ được nhận biết qua lời kể.

B. Người kể chuyện ngôi thứ ba có thể quan sát, kể, tả, bình luận, bày tỏ trực tiếp ý nghĩ, cảm giác của mình về các nhân vật khác; có khả năng khơi gợi sự chân thật, gần gũi, tạo sự đồng cảm ở người đọc.

C. Người kể chuyện ngôi thứ ba có khả năng nắm bắt tất cả những gì diễn ra trong câu chuyện, kể cả những biểu hiện sâu kín trong nội tâm nhân vật, do vậy có khả năng trở thành người kể chuyện toàn tri

D. Người kể chuyện ngôi thứ ba là người kể chuyện ẩn danh, có khả năng trở thành người kể biết hết mọi chuyện song có sử dụng quyền năng toàn tri hay không còn tùy thuộc vào nguyên tắc tổ chức truyện kể của từng tác phẩm.

Câu 4. Vì sao điểm nhìn của ngôi kể thứ ba bao gồm cả điểm nhìn toàn tri và điểm nhìn hạn tri?

A. Điểm nhìn của người kể chuyện ngôi thứ ba không phải lúc nào cũng là điểm nhìn toàn tri bởi đôi khi có hiểu biết hạn chế đối với các sự việc, sự vật được quan sát, không biết đến ý nghĩ, cảm giác thâm kín của các nhân vật.

B. Điểm nhìn toàn tri là điểm nhìn của một người có cái nhìn thông suốt, biết hết mọi chuyện, biết rõ hành động, lời nói cho đến những cảm giác riêng tư và ý nghĩ thâm kín của nhân vật.

C. Người kể chuyện không phải là một nhân vật trong truyện, không trực tiếp tham gia câu chuyện nhưng là người quan sát toàn năng từ bên ngoài; biết hết những cảm giác riêng tư và ý nghĩ thâm kín của nhiều nhân vật, có sự di chuyển điểm nhìn linh hoạt, từ điểm quan sát ở bên ngoài di chuyển vào bên trong, kể ra ý nghĩ, tâm trạng thâm kín của nhân vật.

D. Điểm nhìn hạn tri là điểm nhìn đặt ở đôi mắt của người kể có thể biết hết mọi thứ về nhiều nhân vật trừ những suy nghĩ, cảm giác thâm kín; có thể biết hết thông tin về các nhân vật nhưng không biết những ý nghĩ, cảm giác riêng tư, có thể ghi lại lời nói, miêu tả hành động, bình luận về các nhân vật nhưng không thâm nhập vào đời sống tâm lí của các nhân vật; hoặc chỉ biết mọi thứ về một nhân vật mà không thể biết mọi thứ về các nhân vật khác

Câu 5. Phương án nào phân biệt chính xác nhất lời người kể chuyện và lời nhân vật?

A. Người kể chuyện, dù ở ngôi thứ nhất hay thứ ba, đều kể chuyện từ điểm nhìn nhất định, qua hệ thống lời kể, miêu tả, bình luận

B. Lời người kể chuyện xuất phát từ điểm nhìn và hệ thống lời người kể chuyện, lời nhân vật, các phương diện của bức tranh đời sống và nhân vật được hiển hiện để người đọc tri nhận

C. Lời nhân vật là thuật ngữ chỉ lời nói gắn với ý thức và cách thể hiện của nhân vật bằng hình thức lời nói trực tiếp (đối thoại) hay gián tiếp (độc thoại, độc thoại nội tâm)

D. Lời người kể chuyện là lời kể, tả, bình luận của người kể chuyện, thể hiện cách nhìn nhận, thái độ đánh giá đối với sự việc, nhân vật; còn lời của nhân vật là lời nói gắn với ý thức và cách thể hiện của nhân vật

Câu 6. Theo anh/ chị, phương án nào nêu đầy đủ và chính xác các phương diện thể hiện quyền năng của người kể chuyện?

A. Quyền năng của người kể chuyện thể hiện ở phạm vi miêu tả, phân tích, lí giải và mức độ định hướng đọc trong việc cắt nghĩa, đánh giá sự kiện, nhân vật được khắc họa trong tác phẩm văn học

B. Quyền năng của người kể chuyện thể hiện ở cái nhìn thông suốt, biết rõ hành động, lời nói cho đến những cảm giác riêng tư và ý nghĩ thầm kín của nhân vật cũng như đi đến tận cùng trong cắt nghĩa bản thân

C. Quyền năng của người kể chuyện thể hiện ở khả năng biết hết mọi chuyện và sự linh hoạt di chuyển điểm nhìn từ điểm quan sát ở bên ngoài di chuyển vào bên trong

D. Quyền năng của người kể chuyện thể hiện ở những giới hạn trong thâm nhập vào đời sống tâm lí sâu kín của các nhân vật, những bất lực của nghệ thuật trước sự phong phú của cuộc đời.

Câu 7. Phương án nào sau đây thể hiện cách hiểu KHÔNG chính xác về cảm hứng chủ đạo của một tác phẩm văn học?

A. Là tình cảm, thái độ được thể hiện xuyên suốt tác phẩm đối với những vấn đề cuộc sống được nêu ra

B. Cảm hứng chủ đạo thể hiện ở phạm vi miêu tả, phân tích, lí giải, nhân vật được khắc họa trong tác phẩm văn học

C. Cảm hứng chủ đạo chi phối hình thức thể hiện, toát lên từ toàn bộ tác phẩm cả nội dung và hình thức

D. Cảm hứng chủ đạo của một tác phẩm văn học có khả năng tác động mạnh vào cảm xúc của người tiếp nhận

Câu 8. Phương án nào phân biệt chính xác sự khác nhau giữa tư tưởng chủ đề và cảm hứng chủ đạo của tác phẩm?

A. Tư tưởng chủ đề là của một tác phẩm văn học là nội dung tư tưởng xuyên suốt toàn bộ tác phẩm; cảm hứng chủ đạo là tình cảm, thái độ nổi bật lên qua toàn bộ tác phẩm.

B. Tư tưởng chủ đề của một tác phẩm văn học là phạm vi miêu tả, phân tích, lí giải cuộc sống; cảm hứng chủ đạo là tình cảm, cảm xúc chi phối quá trình sáng tác của nhà văn.

C. Tư tưởng chủ đề là thông điệp mà nhà văn gửi gắm trong tác phẩm; cảm hứng chủ đạo là tình cảm, cảm xúc của nhà văn xuyên suốt trong tác phẩm văn chương.

D. Tư tưởng chủ đề là bức tranh đời sống được phản ánh; cảm hứng chủ đạo là thái độ của nhà văn khi cắt nghĩa, đánh giá sự kiện, nhân vật được khắc họa trong tác phẩm

Văn bản: “Người cầm quyền khôi phục uy quyền”

Câu 1. Đoạn trích “Người cầm quyền khôi phục uy quyền” được trích từ tác phẩm nào?

A. Nhà thờ Đức Bà Pa-ri (1831).

B. Những người khốn khổ (1862).

C. Tia sáng và bóng tối (1840)

D. Chín mươi ba (1874).

Câu 2. Tác phẩm “Những người khốn khổ” thuộc thể loại nào?

A. Truyện ngắn

B. Tiểu thuyết

C. Truyện vừa

D. Kịch

Câu 3. Nụ hôn của Giăng van Giăng với Phăng tin thể hiện

A. Tình yêu nam nữ

B. Tình cảm của mẹ dành cho con.

C. Tình cảm của những con người bị xô đẩy đến cùng cực đau khổ.

D. Quyền lực của trái tim.

Câu 4. Ở cuối đoạn trích, người cầm quyền khôi phục uy quyền là

A. Gia-ve

B. Cả 2.

C. Giăng Van Giăng

D. Không ai cả.

Câu 5. Tại sao Giăng Van-Giăng lại hết sức hạ mình trước Gia-ve?

A. Vì ông sợ hấn sẽ bắt mình vào tù.

B. Vì ông muốn giảng hòa với hấn.

C. Vì ông không muốn Phăng-tin biết sự thật về mình.

D. Vì ông không muốn làm náo loạn bệnh xá.

Câu 6. Nội dung chính của đoạn trích “Người cầm quyền khôi phục uy quyền” là

A. Sự chiến thắng của cái ác, đại diện là Gia-ve.

B. Tình yêu thương của những người nghèo khổ.

C. Thông qua 2 hình ảnh đối lập Gia-ve và Giăng Van Giăng, bằng tình cảm yêu thương con người, tác giả đã khẳng định sự chiến thắng của tình yêu thương giữa con người với con người.

D. Tình yêu thương con người của Huy-gô.

Câu 7. Qua đoạn trích “Người cầm quyền khôi phục uy quyền”, Huy-gô quan niệm như thế nào về người cầm quyền?

A. Người có quyền lực.

B. Người đại diện chính nghĩa.

C. Người bảo vệ công lí .

D. Người che chở, bảo vệ những người yếu đuối.

Câu 8. Qua đoạn trích “Người cầm quyền khôi phục uy quyền”, Huy-gô muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?

A. Cái thiện bao giờ cũng thắng cái ác.

B. Sức mạnh tình thương có khả năng cảm hóa con người và cải tạo xã hội

C. Sức mạnh tình thương có thể mang lại hạnh phúc cho con người, ngay cả khi đã chết.

D. Sức mạnh tình thương có thể nhen nhóm lên niềm hi vọng ở ngày mai.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tích cực tham gia trò chơi.

- GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Câu trả lời đúng của HS

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, tuyên dương khen thưởng hoặc cho điểm HS có nhiều câu trả lời đúng

***Nhiệm vụ 2: Viết tích cực**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu:

Em có cảm thấy hứng thú khi đọc những tác phẩm tự sự được kể bởi người kể chuyện toàn tri hay không? Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày ý kiến của mình về vấn đề này.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh xác định yêu cầu của đề, định hướng cách làm bài, viết đoạn văn (thời gian khoảng 10 phút).
- Để viết đúng yêu cầu, HS cần có chủ kiến.
- Đoạn văn được viết làm sáng tỏ một số khía cạnh: *Tác phẩm tự sự được kể bằng lời người kể chuyện ngôi thứ ba có gì hấp dẫn? Được nương theo lời người kể chuyện để kiểm soát mọi sự kiện xảy ra, biết hết những diễn biến tinh vi trong nội tâm nhân vật, định hướng cho người đọc về các giá trị sống,... có phải là điều thú vị?*
- Nếu cảm thấy không thích truyện kể bằng lời người kể chuyện ngôi thứ ba, HS cần trình bày rõ lí do trong đoạn văn được viết
- Giáo viên lưu ý HS yêu cầu về cấu trúc đoạn văn, về ngữ pháp và liên kết câu, về số chữ của đoạn theo quy định.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh báo cáo theo từng bước: Tìm hiểu đề - tìm ý- viết đoạn.
- Trình bày đoạn văn hoàn chỉnh.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Giáo viên cung cấp thang đo cho HS tự đánh giá.
- Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics.

THANG ĐO KĨ NĂNG VỀ QUÁ TRÌNH TẠO LẬP ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Học sinh..... Lớp.....

(Chú thích về các mức độ trong thang đo kĩ năng về quá trình tạo lập văn bản nghị luận văn học)

Mức độ 1. Không chú ý

Mức độ 2. Thỉnh thoảng hoặc còn qua loa, sơ sài

Mức độ 3. Nắm được các yêu cầu và trình bày ở mức độ vừa phải, chưa sâu sắc

Mức độ 4: Nắm chắc yêu cầu, trình bày cụ thể khoa học, logic, thuyết phục

				I. Tìm hiểu đề
1	2	3	4	A. Đọc đề bài, tìm hiểu các từ ngữ quan trọng của đề
1	2	3	4	B. Tìm ra vấn đề và phương diện thể hiện vấn đề
1	2	3	4	C. Xác định đúng kiểu bài, cách trình bày văn bản (Viết đoạn văn trình bày ý kiến về người kể chuyện toàn tri trong tác phẩm tự sự)
				II. Tìm ý và lập dàn ý
1	2	3	4	A. Xác định các nội dung cơ bản cần có của bài viết.
1	2	3	4	B. Nêu được cảm nhận khái quát
1	2	3	4	C. Biểu hiện của vấn đề về nội dung, nghệ thuật
1	2	3	4	D. Quan tâm đến lựa chọn dẫn chứng
1	2	3	4	Đ. Chú ý việc kết hợp các phương thức biểu đạt trong khi viết đoạn văn
1	2	3	4	F. Quan tâm cách trình bày, diễn đạt
1	2	3	4	G. Bài học và liên hệ bản thân
				III. Viết đoạn

1	2	3	4	A. Hình thức : đoạn văn, dùng từ, chữ viết...
1	2	3	4	B . Sắp xếp các ý lớn, ý nhỏ của văn bản
1	2	3	4	C. Cách diễn đạt nêu cảm nhận, dẫn chứng
1	2	3	4	D. Tính thuyết phục và cá tính trong quá trình tạo lập văn bản
				IV. Đọc lại và sửa lỗi
1	2	3	4	A. Đọc lại đoạn văn bản sau khi đã tạo lập xong, sửa chữa lại những nội dung, từ ngữ chưa hợp lý, bổ sung thêm các nội dung, các ý tưởng vừa phát hiện
1	2	3	4	B. Rút kinh nghiệm cho các bài viết tiếp theo

Rubrics đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	1
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	0
Nội dung	Suy nghĩ về những tác phẩm tự sự được kể bởi người kể chuyện toàn tri	0,5
	- Chọn được tác phẩm phù hợp	1
	- Nêu được nội dung cơ bản của tác phẩm	3
	- Nêu được những nét nghệ thuật đặc sắc	2
	- Chỉ ra những quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ ba	1
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	1,0

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Đọc một số truyện hiện đại, tìm hiểu ngôi kể và chỉ ra quyền năng của người kể chuyện

Kĩ thuật Think – Pair – Share

B1: Think (Nghĩ): HS suy nghĩ độc lập về vấn đề được nêu ra; tự hình thành nên ý tưởng của mình. B2: Pair (Bắt cặp): HS được ghép cặp với nhau để thảo luận về những ý tưởng vừa có. GV có thể yêu cầu HS thảo luận theo cặp cùng bàn. B3: Share (Chia sẻ): HS chia sẻ ý tưởng vừa thảo luận với nhóm lớn hơn hoặc chia sẻ trước lớp.	
---	--

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo kỹ thuật Think – Pair- Share.
- GV quan sát, khích lệ và hỗ trợ nếu cần.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.
- Xem các Clip về “Những người khốn khổ” (Vích-to Huy-gô) trên Youtube và đọc thêm các văn bản theo đặc trưng thể loại.
- Chuẩn bị bài: Văn bản 2. *Dưới bóng hoàng lan* (Tìm hiểu tác giả, đọc văn bản, tóm tắt và trả lời câu hỏi trong SGK)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

Tiết 69-71

VĂN BẢN 2: DƯỚI BÓNG HOÀNG LAN- Thạch Lam

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc**

Đọc hiểu nội dung

- HS cần nhận biết và hiểu được các đặc điểm cơ bản về một loại truyện ngắn có cốt truyện đơn giản, chỉ xoay quanh những sự kiện bình thường trong cuộc sống, nhưng giàu sức gợi nhờ cách diễn tả các trạng thái tình cảm nhẹ nhàng mà tinh tế, sâu sắc của con người.

Đọc hiểu hình thức

- HS cũng cần hiểu vai trò, quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ ba. Mặc dù không tham gia trực tiếp các sự kiện trong câu chuyện, nhưng người kể chuyện dường như thấu suốt mọi điều diễn ra, kể cả những gì thuộc thế giới nội tâm sâu kín của con người. Người kể chuyện có khi xác lập điểm nhìn bên ngoài, khách quan để tái hiện bức tranh cuộc sống, có khi chọn điểm nhìn bên trong (để cho cảnh vật, con người hiện ra qua nỗi niềm, trạng thái tâm lí của nhân vật nào đó trong truyện). Sự chuyển dịch điểm nhìn linh hoạt như vậy thêm một lần xác nhận quyền năng của kiểu nhân vật kể chuyện toàn tri.

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.

- Liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác giả Thạch Lam

Đọc mở rộng

- HS biết đọc các văn bản có độ dài tương đương với văn bản đã học.

2. Phẩm chất

- Yêu thương và có trách nhiệm đối với con người và cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, thang đo, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khai thác những trải nghiệm của HS, giúp các em thuận lợi hơn trong việc tiếp cận nội dung và nghệ thuật của tác phẩm sắp được khám phá.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS suy nghĩ và ghi nhanh một số từ khoá liên quan đến kỉ niệm sâu sắc về những người thân, từ đó lựa chọn cách kể (hoặc vẽ tranh, làm thơ, mượn lời bài hát,...) để làm sống lại những sự kiện trong kí ức đó.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cần tạo ra không khí hào hứng, sôi nổi, khích lệ tinh thần tích cực, chủ động tham gia và sẵn sàng chia sẻ những câu chuyện riêng có ý nghĩa của HS trong lớp.

Bước 3: Báo cáo kết quả

HS chia sẻ những câu chuyện riêng có ý nghĩa bằng việc tự chọn hình thức của riêng mình.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được những nét khái quát về tiểu sử, vị trí, các tác phẩm chính, đặc điểm sáng tác truyện ngắn của Thạch Lam
- HS nắm được thể loại, hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ văn bản

b. Nội dung hoạt động: Thông qua phần chuẩn bị, soạn bài ở nhà của HS theo nhóm đôi, GV tổ chức cho HS đọc nhanh thông tin trong SGK và trả lời nhanh câu hỏi

c. Sản phẩm: Kết quả chuẩn bị ở nhà của HS và câu trả lời đúng, nhanh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 1 HS đọc thông tin về tác giả và tác phẩm tr.51 SGK - HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm đã chuẩn bị trước ở nhà theo nhóm đôi (làm phim tài liệu hoặc thiết kế powerpoint + thuyết trình về tác giả, tác phẩm) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (đã chuẩn bị ở nhà) Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện cặp đôi tham gia thuyết trình - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả + Tên thật: Nguyễn Tường Vinh, sau đổi Nguyễn Tường Lân. + Quê quán: Hà Nội + Từng có khoảng thời gian sống ở quê ngoại Cẩm Giàng, Hải Dương → không gian nghệ thuật quen thuộc trong văn Thạch Lam. + Con người: Là người thông minh, trầm tĩnh, điềm đạm, đôn hậu và rất tinh tế. - Vị trí: + Cây bút tiêu biểu của nhóm văn Tự lực văn đoàn, từng làm báo viết văn. + Nhà văn nổi tiếng giai đoạn 1930-1945 với sở trường truyện ngắn. - Đặc điểm sáng tác: + Thạch Lam viết nhiều về cuộc sống của người dân nghèo, trí thức bình dân, thể hiện niềm thương cảm kín đáo mà sâu sắc + Cốt truyện đơn giản, lối viết giản dị, lời văn trong sáng, truyện đậm tính trữ tình, giàu chất thơ. 2. Tác phẩm - Thể loại: Truyện ngắn trữ tình - Xuất xứ: In trong <i>Tuyển tập Thạch Lam</i>

Hoạt động 2.2: Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Học sinh biết cách đọc, xác định bố cục và tóm tắt được truyện qua các sự kiện trong văn bản
- Học sinh nhận biết ngôi kể, hiểu tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể cũng như quyền năng của người kể chuyện, đặc điểm lời kể chuyện, nội dung giao tiếp chủ yếu trong lời đối thoại của các nhân vật, lời kể xen lời độc thoại nội tâm; theo dõi các sự kiện cũng như diễn biến trong trạng thái tâm lý của nhân vật; dự đoán sự tiến triển của tình cảm nhân vật trên các dữ kiện đã có.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HD 1: Đọc văn bản, xác định bố cục và tóm tắt Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu 3 HS đọc 3 đoạn trong văn bản: - HS 1: Từ câu mở đầu đến “Để bà hái mấy lá rau nấu canh ăn cho	II. Đọc hiểu văn bản 1. Đọc văn bản, xác định bố cục và tóm tắt a. Đọc văn bản b. Xác định bố cục - Bố cục: + Đoạn 1: Từ câu mở đầu đến “Để bà hái mấy lá rau nấu canh ăn cho mát”: cảm xúc của Thanh khi trở về nhà bà và

mát” - HS 2: Từ “Bà cụ đi ra” đến “Chàng đến trường kỉ ngò ở bên đèn” - HS 3: Còn lại ? Dựa trên kết quả đọc ở nhà và nghe đọc, hãy xác định bố cục, nội dung từng đoạn và tóm tắt truyện ngắn Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh thực hiện nhiệm vụ đã chuẩn bị ở nhà theo yêu cầu - Trên lớp HS đọc lại theo hướng dẫn của GV - Trong khi đọc lưu ý trả lời các câu hỏi ở thẻ đọc. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện HS đọc to trước lớp, các HS khác đọc thầm, GV gọi HS xác định bố cục và tóm tắt (Gọi khoảng 2 HS bất kì) HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	những biểu hiện tình cảm của bà dành cho cháu. + Đoạn 2: Từ “Bà cụ đi ra” đến “Chàng đến trường kỉ ngò ở bên đèn”: Thanh gặp lại Nga – người bạn gái thuở ấu thơ – và sự chớm nở tình cảm giữa đôi bạn trẻ. + Đoạn 3: Từ “Sáng hôm sau, Thanh đã phải lên tỉnh” đến “cô lại giắt hoàng lan trong mái tóc để tưởng nhớ mùi hương”: Thanh ra đi, cảm thấy trong lòng trĩu nặng một niềm vương vấn về Nga. c. Tóm tắt: Văn bản xoay quanh một lần trở về quê thăm bà của nhân vật Thanh - mồ côi cha mẹ, sống cùng bà. Trong cảnh bình yên và thông thả của chốn xưa, những hình ảnh quen thuộc hiện lên, và bên cạnh mái tóc của bà, mùi hương hoàng lan nơi vườn và bên tóc mai của Nga khiến chàng trai trẻ xốn xang. Nhưng câu chuyện vẫn khép lại trong cảnh Thanh trở về tỉnh.
HD 2: Khám phá văn bản * GV hướng dẫn HS tìm hiểu ngôi kể, điểm nhìn trong truyện Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ ? Câu chuyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy? Ngôi kể có nhất quán trong toàn bộ tác phẩm không? ? Hình ảnh thiên nhiên, con người, cảnh sinh hoạt,... hiện ra qua đôi mắt của nhân vật nào? Việc chọn điểm nhìn như vậy có ý nghĩa gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận theo cặp thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận	2. Khám phá văn bản a. Ngôi kể trong truyện - “Dưới bóng hoàng lan” được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ ba - Ngôi kể thứ ba nhất quán trong toàn bộ tác phẩm. b. Điểm nhìn trong truyện - Điểm nhìn trần thuật: + Từ những quan sát và cảm nhận của nhân vật Thanh. + Đó là câu chuyện riêng tư của Thanh về ngôi nhà, về khu vườn, về bà và về Nga. Vì thế, mối quan hệ giữa Thanh với từng cảnh, từng người đều gần gũi, chan chứa kí ức. - Ý nghĩa: + Với điểm nhìn từ nhân vật, nhà văn dễ dàng hơn trong việc tạo không khí trữ tình cho câu chuyện. + Mọi đối tượng đều hết sức gần gũi, thân thiết bởi hiện lên dưới cái nhìn chứa chan tình cảm của Thanh. + Làm nổi bật bút pháp truyện ngắn của Thạch Lam.

- GV gọi đại diện 2-3 cặp đại diện báo cáo kết quả
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

*** GV hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung giao tiếp chủ yếu trong lời đối thoại của các nhân vật, lời kể xen lời độc thoại nội tâm; theo dõi các sự kiện cũng như diễn biến trong trạng thái tâm lí của nhân vật; dự đoán sự tiến triển của tình cảm nhân vật trên các dữ kiện đã có.**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp làm 6 nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu học tập hoặc giấy A0 theo nhiệm vụ của từng nhóm

Nhóm 1: Tìm hiểu tình cảm của Thanh đối với bà (qua đoạn đối thoại trong phần đầu truyện)

- Nhân vật đối thoại?
- Bối cảnh đối thoại?
- Nội dung cuộc đối thoại?
- Tình cảm của các nhân vật qua lời đối thoại?

Nhóm 2: Tìm hiểu tình cảm giữa Thanh và Nga

Các biểu hiện	Nhân vật Thanh	Nhân vật Nga	Phân tích
Lời nói			
Cử chỉ			
Suy nghĩ, cảm xúc			
Nhận xét chung về tình cảm hai nhân			

c. Tình cảm của Thanh đối với bà (qua đoạn đối thoại trong phần đầu truyện)

- Nhân vật đối thoại: Bà của Thanh và Thanh.
- Bối cảnh đối thoại: Sau một thời gian xa bà đi làm việc trên tỉnh, lần này được nghỉ một ngày, Thanh tranh thủ về thăm bà. Lời đối thoại diễn ra khi cháu vừa gặp lại bà.
- Nội dung cuộc đối thoại: Xoay quanh chuyện Thanh từ trên tỉnh về, bà cháu thể hiện sự quan tâm về nhau.
- Tình cảm của các nhân vật qua lời đối thoại: Cả bà và cháu bộc lộ tình cảm thân thương, trìu mến. Bà vui khi thấy cháu về, quan tâm cháu từng li từng tí (trời nắng, sợ cháu đi bộ mệt; hỏi chuyện ăn uống của cháu để làm cơm cho chóng; giục cháu vào nhà, rửa mặt, nghỉ ngơi). Cháu muốn biết có ai ở cùng bà, vì có lẽ không yên tâm nếu thấy bà ở một mình. Bên cạnh đó, giọng điệu nhẹ nhàng, âu yếm của các nhân vật trong từng lời đối thoại cũng là những biểu hiện rõ nét của tình cảm nhân vật.

d. Tình cảm giữa Thanh và Nga

- Nhân vật Thanh:

- + Lời nói: “Chàng chợt nhớ, chạy vùng xuống nhà ngang, gọi vui về: – Cô Nga...”;
- + Cử chỉ: “Chàng nhìn cô thiếu nữ xinh xắn trong tà áo trắng, mái tóc đen lánh bóng trên cổ nhỏ [...] và mỗi lần về, chàng lại gặp ở nhà như một người thân mật. [...] Thanh cũng ngồi ghé xuống. [...] Thỉnh thoảng chàng nhìn đôi môi thắm của Nga, hai má hồng. [...] một bà một cháu với một cô láng giềng chuyện trò dưới bóng đèn mãi tới khuya, khi trăng lên. [...] Thanh tiễn Nga ra đến cổng. [...] Không lưỡng lự, Thanh cầm lấy tay Nga, để yên trong tay mình.”
- + Suy nghĩ, cảm xúc: “hình như có tiếng người khác nữa, tiếng trong và mau hơn. Thanh lắng nghe: một tiếng cười sẽ đưa lên. [...] có lúc chàng lầm tưởng Nga chính là em gái ruột của mình. [...] Gạch mặt và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga, ngày nào, đi trên đó. [...] Có lúc gần nhau, Thanh thấy mái tóc Nga thoang thoang thơm như có giắt hoàng lan. [...] Có cái gì dịu ngọt chẳng tở ở đâu đây, khiến chàng vương phải. [...] Thanh biết rằng Nga sẽ vẫn đợi chàng, vẫn nhớ mong chàng như ngày trước.”...

- Nhân vật Nga:

- + Lời nói: “... rồi lên tiếng nhẹ nhàng: “– Anh Thanh! Anh đã về đấy à? [...] – Anh Thanh độ này khác hẳn trước. Anh chóng nhớn quá. [...] – Những ngày em đến đây hái hoa, em

vật dành cho nhau				nhớ anh quá.”... + Cử chỉ: “Nga ngừng nhìn Thanh, cười [...] nàng chỉ ăn nhỏ nhẹ, cầm chừng, và buông đũa luôn để sót cơm cho Thanh. [...] nụ cười tươi nở, nàng nhìn lại Thanh, một chút thôi, nhưng biết bao nhiêu âu yếm. [...] Nga cũng đứng yên lặng.”... + Suy nghĩ, cảm xúc: “Nga cũng cười hơi thẹn: [...] – “Anh con hái đầy ọ” và nàng nhìn Thanh mỉm cười. [...] Mỗi mùa cô lại giắt hoàng lan trong mái tóc để tưởng nhớ mùi hương.”... - Nhận xét chung về tình cảm hai nhân vật dành cho nhau: Giữa Thanh và Nga tuy chưa hề có lời tỏ tình, hẹn ước, nhưng trong lòng hai người đã dậy lên những tình cảm khác lạ. Đó là những rung động đầu đời, tươi mới, lạ lùng, ngỡ ngàng. Mọi lời nói, cử chỉ, cảm xúc của họ đều thể hiện sự quan tâm về nhau một cách nhẹ nhàng, tự nhiên, ngọt ngào và trong sáng. e. Nghệ thuật viết truyện của Thạch Lam qua cốt truyện, nhân vật và lời kể - Cốt truyện: rất đơn giản, có thể tóm lược trong vài ba dòng, không có những tình tiết li kì, gay cấn. Truyện không lôi cuốn người đọc bằng cốt truyện hấp dẫn. - Nhân vật: Truyện ngắn này chỉ có một vài nhân vật. Các yếu tố như: lai lịch, ngoại hình, hành động của nhân vật hầu như không có nét gì đặc biệt. Lời nói của nhân vật không nhằm thể hiện cá tính, mà chủ yếu bộc lộ đời sống tình cảm trong các mối quan hệ. - Lời kể: Xuyên suốt từ đầu đến cuối là lời kể của người kể chuyện ngôi thứ ba, đậm tính trữ tình, in đậm dấu ấn riêng của Thạch Lam. Lời kể đảm nhiệm nhiều chức năng: giới thiệu, miêu tả nhân vật (nhất là những biểu hiện tinh tế trong tâm trạng); tả cảnh thiên nhiên, cảnh sinh hoạt; thể hiện điểm nhìn từ người kể chuyện và điểm nhìn từ nhân vật; tạo giọng điệu riêng cho tác phẩm;... => Như vậy, lời kể là yếu tố thể hiện rõ nhất nghệ thuật truyện ngắn của Thạch Lam. g. Nhan đề truyện “Dưới bóng hoàng lan”: Đây là một nhan đề có tính đa nghĩa. Nhan đề truyện gợi những ý nghĩa: - Không gian thân thuộc, ở nơi đó, con người thể hiện những tình cảm đẹp đẽ, thuần hậu với nhau. - Không gian mát mẻ, tĩnh lặng, đối lập với cuộc sống phồn tạp bên ngoài.
Nhóm 3: Tìm hiểu nghệ thuật viết truyện của Thạch Lam ? Trong “Dưới bóng hoàng lan”, nghệ thuật viết truyện của Thạch Lam biểu hiện rõ nhất qua cốt truyện, nhân vật hay lời kể? Hãy phân tích các yếu tố đó. Nhóm 4: Tìm hiểu nhan đề truyện Theo bạn, nhan đề “Dưới bóng hoàng lan” có ý nghĩa gì? Nhóm 5: Tìm hiểu chất họa trong truyện ? Cảnh nào được miêu tả trong truyện gợi cho bạn nghĩ đến một bức tranh đẹp? Nếu cần chọn một cảnh để vẽ minh họa, bạn sẽ chọn cảnh nào? Vì sao? Nhóm 6: Tìm hiểu quan điểm, tư tưởng, thái độ của nhà văn ? Nhà thơ Thế Lữ cảm nhận: “Dưới bóng hoàng lan” là tác phẩm “nhân từ như một lời yên ủi” (Thạch Lam – Về tác gia và tác phẩm, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003, tr. 147). Từ gợi ý đó, bạn hãy phân tích tình cảm của tác giả đối với con người và cuộc sống được thể hiện qua tác phẩm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận theo nhóm thực hiện nhiệm vụ - GV khuyến khích HS mỗi nhóm tự chọn hình thức thảo luận đa dạng, sáng tạo, hiệu quả (VD: đối với nhóm 5 ngoài việc tìm đoạn văn giàu chất họa, HS phát huy năng lực hội họa của mình bằng việc vẽ tranh minh họa,...)				

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện 6 nhóm báo cáo kết quả bằng hình thức tự chọn - HS khác quan sát, lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV chốt, định hướng kiến thức cơ bản - Nhận xét, đánh giá sản phẩm của các nhóm theo rubric (bên dưới)	- Nơi ươm mầm một mối tình đôi lứa trong sáng, đẹp đẽ. h. Chất họa trong truyện - Gợi ý một vài đoạn giàu chất họa: + “... trên con đường gạch Bát Tràng rêu phủ, những vòng ánh sáng lọt qua vòm cây xuống nhảy múa theo chiều gió. [...] Thanh đi bên bà, người thẳng, mạnh, cạnh bà cụ gầy còng. Tuy vậy chàng cảm thấy chính bà che chở cho chàng, cũng như những ngày chàng còn nhỏ.”. + “Chàng lặng nằm xuống giường, ruỗi chân tay, khoan khoái. Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng; lá cây rung động dưới làn gió nhẹ. Một thân cây vút cao lên trước mặt. Cùng một lúc, chàng lẩm bẩm: “cây hoàng lan!”, mùi hương thơm thoang thoảng đưa vào.”. + “Thanh dắt nàng đi xem vườn; cây hoàng lan cao vút, cành lá rủ xuống như chào đón hai người. Có lúc gần nhau, Thanh thấy mái tóc Nga thoang thoảng thơm như có giắt hoàng lan. Nhưng hoa lan chưa rụng, vẫn còn tươi xanh ở trên cành. [...] Thanh chẳng biết nói gì; chàng vít một cành lan xuống giữ ở trong tay để Nga tìm hoa, rồi nhẹ nhàng buông ra cho cành lại cong lên. Nâng soi vào vai hai người, nhưng dưới chân đất vẫn mát như xưa.”. - HS vẽ tranh minh họa tự chọn i. Quan điểm, tư tưởng, thái độ của nhà văn - Ý nghĩa lời nhận xét của Thế Lữ: + “Nhân từ” là hiền lành, thương người; “yên ủi” là làm dịu những đau khổ, buồn phiền. + Như vậy, theo Thế Lữ, đọc truyện này, độc giả cảm thấy như nhận được một tình thương mến, khiến lòng người được vỗ về, an ủi. - Những nét đẹp trong tình cảm, cách ứng xử giữa các nhân vật với nhau, sự nâng niu, trân trọng đối với từng cảnh vật, từng kỉ niệm cũng như những biểu hiện tinh tế, mơ hồ nhưng dịu ngọt trong tình yêu mới chớm của đôi bạn trẻ,... Chính tư tưởng, tình cảm của tác giả đối với cuộc sống và con người là yếu tố tạo nên hiệu quả nghệ thuật này cho tác phẩm
---	---

RUBRIC ĐÁNH GIÁ PHẦN THẢO LUẬN NHÓM

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận

		Không có lỗi chính tả	Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động, có tương tác tốt.
Điểm			
TỔNG			

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản, rút ra tác dụng của ngôi kể

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Em hãy nêu những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của truyện ngắn “Dưới bóng hoàng lan”? ?Theo em, những yếu tố nào làm nên sức hấp dẫn của truyện ngắn Thạch Lam? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Ngôi kể thứ ba có sự nhất quán từ đầu truyện đến cuối câu chuyện - Đan xen giữa lời của người kể chuyện, lời đối thoại và lời độc thoại nội tâm của nhân vật. 2. Nội dung: - Câu chuyện nhẹ nhàng, giản dị nhưng đầy tình tế, sâu sắc, mang đến cho người đọc cảm giác thư thái, nhẹ nhàng. - Khởi gợi được thứ tình cảm gắn bó, sâu kín ở mỗi người, đó là tình yêu quê hương, tình cảm gia đình, tình yêu đầu

HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã chuẩn bị. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	đòi... 3. Sức hấp dẫn của truyện ngắn Thạch Lam: - Sáng tác thường hướng vào cuộc sống cơ cực của những người dân thành thị nghèo và vẻ đẹp nên thơ của cuộc sống thường nhật. - Cốt truyện đơn giản thuộc hoặc không có cốt truyện. - Thạch Lam đi sâu vào thế giới nội tâm nhân vật. - Có sự hòa quyện tuyệt vời giữa hai yếu tố hiện thực và lãng mạn, tự sự và trữ tình.
--	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.
- b. Nội dung:** HS đọc một đoạn trích trong văn bản, trả lời câu hỏi đọc hiểu và viết tích cực
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS và đoạn văn đã viết theo yêu cầu.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

*** Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng; lá cây rung động dưới làn gió nhẹ. Một thân cây vút cao lên trước mặt. Cùng một lúc, chàng lẩm bẩm: " Cây hoàng lan!", mùi hương thơm thoang thoang đưa vào. Thanh nhắm mắt ngửi hương thơm và nhớ đến cái cây ấy chàng hay chơi dưới gốc nhặt hoa. Đã từ lâu lắm, ngày mới có căn nhà này, ngày cha mẹ chàng hãy còn. Rồi đến ngày một bà một cháu quăn quýt nhau. Thanh ra tỉnh làm rồi đi về hàng năm, các ngày nghỉ. Bây giờ cây đã lớn.

Thanh thấy tâm hồn nhẹ nhõm tươi mát như vừa tắm ở suối. Chàng tắm trong cái không khí tươi mát này. Những ngày bận rộn ở tỉnh giờ xa quá. Khu vườn với các cây quen đã nhận biết chàng rồi.

Nghe tiếng bà đi vào. Thanh nằm yên giả vờ ngủ. Bà lại gần sờ sờ, buông màn, nhìn cháu và xua đuôi muỗi. Gió quạt đưa nhẹ trên mái tóc chàng. Thanh vẫn nằm yên, nhắm mắt nhưng biết bà ở bên mình. Chàng không dám động đậy, yên lặng chờ cho bà lại đi ra. Bà xuống bếp làm cơm hẩm. Tiếng dế nhỏ dần."

(Trích *Dưới bóng hoàng lan*, Tuyển tập Thạch Lam, NXB Văn học, Hà Nội, 1988, tr. 123-128)

Câu 1. Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Trong đoạn trích, cây hoàng lan được miêu tả qua những chi tiết nào?

Câu 3. Nêu tâm trạng của nhân vật Thanh khi trở về dưới bóng hoàng lan trong đoạn trích.

Câu 4. Anh/Chị hãy nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật của Thạch Lam trong đoạn trích.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trao đổi theo bàn
- GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 4 HS đại diện bất kì theo bàn lên bảng viết kết quả

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả, định hướng kiến thức

Gợi ý:

Câu 1. Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích: Tự sự, miêu tả, biểu cảm.

Câu 2. Những chi tiết miêu tả cây hoàng lan trong đoạn trích: lá cây rung động; thân cây vút cao; mùi hương thơm thoang thoảng; cây đã lớn.

Câu 3. Tâm trạng của nhân vật Thanh trong đoạn trích: Cảm thấy nhẹ nhàng, thư thái, bình yên khi tắm mình trong không khí tươi mát của hương hoàng lan và đón nhận sự săn sóc của bà.

Câu 4. Nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật của Thạch Lam trong đoạn trích: Miêu tả tinh tế các sắc thái tâm trạng; ngôn ngữ trong sáng, gợi cảm; giọng điệu nhẹ nhàng, giàu chất trữ tình.

*** Nhiệm vụ 2: Kết nối đọc - viết**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ), phân tích tâm trạng nhân vật Thanh ở đoạn văn cuối của phần kết truyện.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc
- GV lưu ý HS yêu cầu về cấu trúc đoạn văn, về ngữ pháp và liên kết câu, về số chữ của đoạn theo quy định.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 1-2 học sinh trình bày phần bài làm của mình
- HS khác lắng nghe, dựa vào Rubric đánh giá đoạn văn (bên dưới)

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo
- GV có thể thu “bài viết” của HS để đánh giá khả năng viết của từng em, khi cần, sử dụng làm tư liệu trong dạy học viết.

Gợi ý:

- Hình thức: đoạn văn 150 chữ - cấu trúc, dung lượng; từ ngữ, ngữ pháp đúng chuẩn mực; liên kết câu chặt chẽ.

- Xác định được đoạn văn phân tích: “Rồi chàng bước ra đi nửa buồn mà lại nửa vui. Thanh nghĩ đến căn nhà như một nơi mát mẻ và sung sướng để chàng thường về nghỉ sau việc làm. Và Thanh biết rằng Nga sẽ vẫn đợi chàng, vẫn nhớ mong chàng như ngày trước. Mỗi mùa cô lại giắt hoàng lan trong mái tóc để tưởng nhớ mùi hương.”

- Phân tích tâm trạng của Thanh trong đoạn văn trên: *nửa buồn mà lại nửa vui*

+ Buồn: vì phải đi xa ngôi nhà quen thuộc có tình thương yêu của bà, vì xa khung cảnh thân quen gắn với tuổi thơ, vì tình cảm mới chớm nở với Nga, còn chưa kịp ngỏ lời.

+ Vui: Lần này chàng đi, không chỉ mang theo tình thương yêu của bà, mà còn mang theo niềm tin vào tình yêu, sự chờ đợi của Nga. Điều đó khiến cho Thanh đi lần này chắc sẽ nhanh trở về hơn những lần trước.

- Nhận xét, đánh giá: Lời của người kể chuyện ngôi thứ ba và khả năng biết hết những diễn biến trong tâm trạng của nhân vật; những biểu hiện tinh tế ở tình cảm của Thanh và nghệ thuật miêu tả tình yêu mới chớm trong tâm hồn một chàng trai.

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ĐOẠN VĂN

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
----------	----------------	------

Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	1
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	0
Nội dung	Phân tích tâm trạng nhân vật Thanh ở đoạn văn cuối của phần kết truyện	
	- Xác định được đoạn văn phân tích	2,5
	- Phân tích tâm trạng của Thanh trong đoạn văn: <i>nửa buồn mà lại nửa vui</i>	3
	- Nhận xét, đánh giá: lời của người kể chuyện ngôi thứ ba và nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật Thanh	2
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	1,0

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học để nhận biết, hiểu và phân tích được ngôi kể, cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để đọc hiểu một văn bản tương tự.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

HAI ĐỨA TRÉ

Tiếng trống thu không trên cái chòi của huyện nhỏ; từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều. Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn. Dãy tre làng trước mặt đen lại và cắt hình rõ rệt trên nền trời.

Chiều, chiều rồi. Một chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào. Trong cửa hàng hơi tối, muỗi đã bắt đầu vo ve. Liên ngồi yên lặng bên mấy quả thuốc sơn đen; đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần và cái buồn của buổi chiều quê thấm thía vào tâm hồn ngây thơ của chị; Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn.

- Em thấp đèn lên chị Liên nhé?

Nghe tiếng An, Liên đứng dậy trả lời:

- Hẵng thông thả một lát nữa cũng được. Em ra ngồi đây với chị kéo ở trong ấy muỗi.

An bỏ bao diêm xuống bàn cùng chị ra ngoài chõng ngồi; chiếc chõng nan lún xuống và kêu cọt két.

- Cái chõng này sắp gãy rồi chị nhỉ?

- Ừ ể rồi chị bảo mẹ mua cái khác thay vào.

Hai chị em gượng nhẹ ngồi yên nhìn ra phố. Các nhà đã lên đèn cả rồi, đèn treo trong nhà bác phở Mỹ, đèn Hoa Kỳ leo lét trong nhà ông Cửu, và đèn dây sáng xanh trong hiệu khách... Những nguồn ánh sáng đều chiếu ra ngoài phố khiến cát lấp lánh từng chỗ và đường mấp mô thêm vì những hòn đá nhỏ một bên sáng một bên tối.

Chợ họp giữa phố vẫn từ lâu. Người về hết và tiếng ồn ào cũng mất. Trên đất chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và lá mía. Một mùi âm ẩm bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn mùi cát bụi quen thuộc quá, khiến chị em Liên tưởng là mùi riêng của đất, của quê hương này. Một vài người bán hàng về muộn đang thu xếp hàng hóa, đòn gánh đã xỏ sẵn vào quang rồi, họ còn đứng nói chuyện với nhau ít câu nữa.

Mấy đứa trẻ con nhà nghèo ở ven chợ cúi lom khom trên mặt đất đi lại tìm tòi. Chúng nhặt nhanh thanh nứa, thanh tre, hay bất cứ cái gì có thể dùng được của các người bán hàng để lại, Liên trông thấy động lòng thương nhưng chính chị cũng không có tiền để mà cho chúng nó.

Trời nhá nhem tối, bây giờ chị em Liên mới thấy thằng cu bé xách điếu đóm và khiêng hai cái ghế trên lưng ở trong ngõ đi ra; chị Tí, mẹ nó, theo sau, đội cái chõng trên đầu và tay mang không biết bao nhiêu là đồ đạc: tất cả cái cửa hàng của chị.

- Sao hôm nay chị dọn hàng muộn thế?

Chị Tí để chõng xuống đất, bày biện các bát uống nước mãi rồi mới chép miệng trả lời Liên:

- Ôi chao, sớm với muộn mà có ăn thua gì.

Ngày, chị đi mò cua bắt tép; tối đến chị mới dọn cái hàng nước này dưới gốc cây bàng, bên cạnh cái mốc gạch. Để bán cho ai? Máy người phu gạo hay phu xe, thỉnh thoảng có mấy chú lính lệ trong huyện hay người nhà thầy thừa đi gọi chân tổ tôm, cao hứng vào hàng chị uống bát nước chè tươi và hút điếu thuốc lào. Chị Tí chả kiếm được bao nhiêu, nhưng chiều nào chị cũng dọn hàng, từ chập tối cho đến đêm.

Chị kê xong chõng ghế, dịch ngọn đèn Hoa Kỳ lại để ngồi tèm trầu, còn thằng cu thì loay hoay nhóm lửa để nấu nồi nước chè. Lúc bấy giờ chị mới ngẩng lên nói chuyện với Liên:

- Còn cô chưa dọn hàng à?

Liên giật mình, kêu khê: “Chết chưa!”, rồi đứng dậy giục em:

- Vào đóng cửa hàng thôi, không mẹ mắng chết.

An đáp:

- Hôm nay chưa chắc mẹ có ra không, chị ạ. Mẹ còn bận làm gạo cơ mà.

Ngày nào, cứ chập tối, mẹ Liên tạt ra thăm hàng một lần, và bà dặn hễ cứ trông thu không là phải đóng cửa hàng lại. Thế mà Liên mãi ngồi nhìn phố quên mất! Bây giờ Liên vội vàng vào thắp đèn, xếp những quả sơn đen lại, trong lúc An đi tìm then để cài cửa cho chắc chắn. Cái cửa hàng hai chị em trông coi - là một cửa hàng tạp hóa nhỏ xíu, mẹ Liên dọn ngay từ khi cả nhà bỏ Hà Nội về quê ở, vì thầy Liên mất việc. Một gian hàng bé thuê lại của bà lão móm ngăn ra bằng một tấm phen nửa dán giấy nhật trình. Mẹ Liên giao cho Liên trông coi - bà còn bận làm hàng xáo - và buổi tối thì hai chị em cùng ngủ ở đây để trông hàng.

Liên đếm lại những phong thuốc lào, xếp vào hòm các bánh xà phòng còn lại, vừa lẩm nhẩm tính tiền hàng. Hôm nay ngày phiên mà bán cũng chẳng ăn thua gì.

- Có phải buổi trưa em bán cho bà Lục hai bánh xà phòng không?

An ngẫm nghĩ rồi đáp:

- Vâng, bà ta mua hai bánh, còn cụ Chi lấy chịu nửa bánh nữa.

Liên với cái bàn tính để cộng số tiền. Nhưng trong hàng nóng và muỗi quá, chị ngần ngại rồi xếp hết cả tiền vào tráp không tính nữa:

- Thôi, để mai tính một thể.

An nhìn chị, chỉ đợi lúc ấy. Hai chị em cùng vội muốn đóng cửa hàng để lại ra ngoài kia, ngồi trên chõng ngắm nhìn phong cảnh ngoài phố. Liên khóa vội tráp tiền với một chiếc chìa khóa chị đeo vào cái dây xà tích bạc ở thắt lưng, chiếc xà tích và cái khóa chị quý mến và hãnh diện, vì nó tỏ ra chị là người con gái lớn và đảm đang.

- A, cô bé làm gì thế?

Nghe câu nói tiếp theo một tiếng cười khanh khách, chị em Liên không cần ngoảnh mặt ra cũng biết là ai đã vào hàng. Đó là cụ Thi, một bà già hơi điên, vẫn mua rượu ở hàng Liên. Liên đã biết tính bà, chị lẳng lặng rót một cút rượu ti đầy đưa cho cụ; chị không dám nhìn mặt cụ, và trong lòng hơi run sợ, chị mong cho cụ chóng đi. Cụ cầm cút rượu soi lên rồi cười giòn giã nói:

- A, em Liên thảo nhỉ. Hôm nay lại rót đầy cho chị đây.

Cụ ngựa cổ ra đằng sau, uống một hơi cạn sạch, rồi vừa chếp miệng vừa lẩn ruột tượng trả tiền. Cụ để ba đồng xu vào tay Liên, xoa đầu chị một cái rồi lão đảo bước ra ngoài. Hai chị em Liên đứng sững nhìn theo cụ đi lẩn vào bóng tối, tiếng cười khanh khách nhỏ dần về phía làng.

(Theo SGK Ngữ Văn 11, tập 1, NXB Giáo dục, tr.95-97)

Câu 1. Xác định người kể chuyện trong đoạn trích.

Câu 2. Toàn bộ cảnh vật thiên nhiên, cuộc sống con người nơi phố huyện được cảm nhận qua cái nhìn và tâm trạng của nhân vật nào? Cách lựa chọn điểm nhìn như vậy có ý nghĩa gì?

Câu 3. Khung cảnh phố huyện được miêu tả trong thời khắc nào? Tìm những chi tiết miêu tả bức tranh nơi phố huyện lúc chiều tàn (âm thanh, hình ảnh, màu sắc, đường nét)? Cảnh này gợi cho bạn những suy nghĩ, xúc cảm gì?

Câu 4. Nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai? Phân tích vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật chính trong đoạn trích?

Câu 5. Qua việc miêu tả bức tranh phố huyện và thể hiện nội tâm của Liên, bạn hiểu gì về tình cảm của nhà văn Thạch Lam?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trả lời câu hỏi theo yêu cầu (có thể thực hiện ở nhà)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi HS trình bày kết quả (vào tiết học chiều)

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả, định hướng kiến thức (vào tiết học chiều)

Gợi ý:

Câu 1. Người kể chuyện trong đoạn trích giấu mặt, đó là người kể chuyện ngôi thứ ba.

Câu 2.

- Toàn bộ cảnh vật thiên nhiên, cuộc sống con người nơi phố huyện được cảm nhận qua cái nhìn và tâm trạng của nhân vật Liên

- Cách lựa chọn điểm nhìn miêu tả ấy thể hiện nét đặc sắc và độc đáo trong nghệ thuật miêu tả của nhà văn, nhà văn đã không trực tiếp mô tả qua cảm nhận của mình mà bằng những cảm nhận và quan sát của Liên. Bức tranh thiên nhiên trong *Hai đứa trẻ* được thể hiện bằng những motif của ánh sáng và bóng tối. Cảnh thiên nhiên hiện hữu thật chân thực khi có sự phối hợp hài hòa của cả màu sắc, âm thanh và mùi vị. Ngoài ra, việc tạo nên hệ thống hình ảnh có sự tương phản về độ tối – sáng trong tác phẩm cũng là một nét đặc sắc về nghệ thuật miêu tả của nhà văn và việc chọn Liên là điểm nhìn để có thể miêu tả và cảm nhận về cảnh vật. Điều này khiến cho những tác

giả có thể phần nào gián tiếp nói lên tâm trạng nhân vật, thể hiện được những rung cảm tinh tế của Liên – một nhân vật có đời sống tâm hồn phong phú và tinh tế trong cách nhìn nhận, quan sát những điều diễn ra xung quanh cuộc sống.

Câu 3.

- Khung cảnh phố huyện được miêu tả trong thời khắc chiều tối
- Những chi tiết miêu tả bức tranh phố huyện:
 - + Âm thanh:
 - ++ Tiếng trống thu không gọi chiều về.
 - ++ Tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng.
 - ++ Tiếng muỗi vo ve. (“Tiếng trống thu không ... trên nền trời”)
 - + Hình ảnh, màu sắc:
 - ++ “Phương tây đỏ rực như lửa cháy”,
 - ++ “Những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn”.
 - + Đường nét: dãy tre làng cắt hình rõ rệt trên nền trời.
- Qua những chi tiết miêu tả bức tranh nơi phố huyện gợi nỗi buồn man mác. Nỗi buồn ấy hiện diện ở bức tranh thiên nhiên, bức tranh của cuộc sống sinh hoạt và trong nỗi lòng của con người. Tuy nhiên, dù cuộc sống có nghèo khó và tưởng chừng sẽ chìm khuất vào bóng tối, con người nơi ấy vẫn có những tấm lòng đáng quý và những mong ước đáng trân trọng...

Câu 4.

- Nhân vật chính trong đoạn trích trên là Liên.
- Tâm trạng của Liên:
 - + Cảm nhận rất rõ: “mùi riêng của đất, của quê hương này”.
 - + Cảnh ngày tàn và những kiếp người tàn tạ: gợi cho Liên nỗi buồn thấm thía
 - + Động lòng thương những đứa trẻ nhà nghèo nhưng chính chị cũng không có tiền mà cho chúng.
 - + Xót thương mẹ con chị Tí: ngày mò cua bắt tép, tối dọn cái hàng nước chè tươi chả kiếm được bao nhiêu.
- > Liên là một cô bé có tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, có lòng trắc ẩn, yêu thương con người.

Câu 5. Tình cảm của nhà văn Thạch Lam:

- Yêu mến, gắn bó với thiên nhiên đất nước.
- Giàu lòng trắc ẩn đối với những kiếp người nghèo khổ.

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.
- Tìm đọc thêm các truyện ngắn có cùng đặc điểm sáng tác và độ dài tương đương.
- Chuẩn bị bài: Một chuyện đùa nho nhỏ (An-tôn Sê-khốp)

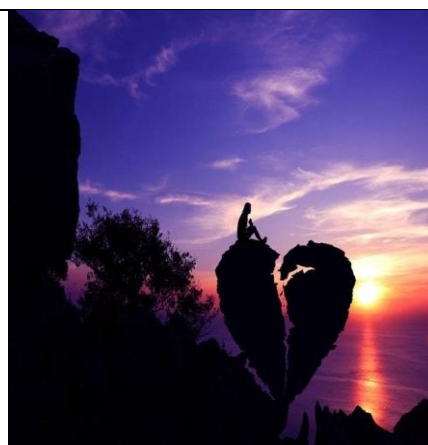
TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

Tiết:72

VĂN BẢN 3: MỘT CHUYỆN ĐÙA NHO NHỎ
An-tôn Sê-khốp



I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc**

Đọc hiểu nội dung

- Văn bản này giúp HS nhận biết và hiểu được đặc điểm loại truyện ngắn hồi ức về một tình huống – cơ hội lẽ ra có thể trở thành bước ngoặt trong cuộc đời hai nhân vật, nhưng dưới áp lực tâm lí đời thường bị biến thành một chuyện đùa, trở thành nỗi niềm trần trụi, nuối tiếc. HS cũng cần liên kết được đặc điểm của truyện này với loại “truyện không có chuyện” (sự việc diễn ra mang tính chất đời thường, không/ chưa làm thay đổi tình trạng cuộc sống của nhân vật) ở văn bản Dưới bóng hoàng lan.

Đọc hiểu hình thức

- Đọc văn bản, HS cũng cần hiểu vai trò, quyền năng và những giới hạn của người kể chuyện ngôi thứ nhất là một trong hai nhân vật chính của câu chuyện. Người kể chuyện xưng “tôi” ở đây đã phải dịch chuyển điểm nhìn nhập vào dòng hồi ức sống động “lúc đó” (khi sự việc đang diễn

ra) được triển khai từ đầu đến gần cuối mạch truyện kể sang điểm nhìn “bây giờ” (nhiều năm sau khi sự việc đã là quá khứ) ở phần kết truyện tạo sự gián cách cần thiết cho những suy ngẫm, trầm trở. Qua sự dịch chuyển điểm nhìn, HS cần nắm bắt được vai trò quan trọng của những biến động tâm lí, nhận thức của người kể chuyện ngôi thứ nhất trong việc thể hiện tư tưởng chủ đề, cảm hứng chủ đạo phổ biến cho loại truyện ngắn hồi ức này.

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.
- Liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác giả Sê-khốp

Đọc mở rộng

- HS biết đọc các văn bản có độ dài tương đương với văn bản đã học.

2. Phẩm chất

- Yêu thương và có trách nhiệm đối với con người và cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, thang đo, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khai thác những trải nghiệm của HS, giúp các em thuận lợi hơn trong việc tiếp cận nội dung và nghệ thuật của tác phẩm sắp được khám phá.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Em hãy kể lại một kỉ niệm trong quá khứ khiến cho em phải suy nghĩ rất nhiều về cuộc sống của mình trong hiện tại và tương lai.
- Theo các em, những chuyện gì có thể coi là chuyện hệ trọng, chuyện gì là chuyện đùa? Ranh giới và bước chuyển từ hệ trọng sang đùa cợt, và ngược lại có thể diễn ra thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS nhớ lại kỉ niệm đáng nhớ của mình, chuẩn bị chia sẻ
- GV cần tạo ra không khí hào hứng, sôi nổi, khích lệ tinh thần tích cực, chủ động tham gia và sẵn sàng chia sẻ những câu chuyện riêng có ý nghĩa của HS trong lớp.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS chia sẻ những câu chuyện riêng có ý nghĩa

- HS trả lời câu hỏi và bày tỏ quan điểm của cá nhân về câu chuyện được chia sẻ với thái độ tôn trọng

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được những nét khái quát về vị trí, tiểu sử, đặc điểm sáng tác truyện ngắn của Sê-khốp

- HS nắm được lịch sử sáng tác của truyện ngắn để dễ dàng đọc hiểu văn bản

b. Nội dung hoạt động: Thông qua phần chuẩn bị, soạn bài ở nhà của HS theo nhóm đôi, GV tổ chức cho HS đọc nhanh thông tin trong SGK và trả lời nhanh câu hỏi

c. Sản phẩm: Kết quả chuẩn bị ở nhà của HS và câu trả lời đúng, nhanh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 2 HS đọc thông tin về tác giả và tác phẩm tr.57-58 sgk - HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm đã chuẩn bị trước ở nhà theo nhóm (làm phim tài liệu hoặc thiết kế powerpoint + thuyết trình về tác giả, tác phẩm) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (đã chuẩn bị ở nhà) Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện cặp đôi tham gia thuyết trình - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	I. Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm 1. Tác giả An-tôn Sê-khốp - Vị trí: Ông là một trong những nhà văn lớn nhất của văn học Nga - Về tiểu sử của nhà văn: + “An-tôn Sê-khốp (1860 – 1904) sinh ra và lớn lên trong một gia đình buôn bán nhỏ tại thị trấn Ta-gan-róc (Taganrog), miền nam nước Nga” – Môi trường tiểu thị dân với những biểu hiện nếp sống, tâm lí đời thường,... trở thành đối tượng miêu tả chủ yếu trong sáng tác của nhà văn. + Sê-khốp “theo học ngành y” và đã từng hành nghề bác sĩ. Khi sáng tác văn chương trong “thời buổi đau ốm”, nhà văn luôn muốn chẩn đoán “căn bệnh” bắt nguồn từ tâm lí đời thường của những con người bình thường xung quanh mình. Ông hiểu, để chữa được bệnh thì chính người bệnh cũng phải ý thức được căn bệnh của mình và mong muốn khỏi bệnh. Từ đó, trong sáng tác của mình, nhà văn tập trung mô tả sự bức bối của những con người bình thường bị trói buộc bởi tâm lí đời thường và nhen nhóm lên trong lòng nhân vật (và cả người đọc) khát vọng đổi thay cuộc sống. - Về đặc điểm sáng tác truyện ngắn của Sê-khốp: “Văn phong Sê-khốp hàm súc, cô đọng. Phần lớn truyện ngắn của ông là những “truyện không có chuyện”, mở đầu thường dẫn người đọc nhập thẳng vào khung cảnh câu chuyện, tâm trạng nhân vật, kết thúc thường gây cảm giác “chưa có chuyện gì xảy ra cả” như trong một sự đợi chờ khắc khoải” 2. Tác phẩm

	- Truyện ngắn “Một chuyện đùa nho nhỏ” của Sê-khốp in lần đầu tiên trên tạp chí Dế mèn của Nga, số 10, ngày 12/3/1886. - Năm 1899, Sê-khốp chỉnh lí, bổ sung một số câu chữ, thay đổi phần kết truyện để đưa vào tuyển tập Truyện ngắn Sê-khốp”.
--	---

Hoạt động 2.2: Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Học sinh đọc, xác định bố cục và tóm tắt được truyện qua các sự kiện trong văn bản
- Học sinh nhận biết được ngôi kể, xác định điểm nhìn, đặc điểm lời kể chuyện, giọng điệu, cảm hứng chủ đạo; hiểu tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể cũng như quyền năng của người kể chuyện, nội dung giao tiếp chủ yếu trong lời nhân vật, lời kể chuyện xen lời độc thoại nội tâm.
- Học sinh theo dõi các sự kiện cũng như diễn biến trong trạng thái tâm lí của nhân vật, từ đó dự đoán diễn biến các sự việc trên cơ sở tương tác ý thức của các nhân vật.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HD 1: Đọc văn bản, xác định bố cục và tóm tắt Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu 4 HS đọc 4 đoạn tiêu biểu trong văn bản: - HS 1: Đoạn trượt tuyết lần đầu, - HS 2: Đoạn Na-đi-a một mình lên xe trượt, - HS 3: Cảnh chia tay mùa xuân, - HS4: Đoạn kết ? Dựa trên kết quả đọc ở nhà và nghe đọc, hãy xác định bố cục và tóm tắt truyện bằng sơ đồ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh thực hiện nhiệm vụ đã chuẩn bị ở nhà theo yêu cầu - Trên lớp HS đọc lại một số đoạn theo hướng dẫn của GV - Trong khi đọc lưu ý trả lời các câu hỏi ở thẻ đọc. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện HS đọc to trước lớp, các HS khác đọc thầm, GV gọi HS xác định bố cục và tóm tắt (Gọi khoảng 2 HS bất kì) HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ	II. Đọc hiểu văn bản 1. Đọc văn bản, xác định bố cục và tóm tắt a. Đọc văn bản b. Xác định bố cục - Đoạn 1: Từ đầu đến “...không muốn tin rằng gió đã nói những lời ấy!”: Lời yêu thương chân thành bột phát của nhân vật “tôi” bất giác trở thành một chuyện đùa, song lại nhen lên lòng Na-đi-a khát vọng hạnh phúc cùng những băn khoăn. - Đoạn 2: Từ “Sáng hôm sau...” đến “...không còn khả năng hiểu nữa...”: Na-đi-a say sưa với khát vọng yêu thương, rồi quyết tâm vượt qua nỗi sợ, truy tìm sự thật một mình. - Đoạn 3: Từ “Thế rồi những ngày xuân tháng Ba đã tới...” đến “Còn tôi trở vào nhà thu xếp đồ đạc...”: cảnh chia tay lúc xuân sang – khoảnh khắc giao cảm một lần nữa bùng lên rồi vụt tắt. - Đoạn 4: Từ “Chuyện ấy đã qua lâu rồi” cho đến hết: Những suy tư, nuối tiếc, trăn trở nhiều năm sau, khi tất cả chỉ còn là kỉ niệm. c. Tóm tắt - Câu chuyện được kể bằng ngôi thứ nhất, kể về một câu chuyện đùa nho nhỏ của nhân vật “tôi” với cô nàng Na-đi-a. - Nhân vật tôi trong một buổi trưa mùa đông đã rủ Na-đi-a chơi trượt tuyết và khi trượt xuống dốc, anh đã nói đùa “Na-

sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	đi-a, anh yêu em”. - Na-đi-a băn khoăn không biết ai đã nói câu nói ấy và nàng đã cố gom góp tất cả sự can đảm để trượt tuyết từ trên đỉnh dốc, một việc mà lúc bình thường có các vàng cô cũng chẳng làm, chỉ để được nghe câu: “Na-đi-a, anh yêu em”. Nàng không biết câu nói ấy là gió nói hay nhân vật tôi nói, sự nữ tính đã khiến nàng ngại ngùng không dám hỏi và rồi nàng đắm chìm trong sự ngọt ngào của câu nói ấy, nàng sống mà không thể thiếu nó. - Cuối cùng, nàng vẫn không biết ai là người nói và cũng không còn được nghe câu nói ấy sau khi nhân vật tôi đi Petersburg nhưng điều ấy đã trở thành kỷ niệm hạnh phúc nhất, xúc động nhất, đẹp đẽ nhất trong đời nàng.
HD 2: Khám phá văn bản * Tìm hiểu người kể chuyện và vai trò của người kể. Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ ? Câu chuyện được kể bằng lời người kể chuyện ngôi thứ mấy? Người kể đó tham gia vào những hành động chính nào của truyện? ? Xác định điểm nhìn của người kể trong toàn bộ câu chuyện ? Giọng điệu người kể chuyện có sự thay đổi như thế nào trong thời điểm “lúc ấy” (lúc hồi ức quá khứ) và “bây giờ” (hiện tại) ? Từ sự dịch chuyển điểm nhìn và giọng điệu của người kể chuyện trong tác phẩm, hãy cho biết vai trò, quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ nhất trong tác phẩm được kể theo kiểu hồi ức. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV phát phiếu HT số 1 cho HS (xem phụ lục 1) - HS thảo luận theo cặp thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi đại diện 1-2 cặp đại diện báo cáo kết quả HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ	2. Khám phá văn bản a. Người kể chuyện - Ngôi kể: + Ngôi thứ nhất, xưng “tôi”; + Nhân vật “Tôi” tham gia vào những hành động chính của truyện như: Rủ Na-đi-a trượt tuyết và nói lời yêu thương trong lần đầu; biến lời yêu thương thành trò đùa trong những lần trượt tuyết tiếp theo; gửi lời yêu thương cuối cùng qua hàng rào có đinh nhọn; nhớ về kỉ niệm cũ và day dứt. - Điểm nhìn: + Điểm nhìn “lúc đó” - quá khứ, tại thời điểm khi mà nhân vật “tôi” bắt đầu trò đùa của mình: ++ Điểm nhìn bên trong ý thức nhân vật khi nói “tôi yêu em” với Na-đi-a trong lần trượt tuyết đầu tiên. ++ Điểm nhìn bên ngoài ý thức Na-đi-a khi nảy sinh trò đùa cợt sau lần trượt tuyết đầu tiên và trong những lần trượt tuyết tiếp theo. + Điểm nhìn “bây giờ” - thời điểm hiện tại - khi hồi ức về kỉ niệm, nhân vật “tôi” đứng ngoài nghe ngóng và quan sát đồng thời bộc lộ sự day dứt. - Điểm nhìn chi phối giọng kể: “lúc đó” – giọng chân thành tha thiết trong lần trượt tuyết thứ nhất; giọng đùa cợt, lãnh đạm sau lần trượt tuyết thứ nhất ...; giọng băn khoăn, day dứt ở thời điểm “bây giờ”. - Vai trò của người kể chuyện: Người kể chuyện với những dịch chuyển điểm nhìn đã thể hiện quyền năng của mình trong việc khắc họa tâm lí của nhân vật đồng thời thể hiện được cảm hứng chủ đạo của tác phẩm.

sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức. * Tìm hiểu nhân vật và quyền năng của người kể chuyện Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn, thảo luận nhóm theo phiếu HT số 2 (xem phụ lục 2) tìm hiểu về nhân vật Na-đi-a, nhân vật “tôi” và quyền năng của người kể chuyện theo các thời điểm cụ thể sau: Nhóm 1,2: Lần trượt tuyết đầu tiên ? Căn cứ vào những gì được biểu hiện trong lời tả và kể của nhân vật “tôi” về lần trượt tuyết đầu tiên, hãy đoán định tình cảm thực sự của nhân vật với Na-đi-a. Nhóm 3,4: Các lần trượt tuyết sau ? Sau lần trượt tuyết đầu tiên, từ khi nảy sinh ý đùa với Na-đi-a, những hành động, cử chỉ, lời nói nào của nhân vật “tôi” cho thấy anh không còn khả năng đồng cảm với Na-đi-a nữa? Vì sao có thể nói nhân vật “tôi” cũng chính là người mất mát sau “một chuyện đùa nhỏ” của mình? ? Câu nói “Na-đi-a, anh yêu em!” có ý nghĩa thế nào đối với Na-đi-a? Vì sao bắt chước nỗi sợ, cô quyết định ngồi vào xe trượt xuống “một mình” để “thử xem có còn nghe thấy những lời ngọt ngào say đắm ấy nữa không” Nhóm 5,6: Lần chia tay lúc xuân sang ? Cảnh chia tay của hai nhân vật lúc xuân sang gợi lên cho bạn	b. Nhân vật và quyền năng của người kể chuyện - Lần trượt tuyết đầu tiên + Na-đi-a: ++ “Băn khoăn cực điểm” sau khi được nghe những lời yêu thương lần đầu ++ Trong khát vọng hạnh phúc, cô gái dường như vẫn nghe thấy những lời yêu thương ấy, song cô vẫn muốn đó không phải chỉ là “gió nói” mà phải là lời “anh ấy nói” như một sự thực khách quan để khẳng định hạnh phúc hiện hữu chứ không phải là ảo giác. + Nhân vật tôi: ++ “Na-đi-a, anh yêu em!”, nhân vật “tôi” quan sát Na-đi-a và có lúc còn như nhập vào tâm trạng “băn khoăn cực điểm” của nàng ++ Trực tiếp thể hiện sự đồng cảm của mình với nàng trong cùng một nỗi sợ trượt tuyết chung cho cả “chúng tôi”: đây không chỉ là tình huống nguy hiểm, đáng sợ, mà còn thực sự hệ trọng. Lời yêu thương được nói ra trong cảm nhận chung yêu thương đó xuất phát từ tình cảm chân thành + Quyền năng của người kể chuyện: ++ Tâm trạng Na-đi-a được nhận biết qua đoán định của nhân vật “tôi” khi còn đồng cảm, chưa nảy sinh ý đùa với Na-đi-a ++ Sự đối sánh hai nhân vật – hai quan điểm sống như thủ pháp thường được sử dụng trong thể loại truyện ngắn. - Các lần trượt tuyết sau: + Nhân vật tôi: ++ Khi nảy sinh ý đùa với Na-đi-a, nhân vật “tôi” không còn khả năng đồng cảm với Na-đi-a nữa. ++ Trong lần trượt thứ hai, nhân vật đã bắt đầu tính toán (“đúng vào lúc chiếc xe lao nhanh nhất, tiếng gió gào rít ghê gớm nhất, tôi lại nói”), và sau đó thể hiện “giọng nói thờ ơ lãnh đạm”, rồi trước khi nhắc lại câu nói trong lần trượt thứ ba anh ta cẩn thận “lấy chiếc khăn tay che miệng đi rồi khẽ đằng hắng lên mấy tiếng”. Khi biến những lời yêu thương thành chuyện đùa, nhân vật “tôi” ngày một xa cách với Na-đi-a, mất dần khả năng đồng cảm với nàng. ++ Anh trở thành nhỏ bé “lẩn trong đám đông” khi quan sát nàng bước lên xe trượt một mình để kiểm chứng sự thật. Chính lúc “lẩn trong đám đông” quan sát Na-đi-a, nhân vật “tôi” bộc lộ sự tầm thường của mình. Như người của “đám đông”, anh ta đã không đủ dũng khí thú nhận tình yêu đích
--	--

những cảm nghĩ gì về các nhân vật và cuộc đời? Nếu rơi vào hoàn cảnh tương tự, bạn ứng xử ra sao? Nhóm 7,8: Hồi ức sau nhiều năm Trong phần kết, khi kể về tình trạng cuộc sống của Na-đi-a và của mình nhiều năm sau, người kể chuyện có tâm trạng thế nào? Hãy nêu nhận xét về cảm hứng chủ đạo của truyện ngắn. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV phát phiếu HT số 2 cho HS (xem phụ lục 2) - HS thảo luận theo nhóm thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi đại diện 4 nhóm báo cáo kết quả, nhóm còn lại có cùng nhiệm vụ quan sát nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV chốt, định hướng kiến thức cơ bản - Nhận xét, đánh giá sản phẩm của các nhóm theo rubric (xem phụ lục 3)	thực với lòng mình, biến nó thành một chuyện đùa, để hạnh phúc vốn rất gần, vượt ra ngoài tầm tay với ++ Do không ý thức được hết sự hệ trọng của lời yêu thương, biến tình yêu của Na-đi-a, cũng là của mình thành “một chuyện đùa”, nhân vật “tôi” đã bỏ lỡ cơ hội đón nhận hạnh phúc của chính mình. Trong truyện, nhân vật “tôi” vừa là thủ phạm, vừa là nạn nhân của “một chuyện đùa nho nhỏ” do mình sắp đặt. Anh cũng chính là người phải chịu mất mát sau tất cả chuyện này. => Trong trò đùa của mình, nhân vật “tôi” khi sắm vai “lãnh đạm” đã đánh mất sự đồng cảm với khát vọng hạnh phúc của cô gái và chưa ý thức được rằng khát vọng hạnh phúc của cô cũng đồng thời chính là cơ hội hạnh phúc của anh. Nỗi buồn mơ hồ lúc xuân sang, khát vọng nói lời yêu thương thêm một lần nữa và sự trăn trở của nhân vật “tôi” ở câu kết truyện là minh chứng cho sự nuối tiếc của nhân vật. + Na-đi-a: ++ Vẫn quyết truy tìm sự thật. ++ Chính nỗi “băn khoăn cực điểm” đó làm cho cô không thoả mãn với cảm giác say sưa do những lời yêu thương mang lại, quyết định ngồi vào xe trượt xuống “một mình” để “thử xem có còn nghe thấy những lời ngọt ngào say đắm ấy nữa không”. => Hình ảnh Na-đi-a đi lên ngọn đồi, bất chấp nỗi sợ, ngồi vào xe, trượt xuống “một mình” để truy tìm sự thật, gợi xúc cảm đáng trân trọng, khâm phục. Cái tên của Na-đi-a trong tiếng Nga có nghĩa là “hi vọng”. + Quyền năng của người kể chuyện: ++ Vượt ra khỏi tầm ý thức của nhân vật “tôi” kể chuyện. ++ Giới hạn ý thức của người kể chuyện ngôi thứ nhất là nhân vật chính khi đoán định tâm tư, tình cảm của nhân vật khác cùng tham gia vào tình huống truyện. ++ Sau lần trượt thứ nhất, nhân vật “tôi” khi kể chuyện đã dịch chuyển điểm nhìn của mình ra ngoài ý thức của Na-đi-a, do vậy mà những phỏng đoán của anh về tâm trạng và hành động của nàng không còn xác đáng nữa ++ Tổ chức điểm nhìn để nhân vật “tôi” từ “đám đông” dưới tháp hướng “nhìn lên cao” quan sát Na-đi-a cũng đóng vai trò định hướng đánh giá nhân vật. ++ Sự “không đáng tin” của lời người kể chuyện ngôi thứ nhất khi kể từ điểm nhìn “lúc đó, bấy giờ” của người trong cuộc, chưa có “độ lùi” thời gian suy ngẫm để ý thức lại về
--	--

toàn bộ câu chuyện.

- Lần chia tay lúc xuân sang:

+ Bao trùm lên cảnh chia tay lúc xuân sang là sự tương phản giữa khát khao giao cảm bùng lên lần cuối rồi tắt đi trong thực tế phũ phàng. Cả cảnh vật lẫn con người ở đây đều được miêu tả theo khuynh hướng ẩn tượng chung như là một điều gì đó thật đẹp, thật ám áp nhen nhúm lên, rồi tan biến mất.

+ Ý thức về sự ngăn trở hiển hiện qua hình ảnh “hàng rào cao có đỉnh nhọn” như thực tế phũ phàng ngăn cách nhân vật “tôi” với Na-đi-a. Song trong một khoảnh khắc, nhân vật “tôi”, bước tới bên hàng rào, “ghé nhìn qua khe hở”, bất chợt tìm lại được sự giao cảm với khát vọng hạnh phúc của Na-đi-a, một lần nữa, anh gửi lời yêu thương theo gió đến nàng để được thấy gương mặt Na-đi-a “chan hoà một nụ cười rạng rỡ”, “mừng rỡ, đẹp xinh và hạnh phúc”.

+ Tình tiết “gửi lời theo gió” này không hẳn có gì là kì ảo, nó biểu thị sự giao cảm của hai nhân vật trong khát vọng hạnh phúc bùng lên trong khoảnh khắc như một ngọn gió.

+ Ngay sau khoảnh khắc có thể coi là “lãng mạn” đó, nhân vật tôi trở lại với thực tại phũ phàng: “Còn tôi trở vào nhà thu xếp đồ đạc...”. Tất cả sự giao cảm lại tan biến mất.

=> Vẫn là nhân vật tôi kể chuyện nhưng góc nhìn lại đã thay đổi: nhân vật tôi đứng trên ẩn tượng chung của cả 2 người để nhìn về kỉ niệm để thấy nó thật đẹp. Giây phút cuối của cuộc chia tay, nhân vật tôi đứng trên điểm nhìn cá nhân để nhìn về thực tế phũ phàng.

- Hồi ức và cảm hứng chủ đạo của truyện ngắn:

+ **Nhân vật “tôi”:** Suy tư, trầm trồ.

+ **Na –đi-a** đã lấy chồng và có 3 con.

+ Hồi ức được tạo nên bởi sự dịch chuyển điểm nhìn theo thời gian thay đổi đột ngột từ “lúc đó” sang “bây giờ” ở phần kết truyện.

- **Cảm hứng chủ đạo của truyện ngắn:** Giọng điệu của người kể chuyện có tỏ ra lãnh đạm (“qua lâu rồi”, “cũng thế cả thôi”), song khi nói về “chút kỉ niệm cũng nhau trượt tuyết” thì giọng điệu lại trở nên day dứt, thiết tha (“không sao quên được”, “hạnh phúc nhất, xúc động nhất, đẹp đẽ nhất trong đời...”). Đặc biệt, câu kết “Còn tôi, bây giờ đã đứng tuổi, tôi không hiểu nổi vì lẽ gì đã nói những lời đó, sao tôi lại đùa như thế...” thể hiện nỗi niềm trầm trồ không nguôi. Chính những điểm nhấn giọng điệu đặc biệt trong

	phần kết này làm nổi bật cảm hứng chủ đạo của truyện ngắn, đó vừa là nỗi buồn day dứt, tiếc nuối và khao khát thoát khỏi những áp lực tâm lí đời thường để được giao cảm, dù chỉ là trong tâm tưởng.
--	--

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản, rút ra tác dụng của ngôi kể

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Em hãy nêu những đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn “Một chuyện đùa nho nhỏ”? ? Nội dung bao trùm truyện ngắn “Một chuyện đùa nho nhỏ” là gì? Bài học sâu sắc em nhận được từ câu chuyện. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã chuẩn bị. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Truyện thành công với ngôi kể thứ nhất, đặc biệt là nghệ thuật dịch chuyển điểm nhìn và sự đa thanh trong giọng điệu. - Miêu tả thành công tâm lí nhân vật. - Xây dựng được những tương phản: nghiêm túc – đùa cợt, giao cảm – xa cách, khát vọng - đời thường. 2. Nội dung - Nỗi niềm trăn trở khôn nguôi và những suy ngẫm về cuộc đời khi con người hồi ức về kỉ niệm. - Truyện ngắn về tình yêu không thành ngấm chứa khát vọng giao cảm của con người; sâu xa đó còn là sự thức tỉnh con người phải biết thoát ra khỏi những áp lực tâm lí đời thường để sống một cách có dũng khí.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích hình ảnh “hàng rào” trong truyện ngắn <i>Một chuyện đùa nho nhỏ</i>. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.	IV. Kết nối đọc viết - Để viết đúng yêu cầu, HS phải xác định hình ảnh “hàng rào” xuất hiện thế nào trong tác phẩm: “Thế nào đó, khoảng hai ngày trước khi đi, vào một buổi chiều tà, tôi ngồi trong khu vườn nhỏ ngăn cách với sân nhà Na-đi-a bởi một hàng rào cao có đỉnh nhọn... Trời hãy còn lạnh. Tuyết hãy còn

- Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc - GV lưu ý HS yêu cầu về cấu trúc đoạn văn, về ngữ pháp và liên kết câu, về số chữ của đoạn theo quy định. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 1-2 học sinh trình bày phần bài làm của mình - HS khác lắng nghe, dựa vào Rubric đánh giá đoạn văn (xem phụ lục 4) Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo - GV có thể thu “bài viết” của HS để đánh giá khả năng viết của từng em, khi cần, sử dụng làm tư liệu trong dạy học viết.	động lại dưới đồng phân ủ hoai mục, cây cối hãy còn trơ trụi, nhưng hương vị mùa xuân đã đến, từng đàn quạ bay về tổ trú đêm, rộn lên quang quác. Tôi đến bên hàng rào và ghé nhìn qua khe hở. Tôi thấy Na-đi-a bước ra thềm và đưa mắt nhìn lên trời buồn bã... Làn gió xuân nhẹ thổi qua khuôn mặt nhợt nhạt rầu rĩ của nàng... Làn gió xuân gọi lại cho nàng cái tiếng gió rít trên đồi tuyết, khi nàng nghe thấy bốn tiếng ấy, và gương mặt nàng trở nên buồn bã lạ thường, nước mắt lặng lẽ chảy trên má... Nàng đáng thương đưa hai tay mình về phía trước như muốn cầu xin làn gió đem đến cho nàng những lời yêu đương đó một lần nữa. Và tôi, chờ khi có làn gió đến, thì thào nói: – Na-đi-a, anh yêu em!”. - Gọi ý: + Hình ảnh hàng rào xuất hiện trong cảnh chia li ở đoạn văn gần cuối tác phẩm trở thành biểu tượng nhấn mạnh trường nghĩa rào cản – chuyển từ rào cản tinh thần giữa hai nhân vật sang rào cản vật chất của hoàn cảnh. + HS cần lưu ý không chỉ phân tích hình tượng “hàng rào” mà còn cần phân tích hành động “đến bên hàng rào và ghé nhìn qua khe hở” của nhân vật “tôi cùng sự giao cảm của hai nhân vật qua việc “gửi lời theo gió”.
--	---

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Từ việc tìm hiểu tác phẩm, liên hệ với những tác phẩm khác có cùng kiểu người kể chuyện hồi ức để cảm nhận; đồng thời HS kết nối với những câu chuyện đùa trong cuộc sống để ứng xử một cách tốt đẹp, tránh những day dứt về sau.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm và giải quyết tình huống thực tiễn rút ra từ cuộc sống.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: HS tìm đọc truyện ngắn "Đời thừa" (Nam Cao) và lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Trong đoạn mở đầu truyện ngắn *Đời thừa* của Nam Cao, nhân vật Hộ đã được miêu tả chủ yếu qua cái nhìn của ai?

A. Người kể chuyện.

B. Không xác định.

C. Nhân vật Từ.

D. Người kể chuyện nhìn qua tâm trạng của nhân vật Từ.

Câu 2. Ở đoạn cuối tác phẩm *Đời thừa* của Nam Cao, nhân vật Hộ đã tự mắng mình: "Anh...anh...chỉ là...một thằng...[...]"! Hãy điền tiếp từ còn thiếu vào chỗ dấu [...].

A. "Khốn nạn".

B. "Vô trách nhiệm".

C. "Hư hỏng".

D. "Đê tiện".

Câu 3. Vì lẽ gì mà nhân vật Hộ trong tác phẩm *Đời thừa* của Nam Cao lại lâm vào tình trạng vỡ mộng?

A. Vì thiếu tài năng.

B. Vì thiếu ý chí.

C. Vì thiếu cơ hội và may mắn.

D. Vì thiếu may mắn.

Câu 4. Dòng nào sau đây đánh giá đúng về thực chất lời tuyên bố của Hộ: “suốt đời mình anh chỉ viết một quyển sách duy nhất, nhưng nó sẽ đoạt giải Nô-ben về văn học” trong tác phẩm *Đời thừa* của Nam Cao?

A. Một lời tuyên bố thể hiện niềm tin, hi vọng.

B. Một lời tuyên bố đầy khát vọng, gợi nhắc mộng đẹp ngày xưa.

C. Một lời tuyên bố huênh hoang, ảo tưởng.

D. Một lời tuyên bố bốc đồng của kẻ không biết lượng sức mình.

Câu 5. Khi Hộ nhìn thấy mình "...*chẳng còn là mình nữa*" trong tác phẩm *Đời thừa* của Nam Cao, tức là thấy tự lâm vào một tình trạng bi đát. Có thể gọi tên đúng nhất đó là tình trạng nào?

A. Tự đánh mất cái tôi cùng với hoài bão cao đẹp của mình.

B. Tự đánh mất cái tôi đáng yêu cùng với danh dự, triển vọng của mình.

C. Tự đánh mất cái tôi cùng với nhân cách tốt đẹp của mình.

D. Tự đánh mất cái tôi cùng với danh dự, nhân cách của mình.

Câu 6. Cụm từ nào diễn tả **không** đúng bi kịch tinh thần đau đớn của nhân vật Hộ trong tác phẩm *Đời thừa* của Nam Cao?

A. Vỡ mộng.

B. Sống thừa.

C. Bị tha hóa.

D. Chết mòn.

Câu 7. Trong tác phẩm *Đời thừa* của Nam Cao, nội dung kể về đời sống hiện tại của nhân vật Hộ, thực ra chỉ gói gọn trong khoảng thời gian một ngày (từ sáng hôm trước đến sáng hôm sau), nhưng người đọc lại như được chứng kiến cả một quãng đời dằng dặc và đầy bi kịch của anh. Bằng cách nào mà nhà văn tạo được hiệu quả đó?

A. Làm chậm nhịp điệu kể bằng cách gia tăng các đoạn miêu tả và các yếu tố trữ tình.

B. Sử dụng nhiều đoạn trữ tình ngoại đề hay trữ tình triết lí.

C. Cài đặt, lồng ghép thật khéo những mảng hồi ức vào mạch kể về hiện tại ở một thời điểm thích hợp.

D. Sử dụng kết cấu trùng điệp, so sánh đối chiếu hiện tại với quá khứ.

Câu 8. Trong quan niệm của Hộ (*Đời thừa*, Nam Cao), điều cốt yếu nhất làm nên phẩm chất, tư cách người là gì?

A. Biết gìn giữ, nuôi dưỡng lòng thương.

B. Có lòng độ lượng, mang lại sung sướng, hạnh phúc cho người thân.

C. Biết rũ bỏ lòng tự ái, ích kỉ.

D. Chống lại lối sống "ác", sống "tàn nhẫn".

Câu 9. Theo nội dung truyện ngắn và tình cảnh bi kịch của Hộ trong tác phẩm *Đời thừa* của Nam Cao, cụm từ "đời thừa" được dùng để chỉ đúng nhất tình trạng sống như thế nào?

A. Vô tích sự, vô nghĩa lí.

B. Tội tằm, bể tắc.

C. Mòn mỏi, vô nghĩa.

D. Buồn bã, tẻ nhạt.

Câu 10. Phẩm chất căn bản, đáng quý của văn sĩ Hộ trong tác phẩm *Đời thừa* của Nam Cao là:

A. Trọng danh dự, trọng lòng thương, có tư chất nghệ sĩ.

B. Trọng chữ nghĩa, trọng nhân cách, trọng tài năng.

C. Có lòng nghĩa hiệp, nhân đạo, có tư chất nhà văn.

D. Có tài đức, có trách nhiệm, có khát vọng cao đẹp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà

- GV có thể sử dụng một số phần mềm để HS làm bài và chấm điểm (VD: Azota, Suh Classroom,...)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Kết quả bài làm của HS

Bước 4: Kết luận: GV nhận xét kết quả, tuyên dương, khích lệ những bài làm tốt ở tiết học sau

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

TÌM HIỂU NGƯỜI KỂ CHUYỆN VÀ VAI TRÒ CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN TRONG TÁC PHẨM.

Câu chuyện được kể bằng lời người kể chuyện ngôi thứ mấy? Người kể đó tham gia vào những hành động chính nào của truyện?	Xác định điểm nhìn của người kể trong toàn bộ câu chuyện			Giọng điệu người kể chuyện có sự thay đổi như thế nào trong thời điểm “lúc ấy” (lúc hồi ức quá khứ) và “bây giờ” (hiện tại)?
	Lúc trượt tuyết đầu tiên	Sau lần trượt tuyết đầu tiên, lúc nảy sinh ý định đua cọt với Na-đi-a	Lúc “bây giờ” - ở thời điểm hiện tại	
?	?	?	?	?

Từ sự dịch chuyển điểm nhìn và giọng điệu của người kể chuyện trong tác phẩm, hãy cho biết vai trò, quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ nhất trong tác phẩm được kể theo kiểu hồi ức:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 2:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2
TÌM HIỂU NHÂN VẬT VÀ QUYỀN NĂNG CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN

Sự kiện	Nhân vật		Quyền năng của người kể chuyện, cảm hứng chủ đạo của truyện ngắn
	Tôi	Na-di-a	
Nhóm 1,2: Lần trượt tuyết đầu tiên			
Nhóm 3,4: Các lần trượt tuyết sau			
Nhóm 5,6: Lần chia tay lúc xuân sang			
Nhóm 7,8: Hồi ức sau nhiều năm	-		

PHỤ LỤC 3:

RUBRIC ĐÁNH GIÁ PHẦN THẢO LUẬN NHÓM

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo

Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động, có tương tác tốt.
Điểm			
TỔNG			

PHỤ LỤC 4:

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ĐOẠN VĂN

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	1
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	0
Nội dung	Phân tích hình ảnh “hàng rào” trong truyện ngắn <i>Một chuyện đùa nho nhỏ</i> :	
	- Xác định sự xuất hiện của hình ảnh “hàng rào” trong truyện ngắn	2,5
	- Chỉ ra và phân tích được ý nghĩa cơ bản của hình ảnh “hàng rào”	3
	- Đánh giá được những giá trị nghệ thuật khi tác giả sử dụng hình ảnh “hàng rào”	2
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	1,0

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.
- Tìm đọc thêm các truyện ngắn có cùng đặc điểm sáng tác và độ dài tương đương.
- Chuẩn bị bài: Thực hành tiếng Việt. Biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

THỰC HÀNH ĐỌC

Tiết: hướng dẫn hs tự đọc

“CON KHUẾ SỎ LÒNG” (TRÍCH)

Nguyễn Quang Sáng

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc**

Đọc hiểu nội dung

HS cần nhận biết và hiểu được các đặc điểm cơ bản về một loại truyện ngắn có cốt truyện đơn giản, chỉ xoay quanh chuyện một con chim khướu sổ lòng

Đọc hiểu hình thức

HS cũng cần hiểu vai trò, quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ nhất. Nhân vật tôi tham gia câu chuyện, chứng kiến toàn bộ diễn biến mạch truyện cũng như đủ trưởng thành để thấu tỏ tâm lí người khác và lí giải thỏa đáng được mọi việc

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác giả Nguyễn quang Sáng

Đọc mở rộng

- HS biết đọc các văn bản có độ dài tương đương với văn bản đã học.

2. Phẩm chất

- Bồi dưỡng tình yêu đối với thiên nhiên, tạo vật; thấu hiểu tự nhiên và sống thuận theo lẽ tự nhiên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khai thác những trải nghiệm của HS, giúp các em thuận lợi hơn trong việc tiếp cận nội dung và nghệ thuật của tác phẩm sắp được khám phá.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV trình chiếu cho HS xem một đoạn phim “Cánh đồng hoang”

+ Em biết gì về bộ phim?

+ Quang cảnh trong phim diễn ra lúc nào, ở đâu?

+ Một vài cảm nhận của em về nhân vật trong phim?

+ Em biết tác phẩm nào của tác giả kịch bản phim?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS xem đoạn phim, suy nghĩ để trả lời câu hỏi theo yêu cầu

Bước 3: Báo cáo kết quả

HS chia sẻ những hiểu biết cá nhân của mình

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

➔ Dự kiến câu trả lời:

- Bộ phim “Cánh đồng hoang”, chuyển thể từ tác phẩm cùng tên của nhà văn Nguyễn Quang sáng

- Đây là bộ phim tiêu biểu cho thời kì chống Mỹ cứu nước khốc liệt mà hào hùng, vinh quang

- Các nhân vật đều là những người miền Nam còn trẻ, họ tha thiết yêu đời, yêu quê hương đất nước,...

- Các tác phẩm của Nguyễn quang Sáng: *Chiếc lược ngà*, *Đất lửa*, *Nhật kí người ở lại*,...

➔ GV dẫn vào bài

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm, đoạn trích

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được những nét khái quát về tác giả và sự đóng góp của nhà văn

- HS nắm được xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để đọc hiểu

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động nhóm ở nhà trước để tìm hiểu nội dung bài học

c. Sản phẩm: Kết quả chuẩn bị ở nhà của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích đã chuẩn bị trước ở nhà theo nhóm	I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm 1. Tác giả - Nguyễn Quang Sáng (12 tháng 1 năm 1932 – 13 tháng 2 năm 2014; bút danh Nguyễn Sáng) là nhà văn Việt Nam, từng đoạt Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học – Nghệ thuật đợt II năm 2000. - Ông được biết nhiều với vai trò tác giả và biên kịch của hai tác phẩm nổi tiếng là truyện ngắn <i>Chiếc lược ngà</i> và phim điện
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (đã chuẩn bị ở nhà)	

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS tham gia thuyết trình - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	ảnh <i>Cánh đồng hoang</i>. 2. Tác phẩm - Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác: Văn bản <i>Con khướu số lông</i> được trích từ tập truyện <i>Con mèo của Foujita</i> – NXB Kim Đồng – Hà Nội.
---	---

Hoạt động 2.2: Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nắm được nội dung tác phẩm, cảm xúc, suy nghĩ của từng nhân vật và mối quan hệ giữa các nhân vật; tư tưởng nhân văn cao đẹp của tác giả
- HS hiểu được quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ nhất, điểm nhìn của nhân vật

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HD 1. Đọc văn bản Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV chọn một số đoạn tiêu biểu, yêu cầu HS đọc từng đoạn, tập trung nhận xét về khả năng thể hiện giọng điệu, sắc thái biểu cảm của các lớp ngôn ngữ (ngôn ngữ kể chuyện, ngôn ngữ nhân vật) của tác phẩm. - GV cũng cần đọc một đoạn để minh họa. 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc văn bản - GV chỉ cần hướng dẫn HS xem qua một số chú thích từ ngữ ở các chân trang, chú ý những từ thuộc phương ngữ Nam Bộ Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện HS đọc to trước lớp, các HS khác đọc thầm HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	II. Đọc hiểu văn bản 1. Đọc văn bản

HD 2. Khám phá văn bản Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành các nhóm thảo luận: - Nhóm 1: + Ý nghĩa nhan đề + Tóm tắt cốt truyện + Nêu diễn biến mạch truyện - Nhóm 2: Tìm hiểu điểm nhìn và nhận xét đối thoại trong truyện - Nhóm 3: Tìm hiểu quyền năng của ngôi kể thứ nhất và quan điểm, tư tưởng, thái độ của nhà văn Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm thảo luận, thống nhất ý kiến Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	2. Khám phá văn bản a. Nhan đề: Gọi lên một cuộc sống tự do, không bị bó buộc b. Cốt truyện và diễn biến mạch truyện - Cốt truyện: Văn bản kể về câu chuyện con chim khướu của gia đình “tôi” nuôi hai lần sổ lồng bay đi, lần đầu tiên chim một mình bay trở về, lần thứ hai, chim khướu gặp được chim mái trên bầu trời, và đã bay đi mãi cùng đôi cánh của tình yêu. - Diễn biến mạch truyện: + Giới thiệu về con khướu (Đoạn 1: Từ đầu đến “không thể thiếu”) + Con khướu bay đi mất nhưng lạ thay hôm sau nó lại trở về lồng (Đoạn 2: Tiếp theo đến “Và nó trở về lồng, lại hót”) + Một lần nữa con khướu sổ lồng nhưng nó không quay về lồng nữa mà trở về với bầu trời tự do (Đoạn 3: Còn lại) c. Điểm nhìn: Từ người cha: + Đủ trưởng thành để thấu tỏ mọi chuyện + Có tấm lòng đôn hậu, tràn đầy yêu thương với cả những con vật bé nhỏ d. Đối thoại trong truyện: - Con có chút ngây thơ - Cha: dứt khoát, chắc chắn => Đối thoại đơn giản, ngắn gọn nhưng đủ để người đọc nhận ra mối quan hệ cha con; nhận ra tầm hiểu biết của mỗi nhân vật: con còn nhỏ chưa hiểu chuyện, cha thấu tỏ sự đời; và cũng nhận ra rằng cả hai cùng yêu mến chim nhỏ nhưng cách đối diện với sự mất mát do chim bay đi thì khác nhau, một đằng chờ đợi, một đằng thì bình thản e. Quyền năng của ngôi kể thứ nhất - Truyện được kể theo ngôi thứ nhất. Người kể là nhân vật người ba trong gia đình. - Người kể chuyện tham gia vào các sự việc, nên có thể bao quát hành vi, cảm xúc của các nhân vật khác cũng như tái hiện khách quan các sự việc xảy ra. Trong truyện, người kể chuyện đã lớn, đã trưởng thành, nên có đủ khả năng để lý giải các sự việc bên cạnh việc tái hiện. g. Quan điểm, tư tưởng, thái độ của nhà văn
---	--

	- Yêu tự nhiên nhưng cũng sống thuận theo lẽ tự nhiên
--	---

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản, rút ra tác dụng của ngôi kể

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Hoạt động cá nhân - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS suy nghĩ, khái quát lại toàn bộ bài học Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Ngôi kể thứ nhất có sự nhất quán từ đầu truyện đến cuối câu chuyện - Ngôn ngữ giản dị, tự nhiên, thoáng sắc màu Nam bộ 2. Nội dung Tình yêu đối với thiên nhiên, tạo vật; sự thấu hiểu tự nhiên và lối sống thuận theo lẽ tự nhiên

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Câu 1. Nguyễn Quang Sáng sinh năm:

A. 1932

B. 1934

C. 1936

D. 1938

Câu 2. Nguyễn Quang Sáng quê ở:

A. Huyện Chợ Cầu, tỉnh An Giang

B. Huyện Chợ Mới, tỉnh Hậu Giang

C. Huyện Chợ Mới, tỉnh Tiền Giang

D. Huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Câu 3. Những năm chống Mỹ, Nguyễn Quang Sáng tham gia kháng chiến tại:

A. Nam Bộ

B. Bắc Bộ

C. Hà Nội

D. Sài Gòn

Câu 4. Nguyễn Quang Sáng sáng tác các thể loại:

A. Truyện ngắn, tiểu thuyết, tản văn

B. Truyện ngắn, tùy bút, kịch bản phim

C. Thơ, tiểu thuyết, kịch bản phim

D. Truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản phim

Câu 5. Nguyễn Quang Sáng hầu như chỉ viết về:

A. Cuộc sống và con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như sau hòa bình.

B. Cuộc sống và con người Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước

C. Cuộc sống và con người Bắc Bộ trong cuộc kháng chiến chống pháp

D. Cuộc sống và con người Việt Nam trong thời đại mới

Câu 6. Năm 2000, ông được Nhà nước tặng:

A. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

B. Giải thưởng Hồ Chí Minh về nghệ thuật.

C. Giải thưởng Sao Mai về văn học nghệ thuật.

D. Giải thưởng Sao Khuê về văn học nghệ thuật.

Câu 7. Tác phẩm nào không do Nguyễn Quang Sáng sáng tác:

A. *Con chim vàng (tập truyện ngắn, 1956)*

B. *Người quê hương (tập truyện ngắn, 1968)*

C. *Nhật kí ở rừng (tiểu thuyết, 1947)*

D. *Chiếc lược ngà (tập truyện ngắn, 1966)*

Câu 8. *Con khướu sổ lông* được trích từ:

A. *Con mèo của Foujita* – NXB Kim Đồng – Hà Nội.

B. *Chiếc lược ngà* (tập truyện ngắn, 1966, NXB Văn học)

C. *Con chim vàng* (tập truyện ngắn, 1956, NXB Hà Nội)

D. *Đất lửa* (tiểu thuyết, 1963, NXB Văn học)

Câu 9. Phương thức biểu đạt của *Con khướu sổ lông* :

A. Tự sự + Miêu tả

B. Nghị luận + Miêu tả

C. Tự sự + Biểu cảm

D. Nghị luận – Biểu cảm

Câu 10. Truyện được kể ở ngôi:

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba

D. Ngôi thứ nhất và thứ ba

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh nghe đọc, suy nghĩ trả lời câu hỏi trong vòng 2s/1 câu

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Đọc *Chiếc lược ngà* – Nguyễn Quang Sáng, trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Vì sao tác giả lại đặt tên cho tác phẩm là *Chiếc lược ngà* ?

A. Vì ngà voi rất quý lại gắn với tình yêu con của ông Sáu.

B. Chiếc lược ngà là kỷ vật của tình cha con thiêng thiêng sâu sắc.

C. Vì ông Sáu mất nhiều công sức vì nó mà chưa trao kịp cho con.

D. Vì bé Thu dặn cha mua cho một cây lược.

Câu 2. Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng viết cùng thể loại với tác phẩm nào?

A. Hoàng Lê nhất thống chí

B. Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh

C. Làng

D. Phong cách Hồ Chí Minh

Câu 3. Vì sao, bỗng nhiên bé Thu lại nhận ông Sáu là cha ?

A. Vì thấy tình cảm của ông Sáu rất chân thật.

B. Mẹ đã nói cho Thu hiểu về vết sẹo trên mặt ba là do chiến tranh.

C. Bà ngoại đã giải thích về vết sẹo, Thu đã giải tỏa được sự nghi ngờ.

D. Trong lòng Thu đã dâng lên một tình cảm mới về ông Sáu.

Câu 4. Tại sao người đọc biết được truyện *Chiếc lược ngà* viết về vùng đất Nam Bộ?

A. Nhờ tên tác giả

B. Nhờ tên tác phẩm

C. Nhờ tên các địa danh trong truyện

D. Nhờ tên các nhân vật chính trong truyện

Câu 5. Người kể chuyện trong đoạn trích là ai?

A. Ông Sáu

B. Bé Thu

C. Mẹ bé Thu

D. Người bạn thân ông Sáu

Câu 6. Câu văn “trong những ngày hòa bình vừa lập lại... chỉ thấy con qua tấm ảnh nhỏ thôi” chủ yếu nhiệm vụ gì?

A. Kể về tình bạn giữa người kể chuyện với ông Sáu

B. Giới thiệu hoàn cảnh gia đình ông Sáu

C. Giới thiệu tính cách của ông Sáu

D. Giới thiệu nhân vật bé Thu

Câu 7. Câu văn “Xuồng vào bến, thấy một đứa bé độ tám tuổi cắt tóc ngang vai, mặc quần đen, áo bông đỏ đang chơi nhà chòi dưới bóng cây xoài trước sân nhà, đoán biết là con, không thể chờ

xuồng cặp lại bên, anh nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra, khiến tôi bị chơi vơi” nói lên tâm trạng gì của ông Sáu?

A. Yêu thương, mong nhớ con đến da diết

B. Vội vàng, cuồng quýt muốn được gặp con

C. Ân hận vì đã xa nhà quá lâu, không chăm sóc cho vợ con

D. Nỗi nhớ người vợ sau bao năm xa cách của ông Sáu

Câu 8. Câu văn: “Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy kêu thét lên: “Má! Má” nói lên thái độ gì ở bé Thu trước sự vô vậ của người cha?

A. Ngờ vực, sợ hãi

B. Vui mừng, phấn khởi

C. Lạnh lùng, thờ ơ

D. Ân hận, hối tiếc

Câu 9. Dòng nào nói đúng tình huống bộc lộ sâu sắc tình cảm của bé Thu dành cho người cha yêu dấu là ông Sáu ?

A. Hai cha con ông Sáu gặp nhau sau 8 năm xa cách nhưng bé Thu con ông lại không chịu nhận cha.

B. Bé Thu nhận cha, yêu cha nhưng người cha lại phải lên đường đi chiến đấu.

C. Hai cha con ông Sáu gặp nhau sau 8 năm xa cách nhưng bé Thu con ông lại không chịu nhận cha. Đến khi bé Thu nhận cha, thì người cha lại phải lên đường đi chiến đấu.

D. Ông Sáu dồn tất cả tình thương nhớ con vào việc làm cây lược ngà nhưng ông đã hy sinh khi chưa kịp trao món quà cho con.

Câu 10. Dòng nào nói đúng tình huống bộc lộ sâu sắc tình cảm của ông Sáu dành cho đứa con yêu dấu là bé Thu ?

A. Hai cha con ông Sáu gặp nhau sau 8 năm xa cách nhưng bé Thu con ông lại không chịu nhận cha.

B. Bé Thu nhận cha, yêu cha nhưng người cha lại phải lên đường đi chiến đấu.

C. Hai cha con ông Sáu gặp nhau sau 8 năm xa cách nhưng bé Thu con ông lại không chịu nhận cha. Đến khi bé Thu nhận cha, thì người cha lại phải lên đường đi chiến đấu.

D. Ông Sáu dồn tất cả tình thương nhớ con vào việc làm cây lược ngà nhưng ông đã hy sinh khi chưa kịp trao món quà cho con

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ dưới dạng trò chơi: Đường lên đỉnh Olympia?

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh tham gia trò chơi

- HS khác quan sát, lắng nghe, góp ý, bổ sung

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.

- Xem phim “Cánh đồng hoang” trên Youtube.

- Chuẩn bị bài: Thực hành tiếng Việt. Biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

Tiết: 73 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

BIỆN PHÁP CHÊM XEN, BIỆN PHÁP LIỆT KÊ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- HS nhận biết được đặc điểm hình thức của bộ phận chêm xen và bộ phận liệt kê trong câu.

- HS hiểu được chức năng cơ bản của biện pháp chêm xen và biện pháp liệt kê. Nếu chêm xen nhằm giải thích cho một đối tượng nào đó trong câu thì liệt kê cung cấp thông tin đầy đủ hơn về đối tượng. Về màu sắc tu từ, nếu dùng biện pháp chêm xen, người viết có thể tạo nên một tiếng nói khác bên cạnh giọng kể thì sử dụng biện pháp liệt kê, có thể bộc lộ thái độ, cảm xúc, cái nhìn riêng về đối tượng.

- HS có khả năng vận dụng kiến thức về chêm xen và liệt kê để tạo câu có sử dụng những biện pháp này khi cần thiết, phù hợp với mục đích biểu đạt.

2. Phẩm chất

- Yêu mến, trân trọng và có ý thức giữ gìn, phát huy sự trong sáng của tiếng Việt.

- Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, clip liên quan đến bài học...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân để hiểu được tác dụng của việc liệt kê các hình ảnh nghệ thuật trong một đoạn thơ, kết nối vào bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

*Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn;
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;
- Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!*
(Trích Vội vàng – Xuân Diệu)

? Em có nhận xét gì về loạt hình ảnh xuất hiện trong đoạn thơ?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ, thực hiện yêu cầu

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân

Bước 4: Kết luận, nhận định

- **Gợi ý:** Các hình ảnh xuất hiện một loạt, bổ sung cho nhau, tạo cảm giác về sự đầy tràn, khao khát chiếm lĩnh trọn vẹn sự sống, mùa xuân, tình yêu, hạnh phúc của thi sĩ Xuân Diệu, đánh thức trong mỗi chúng ta ý thức về giá trị của thời gian và tuổi trẻ,...

2. HOẠT ĐỘNG 2: TÌM HIỂU VÀ THỰC HÀNH VỀ BIỆN PHÁP CHÊM XEN, BIỆN PHÁP LIỆT KÊ

a. Mục tiêu:

- HS nhận diện được biện pháp chêm xen và tác dụng của phép chêm xen

- HS nhận diện được biện pháp liệt kê và tác dụng của phép liệt kê

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm tìm hiểu về biện pháp chêm xen và liệt kê, hoàn thành bài tập vào phiếu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng và phiếu học tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
-----------------	------------------

* Tìm hiểu biện pháp chêm xen HD 1: Nhận biết biện pháp chêm xen Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS làm việc nhóm theo bàn, đọc ví dụ tr.59 SGK và: - Xác định vị trí và vai trò ngữ pháp của các cụm từ in đậm trong từng ngữ liệu. - Tìm dấu câu tách biệt bộ phận đó. - Nêu tác dụng của bộ phận đó đối với việc bổ sung thông tin, biểu thị tình cảm, cảm xúc? - Từ các ví dụ, rút ra khái niệm và dấu hiệu nhận biết về biện pháp chêm xen. 1. Sáng nay, thằng lớn của tôi - mười lăm tuổi, lúc cho nó ăn đã sơ ý mở hết cửa, thế là nó vù đi. (Nguyễn Quang Sáng, Con khướu sỏ lông). 2. Bởi vì...bởi vì...(San cúi mặt và bỏ tiếng Nam dùng tiếng Pháp), người ta lừa dối anh. (Nam Cao, Sống mòn). 3. Thanh định rõ nhìn: con mèo của bà chàng, con mèo già vẫn chơi đùa với chàng ngày trước. (Thạch Lam, Dưới bóng hoàng lan) 4. Cô bé nhà bên (có ai ngờ) Cũng vào du kích Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi) Giang Nam, Quê hương) 5. Đã nhìn thấy cây đàn ấy thì phải đánh - đánh cái cuộc đời mình vào đấy- để rồi xem nó ra được thành tiếng gì. (Nguyễn Tuân, Chùa Đàn). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	I. Biện pháp chêm xen 1. Nhận biết biện pháp chêm xen a. Tìm hiểu ngữ liệu - Vị trí: Ở giữa câu (ngữ liệu 1,2), cuối câu (ngữ liệu 3). - Vai trò ngữ pháp: Đi kèm với chủ ngữ (ngữ liệu 1,4), vị ngữ (ngữ liệu 3,4,5), trạng ngữ (ngữ liệu 2); bổ sung ý nghĩa cho danh từ (ngữ liệu 1,3,4), cho quan hệ từ (ngữ liệu 2), cho động từ (ngữ liệu 5). - Dấu câu tách biệt: Dấu gạch ngang và dấu phẩy (ngữ liệu 1), dấu ngoặc đơn (ngữ liệu 2), dấu phẩy (ngữ liệu 3)... - Tác dụng: + Bổ sung thông tin: ngữ liệu 1,3,5 + Biểu thị tình cảm, cảm xúc: ngữ liệu 2,4 b. Kết luận - Khái niệm: Biện pháp chêm xen thể hiện bằng một thành phần câu nhằm giải thích cho một đối tượng nào đó được nói đến trong câu hoặc bổ sung thông tin cho câu. - Dấu hiệu nhận biết: Thành phần chêm xen có khi được đặt giữa câu, có khi được đặt cuối câu, được đánh dấu bằng dấu gạch ngang, dấu ngoặc đơn hoặc dấu phẩy. 2. Thực hành về biện pháp chêm xen <table><tr><th>Ngữ liệu</th><th>Biện pháp chêm xen</th><th>Tác dụng</th><th>Dấu hiệu hình thức, vị trí</th></tr><tr><td>Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán – bên ngoài trời nắng gắt</td><td>bên ngoài trời nắng gắt</td><td>. Thành phần này giải thích vì sao Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán.</td><td>Giữa câu, giữa 2 dấu gạch ngang</td></tr><tr><td>Gạch mắt và</td><td>Cum từ</td><td>Nhờ thành phần</td><td>Giữa</td></tr></table>	Ngữ liệu	Biện pháp chêm xen	Tác dụng	Dấu hiệu hình thức, vị trí	Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán – bên ngoài trời nắng gắt	bên ngoài trời nắng gắt	. Thành phần này giải thích vì sao Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán.	Giữa câu, giữa 2 dấu gạch ngang	Gạch mắt và	Cum từ	Nhờ thành phần	Giữa
Ngữ liệu	Biện pháp chêm xen	Tác dụng	Dấu hiệu hình thức, vị trí										
Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán – bên ngoài trời nắng gắt	bên ngoài trời nắng gắt	. Thành phần này giải thích vì sao Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán.	Giữa câu, giữa 2 dấu gạch ngang										
Gạch mắt và	Cum từ	Nhờ thành phần	Giữa										

HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện trình bày kết quả từng ngữ liệu - HS nhóm còn lại nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, tổng hợp, chuẩn kiến thức HD 2: Thực hành về biện pháp chêm xen	<i>phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga, ngày nào, đi trên đó. (Thạch Lam, Dưới bóng hoàng lan)</i>	ngày nào – một cụm từ chỉ thời gian quá khứ.	này, hành động “nhớ lại” của Thanh trở nên hợp lí, và hình ảnh “hai bàn chân xinh xắn của Nga đi trên đó” sống động hơn trong kí ức Thanh.	câu, giữa 2 dấu phẩy
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập 1 theo nhóm đôi (xem phụ lục 1) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS hoàn thành phiếu học tập theo cặp đôi Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số cặp đôi trình bày kết quả - Các HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chốt, định hướng kiến thức cơ bản - Nhận xét, đánh giá sản phẩm của các nhóm theo rubric (xem phụ lục 2) * Tìm hiểu biện pháp liệt kê HD 1: Nhận biết biện pháp liệt kê Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi HS đọc ngữ liệu tr.60 sgk và chia lớp thành 3 nhóm (N1: Ngữ liệu 1,2. N2: Ngữ liệu 3,4. N3: Ngữ liệu 5) - Xác định vị trí phần in đậm trong câu - Dấu hiệu hình thức để đánh dấu phần in đậm là gì? - Nêu tác dụng của phần in đậm	<i>Tuy nhiên, ông thường xuyên bị thanh tra Gia-ve (người luôn ngờ vực về nhân thân của ông) rình mò, theo dõi. (Tóm tắt Những người khốn khổ),</i>	người luôn ngờ vực về nhân thân của ông	Nhằm giải thích rõ hơn bản chất con người công cụ của Gia-ve cũng như thái độ của Gia-ve đối với Giăng Van-giăng. Nhờ việc giải thích đó, mọi hành động quyết liệt, lạnh lùng của Gia-ve khi đối mặt với Giăng Van-giăng trở nên dễ hiểu hơn.	Giữa câu, trong ngoặc đơn
II. Biện pháp liệt kê 1. Nhận biết biện pháp liệt kê a. Tìm hiểu ngữ liệu - NL1: “Con vẫn đinh ninh....dân tộc yêu thương” + Vị trí: Giữa câu + Dấu hiệu hình thức: Dấu phẩy + Tác dụng: Cung cấp thông tin - NL2: “Mùa xuân của tôi....như thơ mộng” + Vị trí: Cuối câu + Dấu hiệu hình thức: Dấu phẩy, dấu ba chấm + Tác dụng: Cung cấp thông tin - NL3: “Người Huế...cay điếc óc” + Vị trí: Cuối câu + Dấu hiệu hình thức: Dấu phẩy, dấu ba chấm + Tác dụng: Cung cấp thông tin				

trong câu - Từ các ví dụ, rút ra khái niệm và dấu hiệu nhận biết về biện pháp liệt kê. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện trình bày kết quả - HS nhóm còn lại nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, tổng hợp, chuẩn kiến thức	- NL4: “Một số cây cối...,vv.” + Vị trí: Cuối câu + Dấu hiệu hình thức: Dấu hai chấm, dấu phẩy, kí hiệu v.v. + Tác dụng: Cung cấp thông tin - NL5: “Nhưng một điều...thành gọn gàng, giản dị...” + Vị trí: Cuối câu + Dấu hiệu hình thức: Dấu chấm phẩy, dấu ba chấm + Tác dụng: Thể hiện cảm xúc, thái độ b. Kết luận - Khái niệm: Biện pháp liệt kê thể hiện bằng cách kể ra một chuỗi các đối tượng nhằm cung cấp thông tin cụ thể hơn cho câu hoặc thể hiện cảm xúc, thái độ, cái nhìn của người viết - Dấu hiệu nhận biết: + Những từ ngữ chỉ chuỗi đối tượng được liệt kê có thể đặt ở giữa hoặc cuối câu. + Thành phần liệt kê ở cuối câu thường được đặt sau dấu hai chấm. Trường hợp liệt kê chưa hết các đối tượng, người ta dùng dấu ba chấm hoặc kí hiệu v.v.								
HD 2: Thực hành về biện pháp liệt kê Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập 2 theo nhóm đôi (xem phụ lục 3) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS hoàn thành phiếu học tập theo cặp đôi Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số cặp đôi trình bày kết quả - Các HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: - GV chốt, định hướng kiến thức cơ bản - Nhận xét, đánh giá sản phẩm của các nhóm theo rubric (xem phụ lục 2)	2. Thực hành về biện pháp liệt kê <table><tr><th>Ngữ liệu</th><th>Biện pháp liệt kê</th><th>Tác dụng</th><th>Dấu hiệu hình thức, vị trí</th></tr><tr><td> - <i>Ồ, đây là viên tướng bại trận của Bắc triều, cái hồn bơ vơ ở Nam quốc, tranh chiếm miếu đền của tôi, giả mạo họ tên của tôi, quen dùng chước dối lừa thích làm trò thảm ngược, Thượng đế bị nó bùng bít, hạ dân bị nó quấy rầy, phạm những việc hưng yêu tác quái đều tự nó</i> </td><td> tranh chiếm miếu đền của tôi, giả mạo họ tên của tôi, quen dùng chước dối lừa thích làm trò thảm ngược, Thượng đế bị nó </td><td> Biện pháp liệt kê ở câu này được dùng để vạch rõ tội trạng của viên tướng bại trận Bắc triều. Nhờ các vế được nêu lên ở biện pháp liệt kê, mọi hành động gian dối, bạo ngược của kẻ thoán nghịch đó dần dần bị bóc trần. </td><td> Những từ ngữ chỉ chuỗi hành động đặt ở giữa câu văn </td></tr></table>	Ngữ liệu	Biện pháp liệt kê	Tác dụng	Dấu hiệu hình thức, vị trí	- <i>Ồ, đây là viên tướng bại trận của Bắc triều, cái hồn bơ vơ ở Nam quốc, tranh chiếm miếu đền của tôi, giả mạo họ tên của tôi, quen dùng chước dối lừa thích làm trò thảm ngược, Thượng đế bị nó bùng bít, hạ dân bị nó quấy rầy, phạm những việc hưng yêu tác quái đều tự nó</i>	tranh chiếm miếu đền của tôi, giả mạo họ tên của tôi, quen dùng chước dối lừa thích làm trò thảm ngược, Thượng đế bị nó	Biện pháp liệt kê ở câu này được dùng để vạch rõ tội trạng của viên tướng bại trận Bắc triều. Nhờ các vế được nêu lên ở biện pháp liệt kê, mọi hành động gian dối, bạo ngược của kẻ thoán nghịch đó dần dần bị bóc trần.	Những từ ngữ chỉ chuỗi hành động đặt ở giữa câu văn
Ngữ liệu	Biện pháp liệt kê	Tác dụng	Dấu hiệu hình thức, vị trí						
- <i>Ồ, đây là viên tướng bại trận của Bắc triều, cái hồn bơ vơ ở Nam quốc, tranh chiếm miếu đền của tôi, giả mạo họ tên của tôi, quen dùng chước dối lừa thích làm trò thảm ngược, Thượng đế bị nó bùng bít, hạ dân bị nó quấy rầy, phạm những việc hưng yêu tác quái đều tự nó</i>	tranh chiếm miếu đền của tôi, giả mạo họ tên của tôi, quen dùng chước dối lừa thích làm trò thảm ngược, Thượng đế bị nó	Biện pháp liệt kê ở câu này được dùng để vạch rõ tội trạng của viên tướng bại trận Bắc triều. Nhờ các vế được nêu lên ở biện pháp liệt kê, mọi hành động gian dối, bạo ngược của kẻ thoán nghịch đó dần dần bị bóc trần.	Những từ ngữ chỉ chuỗi hành động đặt ở giữa câu văn						

	<i>cả, chứ có phải tôi đâu. (Nguyễn Dữ, Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên)</i>	<i>bưng bít, hạ dân bị nó quấy rầy</i>		
	<i>Ngoài các món thường thấy ở cỗ Tết như gà luộc, giò, chả nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, xúp lơ xào thịt bò,... – món nào cũng mang dấu ấn tài hoa của người chế biến – là các món khác thường như gà quay ướp húng lìu, vịt trần hạt sen, chả chìa, mọc, vây... (Ma Văn Kháng, Mùa lá rụng trong vườn)</i>	<i>gà luộc, giò, chả nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, xúp lơ xào thịt bò,... gà quay ướp húng lìu, vịt trần hạt sen, chả chìa, mọc, vây...</i>	Đây là câu văn miêu tả cỗ cúng tất niên, trích tiểu thuyết <i>Mùa lá rụng trong vườn</i> của Ma Văn Kháng. Trong câu văn này, biện pháp liệt kê được tác giả sử dụng hai lần, nhằm thể hiện sự phong phú của các món ăn được những người con dâu nhà ông Bằng chế biến. Mặc dù ở vào “thời buổi khó khăn”, nhưng qua hình ảnh mâm cỗ được miêu tả, ta cũng thấy được phần nào nét văn hoá ẩm thực của người Hà Nội.	Dùng 2 lần trong cùng một câu văn (ở giữa và cuối câu)

	Ngày mười tám trận Chi Lăng, Liễu Thăng thất thế, Ngày hai mươi, trận Mã An, Liễu Thăng cụt đầu, Ngày hăm lăm, Bá tước Lương Minh đại bại tử vong, Ngày hăm tám, Thượng thư Lý Khánh cùng kế tự vẫn. (Nguyễn Trãi, Bình Ngô đại cáo)	Ngày mười tám, ngày hai mươi, ngày hăm lăm, ngày hăm tám; trận Chi Lăng, trận Mã An; Liễu Thăng thất thế, cụt đầu, Lương Minh, Lý Khánh,...	Trên lớp nghĩa bề mặt, biện pháp liệt kê giúp người đọc nắm được thông tin cụ thể về ngày tháng bại trận của các tên tướng giặc. Nhưng ở bề sâu, các câu có tính chất liệt kê đã tạo ra một giọng điệu hào sảng, thể hiện khí thế dũng mãnh, oai hùng, chiến thắng dồn dập của nghĩa quân Lam Sơn.	Biện pháp liệt kê không nằm trong một câu, mà ở các câu liên tục trong đoạn.
--	---	--	---	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức
- b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết câu có sử dụng biện pháp chêm xen và liệt kê
- c. Sản phẩm học tập:** Câu đã hoàn thành của HS theo yêu cầu
- d. Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Hình thức: Làm việc cá nhân Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Yêu cầu: - Viết ba câu có sử dụng biện pháp chêm xen, nội dung có liên quan đến các truyện đã đọc trong bài - Viết ba câu có sử dụng biện pháp liệt kê, nội dung liên quan đến các văn bản trong bài học. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ, viết câu - Giáo viên: quan sát, khuyến khích, hỗ trợ nếu cần. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - GV gọi 1 số HS đọc sản phẩm theo yêu	III. Vận dụng viết câu 1. Bài 2/59 Tham khảo: Câu 1: Nhân vật Phăng-tin luôn khao khát gặp con – <u>đưa con gái đã thất lạc của chị</u> - trước khi qua đời. Câu 2: Đối với Na-đi-a, dù sau này đã có chồng – <u>một viên thư ký hội đồng giám hộ quý tộc</u>, thì có lẽ kỷ niệm về ngày trượt tuyết cùng nhân vật “tôi” và những tiếng “anh yêu em” vẫn là những phút hạnh phúc nhất trong cuộc đời nàng. Câu 3: Nhân vật Thanh vẫn luôn cảm thấy bình yên và thông thả mỗi khi trở về ngôi nhà của bà – <u>không gian thân thuộc đối với chàng</u>. 2. Bài 2/61

câu - Các HS khác nhận xét, bổ sung dựa vào bảng kiểm đánh giá vận dụng viết câu (xem phụ lục 4) Bước 4. Đánh giá, kết luận GV nhận xét hoặc cho điểm HS.	Tham khảo: Câu 1: Đọc <i>Bình Ngô đại cáo</i> của Nguyễn Trãi, ta càng thêm tự hào vì những chiến công hiển hách của nghĩa quân Lam Sơn qua các trận đánh: trận Chi Lăng, trận Mã An, trận Tây Kinh, Đông Đô, Tốt Động,... Câu 2: Trong <i>Bảo kính cảnh giới</i>, Nguyễn Trãi đã đem đến cho độc giả một cái nhìn mới về mùa hè, không còn là nắng gắt, phượng hồng, mà là hòe lục, thạch lựu hiên, hồng liên trì, v.v. Câu 3: Tác phẩm <i>Dưới bóng hoàng lan</i> đã đem đến cho người đọc một khung cảnh yên bình qua thiên nhiên vùng quê với con đường gạch rêu phủ, bức hoa tường thấp yên tĩnh, giàn thiên lí hoa thơm, cùng cây hoàng lan bóng tỏa.
--	---

PHỤ LỤC:

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP 1: THỰC HÀNH BIỆN PHÁP CHÊM XEN

Ngữ liệu	Biện pháp chêm xen	Tác dụng	Dấu hiệu hình thức, vị trí
<i>Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán – bên ngoài trời nắng gắt – rồi thông thả đi bên bức tường hoa thấp chạy thẳng đến đầu nhà. (Thạch Lam, Dưới bóng hoàng lan)</i>	<i>bên ngoài trời nắng gắt</i>	. Thành phần này giải thích vì sao Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán.	Giữa câu, giữa 2 dấu gạch ngang
<i>Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga, ngày nào, đi trên đó. (Thạch Lam, Dưới bóng hoàng lan)</i>	Cụm từ <i>ngày nào</i> – một cụm từ chỉ thời gian quá khứ.	Nhờ thành phần này, hành động “nhớ lại” của Thanh trở nên hợp lí, và hình ảnh “hai bàn chân xinh xắn của Nga đi trên đó” sống động hơn trong kí ức Thanh.	Giữa câu, giữa 2 dấu phẩy
<i>Tuy nhiên, ông thường xuyên bị thanh tra Gia-ve (người luôn ngờ vực về nhân thân của ông) rình mò, theo dõi. (Tóm tắt Những người khốn khổ).</i>	<i>người luôn ngờ vực về nhân thân của ông</i>	Nhằm giải thích rõ hơn bản chất con người công cụ của Gia-ve cũng như thái độ của Gia-ve đối với Giăng Văng-ghăng. Nhờ việc giải thích đó, mọi hành động quyết liệt, lạnh lùng của Gia-ve khi đối mặt	Giữa câu, trong ngoặc đơn

,		với Giảng Văn-giảng trở nên dễ hiểu hơn.	
---	--	--	--

PHỤ LỤC 2. RUBRIC ĐÁNH GIÁ PHÀN THẢO LUẬN NHÓM

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động, có tương tác tốt.
Điểm			
TỔNG			

PHỤ LỤC 3. PHIẾU HỌC TẬP 2: THỰC HÀNH BIỆN PHÁP LIỆT KÊ

Ngữ liệu	Biện pháp liệt kê	Tác dụng	Dấu hiệu hình thức, vị trí
- Ô, đây là viên tướng bại trận của Bắc triều, cái hồn bơ vơ ở Nam quốc, tranh chiếm miếu đền của tôi, giả mạo họ tên của tôi, quen dùng chước	tranh chiếm miếu đền của tôi, giả mạo họ tên của tôi, quen dùng	Biện pháp liệt kê ở câu này được dùng để vạch rõ tội trạng của viên tướng bại trận Bắc triều. Nhờ các vế được nêu lên ở biện pháp liệt kê,	Những từ ngữ chỉ chuỗi hành động đặt ở giữa câu văn

<i>dối lừa thích làm trò thảm ngược, Thượng đế bị nó bùng bít, hạ dân bị nó quấy rầy, phàm những việc hưng yêu tác quái đều tự nó cả, chứ có phải tôi đâu. (Nguyễn Dữ, Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên)</i>	<i>chước dối lừa thích làm trò thảm ngược, Thượng đế bị nó bùng bít, hạ dân bị nó quấy rầy</i>	mọi hành động gian dối, bạo ngược của kẻ thoán nghịch đó dần dần bị bóc trần.	
<i>Ngoài các món thường thấy ở cỗ Tết như gà luộc, giò, chả nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, xúp lơ xào thịt bò,... – món nào cũng mang dấu ấn tài hoa của người chế biến – là các món khác thường như gà quay ướp húng lủi, vịt tần hạt sen, chả chía, mọc, vây... (Ma Văn Kháng, Mùa lá rụng trong vườn)</i>	<i>gà luộc, giò, chả nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, xúp lơ xào thịt bò,... gà quay ướp húng lủi, vịt tần hạt sen, chả chía, mọc, vây...</i>	Đây là câu văn miêu tả cỗ cúng tất niên, trích tiểu thuyết <i>Mùa lá rụng trong vườn</i> của Ma Văn Kháng. Trong câu văn này, biện pháp liệt kê được tác giả sử dụng hai lần, nhằm thể hiện sự phong phú của các món ăn được những người con dâu nhà ông Bằng chế biến. Mặc dù ở vào “thời buổi khó khăn”, nhưng qua hình ảnh mâm cỗ được miêu tả, ta cũng thấy được phần nào nét văn hoá ẩm thực của người Hà Nội.	Dùng 2 lần trong cùng một câu văn (ở giữa và cuối câu)
<i>Ngày mười tám trận Chi Lăng, Liễu Thăng thất thế, Ngày hai mươi, trận Mã An, Liễu Thăng cụt đầu, Ngày hăm lăm, Bá tước Lương Minh đại bại tử vong, Ngày hăm tám, Thượng thư Lý Khánh cùng kẻ tự vẫn. (Nguyễn Trãi, Bình Ngô đại cáo)</i>	<i>Ngày mười tám, ngày hai mươi, ngày hăm lăm, ngày hăm tám; trận Chi Lăng, trận Mã An; Liễu Thăng thất thế, cụt đầu, Lương Minh, Lý Khánh,...</i>	Trên lớp nghĩa bề mặt, biện pháp liệt kê giúp người đọc nắm được thông tin cụ thể về ngày tháng bại trận của các tên tướng giặc. Nhưng ở bề sâu, các câu có tính chất liệt kê đã tạo ra một giọng điệu hào sảng, thể hiện khí thế dũng mãnh, oai hùng, chiến thắng dồn dập của nghĩa quân Lam Sơn.	Biện pháp liệt kê không nằm trong một câu, mà ở các câu liên tục trong đoạn.

PHỤ LỤC 4. BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ VẬN DỤNG VIẾT CÂU

STT	Tiêu chí	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	+ Sử dụng biện pháp chêm xen/liệt kê một cách hợp lí chưa?		
2	+ Câu có đảm bảo về ngữ pháp không?		

3	+ Nội dung có đề cập đến vấn đề liên quan đến ba văn bản đã đọc trong bài không?		
---	--	--	--

Hướng dẫn học ở nhà:

- HS vận dụng phép chêm xen và liệt kê vào việc làm văn một cách phù hợp.
- Tìm và sửa phép chêm xen và liệt kê trong các bài kiểm tra môn Ngữ văn sao cho đúng và hay.
- Chuẩn bị nội dung viết: Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học (Chủ đề và nhân vật trong tác phẩm truyện)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

Tiết:74-75 VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (Chủ đề và nhân vật trong tác phẩm truyện)

I. Mục tiêu

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

-**Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Quy trình viết

- HS nắm được đặc điểm, yêu cầu của bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học theo hướng khái quát chủ đề, phân tích nhân vật trong quan hệ với chủ đề, những đặc sắc về nghệ thuật xây dựng nhân vật và tác dụng của chúng.

Thực hành viết

- Từ định hướng trên, HS biết viết bài văn phân tích, đánh giá chủ đề và những đặc sắc của nhân vật trong tác phẩm truyện, đáp ứng yêu cầu về kiểu bài nghị luận văn học.

2. Phẩm chất

- Biết bày tỏ đánh giá nhận xét về chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm truyện.
- Hướng đến lối sống tích cực, hoàn thiện nhân cách bản thân.

II. Thiết bị và học liệu

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, Rubric đánh giá và chỉnh sửa,...

III. Tiến trình dạy học

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu một truyện ngắn sưu tầm trên mạng Internet
- GV gọi HS thay nhau đọc:

Lúc đó khoảng 8:30 sáng, phòng cấp cứu rất bận rộn. Một ông cụ khoảng trên 80 tuổi bước vào phòng và yêu cầu được cắt chỉ khâu ở ngón tay cái. Ông cụ nói ông rất vội vì ông có một cuộc hẹn vào lúc 9 giờ.

Tôi bắt mạch, đo huyết áp cho ông cụ xong, tôi bảo ông ngồi chờ vì tôi biết phải hơn một tiếng đồng hồ nữa mới có người đến cắt chỉ khâu cho ông.

Tôi thấy ông nôn nóng nhìn đồng hồ nên tôi quyết định sẽ đích thân khám vết thương ở ngón tay cái của ông cụ. Vì lúc đó tôi cũng không bận với một bệnh nhân nào khác cả.

Khi khám tôi nhận thấy vết thương đã lành tốt vì vậy tôi đi lấy dụng cụ để tháo chỉ khâu ra và bôi thuốc vào vết thương cho ông cụ. Trong khi săn sóc vết thương cho ông cụ tôi hỏi ông là: “ông vội như vậy chắc là ông có một cuộc hẹn với một bác sĩ khác sáng hôm nay phải không?”

Ông nói không phải vậy nhưng ông cần phải đi đến nhà dưỡng lão để ăn điểm tâm với bà cụ vợ của ông ở đó.

Tôi hỏi thăm sức khỏe của bà cụ thì ông cho biết là bà đã ở viện dưỡng lão một thời gian khá lâu rồi và bà bị bệnh Alzheimer (bệnh mất trí nhớ ở người lớn tuổi).

Khi nói chuyện, tôi có hỏi ông cụ là liệu bà cụ có buồn không nếu ông đến trễ một chút. Ông cụ nói bà ấy không còn biết ông là ai nữa và đã 5 năm nay rồi bà không còn nhận ra ông nữa.

Tôi ngạc nhiên quá và hỏi ông cụ "và Bác vẫn đến ăn sáng với Bác gái mỗi buổi sáng mặc dù Bác gái không còn biết Bác là ai nữa?" Ông cụ mỉm cười, vỗ nhẹ vào tay tôi rồi nói "Bà ấy không còn biết tôi nữa nhưng tôi vẫn còn biết bà ấy là ai".

Khi ông cụ bước ra khỏi phòng, tôi phải cố gắng lắm để khỏi bật khóc. Tôi vô cùng xúc động và trầm nghĩ, "Ước gì đời mình có được một tình yêu như thế!"

- Trả lời nhanh các câu hỏi:

+ Truyện kể về điều gì?

+ Các nhân vật trong truyện là ai?

+ Nêu một vài nhận xét, đánh giá về nhân vật trung tâm?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Nghe đọc và đọc thầm

- Suy nghĩ câu hỏi, ghi nhanh ra giấy kết quả

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS giơ tay phát biểu

- Các HS khác quan sát, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, dẫn vào nội dung bài học.

=>Dự kiến trả lời câu hỏi:

+ Truyện kể về tình yêu của một ông già dành cho người vợ mắc bệnh Alzheimer

+ Các nhân vật trong truyện: Ông già bị thương ở ngón tay và bác sĩ

+ Ông già mang theo tình yêu vô bờ với người vợ của mình. Dầu bà chẳng còn nhớ ông là ai, nhưng tình yêu ông dành cho vợ vẫn luôn vẹn nguyên

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- HS hiểu đặc điểm, yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện về chủ đề và nhân vật.

- HS nhận biết được các nội dung cơ bản và trình tự sắp xếp trong bài văn nghị luận phân tích, đánh giá tác phẩm truyện về chủ đề và nhân vật.

- HS xác định được đúng các luận điểm trong bài viết, tóm lược được nội dung các luận điểm.

b. Nội dung:

HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm:

Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cần định hướng cho các em bằng một số câu hỏi sau: - Chủ đề của truyện là gì? Quan điểm của nhà văn thể hiện như thế nào qua chủ đề đó? - Các nhân vật có chức năng như thế nào	I. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài - Chủ đề: là vấn đề cơ bản được nêu ra trong văn bản. Chủ đề thể hiện sự quan tâm cũng như nhận thức của nhà văn đối với cuộc sống. - Nhân vật: có chức năng khái quát những tính cách, hiện thực cuộc sống và thể hiện quan niệm của nhà văn về cuộc đời

trong việc làm nổi bật chủ đề của truyện? - Khi viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện về chủ đề và nhân vật, em cần thực hiện những yêu cầu gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo bàn - GV quan sát, khuyến khích Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số cặp đôi phát biểu. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức GV nhận xét, chuẩn kiến thức. * Đọc và phân tích bài viết tham khảo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV giao trước bài tập cho HS theo nhóm (4 nhóm tương ứng với 4 tổ đã thảo luận ở nhà) Yêu cầu HS đọc (Theo các luận điểm được triển khai trong bài tham khảo) và phân tích bài viết tham khảo trong sgk theo phiếu học tập số 1(Xem phụ lục 1) Sau đó HS rút ra phương pháp viết một bài phân tích, đánh giá tác phẩm truyện về chủ đề và nhân vật. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc nhóm ở nhà dựa trên phiếu học tập của GV, có thể báo cáo kết quả trên padlet Bước 3: Báo cáo, thảo luận Gọi đại diện 1 nhóm HS báo cáo kết quả thực hiện phiếu học tập, Các nhóm sẽ đánh giá chung dựa trên rubric đánh giá của GV (Xem phụ lục 2) Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện phiếu học tập của các nhóm.	- Yêu cầu khi viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện về chủ đề và nhân vật: + Giới thiệu được những thông tin khái quát về tác giả, tác phẩm. + Nêu nhận xét khái quát về giá trị của tác phẩm. + Nêu được nét riêng về chủ đề của tác phẩm. + Phân tích mối quan hệ gắn kết giữa chủ đề và các nhân vật trong tác phẩm. + Đánh giá khái quát về thành công hay hạn chế của tác phẩm nhìn từ mối quan hệ giữa chủ đề và nhân vật. + Phát biểu được tác động của chủ đề tác phẩm, nhân vật trong tác phẩm đối với bản thân. II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo 1. Đọc bài viết tham khảo 2. Phân tích bài viết tham khảo và phương pháp viết một bài phân tích, đánh giá tác phẩm truyện về chủ đề và nhân vật. => Chiếu kết quả phiếu học tập số 1 Phiếu học tập số 1: Phân tích bài viết tham khảo “Lại đọc <i>Chữ người tử tù</i> của Nguyễn Tuân” (Nguyễn Đăng Mạnh) <table border="1"> <tr> <th>Nội dung phân tích</th><th>Bài viết tham khảo “Lại đọc <i>Chữ người tử tù</i> của Nguyễn Tuân” (Nguyễn Đăng Mạnh)</th></tr> <tr> <td>Chủ đề của <i>Chữ người tử tù</i> đã được tác giả bài viết khái quát qua những câu văn nào?</td><td>Sự chiến thắng của ánh sáng đối với bóng tối, của cái tài, cái đẹp đối với cái nhem nhuốc, tục tằn, của thiên lương đối với tội ác.</td></tr> <tr> <td>Phương diện nào của các nhân vật đã được tác giả bài viết đặc biệt chú ý phân tích để qua đó làm rõ chủ đề của truyện?</td><td>Nhà văn tập trung làm nổi bật thái độ của các nhân vật trước cái tài, cái đẹp, cái thiên lương của con người.</td></tr> <tr> <td>Ý nghĩa của chủ đề và nhân vật được</td><td><i>Chữ người tử tù</i> của Nguyễn Tuân cho người</td></tr> </table>	Nội dung phân tích	Bài viết tham khảo “Lại đọc <i>Chữ người tử tù</i> của Nguyễn Tuân” (Nguyễn Đăng Mạnh)	Chủ đề của <i>Chữ người tử tù</i> đã được tác giả bài viết khái quát qua những câu văn nào?	Sự chiến thắng của ánh sáng đối với bóng tối, của cái tài, cái đẹp đối với cái nhem nhuốc, tục tằn, của thiên lương đối với tội ác.	Phương diện nào của các nhân vật đã được tác giả bài viết đặc biệt chú ý phân tích để qua đó làm rõ chủ đề của truyện?	Nhà văn tập trung làm nổi bật thái độ của các nhân vật trước cái tài, cái đẹp, cái thiên lương của con người.	Ý nghĩa của chủ đề và nhân vật được	<i>Chữ người tử tù</i> của Nguyễn Tuân cho người
Nội dung phân tích	Bài viết tham khảo “Lại đọc <i>Chữ người tử tù</i> của Nguyễn Tuân” (Nguyễn Đăng Mạnh)								
Chủ đề của <i>Chữ người tử tù</i> đã được tác giả bài viết khái quát qua những câu văn nào?	Sự chiến thắng của ánh sáng đối với bóng tối, của cái tài, cái đẹp đối với cái nhem nhuốc, tục tằn, của thiên lương đối với tội ác.								
Phương diện nào của các nhân vật đã được tác giả bài viết đặc biệt chú ý phân tích để qua đó làm rõ chủ đề của truyện?	Nhà văn tập trung làm nổi bật thái độ của các nhân vật trước cái tài, cái đẹp, cái thiên lương của con người.								
Ý nghĩa của chủ đề và nhân vật được	<i>Chữ người tử tù</i> của Nguyễn Tuân cho người								

	khẳng định như thế nào qua bài viết?	ta hiểu rằng: muốn nên người, phải biết kính sợ ba điều này: cái tài, cái đẹp, cái thiên tính tốt đẹp của con người (thiên lương).
	Mở bài (nhiệm vụ)	Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm
	Thân bài (nhiệm vụ, luận điểm, luận cứ)	- Khái quát chủ đề của truyện. - Phân tích từng nhân vật tiêu biểu và mối quan hệ giữa các nhân vật - Phân tích vai trò của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề của truyện - Đánh giá chủ đề và ý nghĩa của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề, rút ra ý nghĩa đối với cuộc sống
	Kết bài (nhiệm vụ)	Khẳng định ý nghĩa của vấn đề nghị luận

3. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH VIẾT

a. Mục tiêu:

- HS biết cách tìm ý cho bài viết đúng đề tài đã chọn.
- HS có ý thức xây dựng hệ thống ý và kiểm soát các ý trước, trong khi viết bài.
- HS biết viết bài văn phân tích, đánh giá chủ đề và những đặc sắc của nhân vật trong tác phẩm truyện, đáp ứng yêu cầu về kiểu bài nghị luận văn học.
- HS biết cách tự kiểm tra lại bài viết, phát hiện những điểm chưa đạt yêu cầu, biết cách tự chỉnh sửa để hoàn chỉnh văn bản.

b. Nội dung: GV ra đề, hướng dẫn HS tìm ý, lập dàn ý, định hướng nội dung viết và kiểm tra, sửa chữa hoàn thiện.

c. Sản phẩm: Phiếu tìm ý, dàn ý, bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm	
* Thực hành viết (1) Chuẩn bị viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Truyện nào đã được học hoặc đọc mở	III. Thực hành viết	
	1. Chuẩn bị viết.	
	Truyện đã được học hoặc đọc mở rộng còn để lại trong em	

	thường trà Sự chi phối của chủ đề Nhân vật đã bộc lộ rõ đối với các nhân vật quan điểm của nhà văn (hoặc) vai trò của các Nguyễn Tuân: Người nhân vật trong việc thể suốt đời đi tìm cái đẹp hiện chủ đề
	b. Lập dàn ý Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm (nhan đề, tên tác giả); nêu ấn tượng đặc biệt của bản thân về tác phẩm. Thân bài: Triển khai vấn đề cần nghị luận: * Khái quát được chủ đề của truyện: tôn vinh cái đẹp, cái tài, khẳng định sự bất tử của cái đẹp trong cuộc đời * Phân tích nhân vật và nghệ thuật xây dựng nhân vật: - Nhân vật: Phân tích vẻ đẹp của cụ Âm: Uống trà tinh tế, nâng lên thành nghệ thuật - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: + Giới thiệu gián tiếp, + Giới thiệu trực tiếp. * Vai trò của nhân vật trong truyện: - Thể hiện tư tưởng, chủ đề tác phẩm - Bộc lộ tính cách nhân vật - Thúc đẩy cốt truyện phát triển - Thể hiện rõ nét phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân * Đánh giá chung về truyện Kết bài: Nêu ý nghĩa của vấn đề nghị luận: Sự tôn vinh cái đẹp trong truyện ngắn của Nguyễn Tuân
(3) Hướng dẫn HS viết bài HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý để viết thành bài hoàn chỉnh (nếu đủ thời gian hoặc viết một số luận điểm, còn lại hoàn thiện ở nhà) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS viết bài theo dàn ý đã lập + GV quan sát Bước 3: Báo cáo và thảo luận + HS trình bày sản phẩm.	3. Viết - Chú ý: + Bài viết đủ 3 phần + Các luận điểm trong phần thân bài phải làm rõ cho vấn đề nêu ở đề bài. + Các dẫn chứng phải đúng, tiêu biểu và phong phú. + Lập luận chặt chẽ, lời văn trong sáng, thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với vấn đề nghị luận. - Cụ thể: + Mở bài: Nêu được tên truyện, tác giả, giới thiệu vấn đề cần bàn luận (viết trong một đoạn văn).

+ GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn. GV cho HS đọc lại một vài đoạn trong bài tham khảo, nhận ra bước triển khai của người viết về từng ý trong bài để học tập cách viết. Khi đọc các đoạn trong bài viết tham khảo, HS cần chú ý: - Đoạn văn có câu chủ đề hay không? - Nếu có, câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn (đoạn diễn dịch) hay cuối đoạn (đoạn quy nạp)?; - Các câu trong đoạn và các đoạn trong bài liên kết với nhau bằng phương tiện gì?...).	+ Thân bài: Khái quát được chủ đề của truyện, phân tích nhân vật và mối quan hệ giữa nhân vật với chủ đề. (Mỗi ý triển khai thành một đoạn văn hoàn chỉnh, giữa các câu trong đoạn và các đoạn trong phần thân bài cần liên kết chặt chẽ với nhau). + Kết bài: Nêu ý nghĩa của vấn đề nghị luận (viết trong phạm vi một đoạn văn).
(4) Hướng dẫn HS kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc lại bài văn đã viết. - Kiểm tra và chỉnh sửa theo Phiếu chỉnh sửa bài viết (Xem phụ lục 4) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. Bước 3: Báo cáo và thảo luận - HS báo cáo rút kinh nghiệm sau khi đã kiểm tra lại bài. - HS khác nhận xét, góp ý cho bạn dựa vào Phiếu chỉnh sửa bài viết (Xem phụ lục 4) . Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức về yêu cầu đối với văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện.	4. Chỉnh sửa và hoàn thiện bài viết. . => Chiếu Phiếu chỉnh sửa bài viết

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng viết bài theo đúng yêu cầu chung của kiểu bài và những đòi hỏi cụ thể của kiểu bài.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân và làm việc nhóm thực hiện bài tập ở nhà.

c. Sản phẩm: Hoàn thiện bài viết, chuẩn bị nói và nghe.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV giao bài tập về nhà)

Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc của nhân vật trong tác phẩm truyện ngắn “Gió lạnh đầu mùa” – Thạch Lam

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập.
- GV khích lệ, giúp đỡ. (Nếu HS có khó khăn)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em trình bày sản phẩm sau khi hoàn thành.
- Báo cáo sản phẩm trong tiết học sau.
- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.

Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV)

- Nhận xét ý thức thực hiện nhiệm vụ của HS, chất lượng sản phẩm học tập của cá nhân.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

PHỤ LỤC**PHỤ LỤC 1. Phiếu học tập số 1: Phân tích bài viết tham khảo “Lại đọc *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân” (Nguyễn Đăng Mạnh)**

Nội dung tìm hiểu	Bài viết tham khảo “Lại đọc <i>Chữ người tử tù</i> của Nguyễn Tuân” (Nguyễn Đăng Mạnh)
Chủ đề của <i>Chữ người tử tù</i> đã được tác giả bài viết khái quát qua những câu văn nào?	
Phương diện nào của các nhân vật đã được tác giả bài viết đặc biệt chú ý phân tích để qua đó làm rõ chủ đề của truyện?	
Ý nghĩa của chủ đề và nhân vật được khẳng định như thế nào qua bài viết	
Mở bài (nhiệm vụ)	
Thân bài (nhiệm vụ, luận điểm, luận cứ)	
Kết bài (nhiệm vụ)	

PHỤ LỤC 2. RUBRIC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THẢO LUẬN NHÓM

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ	6 điểm Trả lời tương đối đầy

	câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Thuyết trình (2 điểm)	0 điểm Lời nói còn ấp úng, chưa đủ âm lượng nghe. Chưa tự tin.	1 điểm Lời nói chưa rõ ràng, chưa đủ âm lượng nghe. Phong thái chưa tự tin.	2 điểm Lời nói rõ ràng, đủ âm lượng nghe. Phong thái tự tin. Thái độ nhã nhặn, cởi mở. Có sự tương tác hiệu quả.
Điểm			

PHỤ LỤC 3. PHIẾU TÌM Ý

PHIẾU TÌM Ý Họ và tên: Lớp: Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc của nhân vật trong tác phẩm truyện Gợi ý: Đọc lại truyện, suy nghĩ, tìm ý và ghi lại vào các ô sau:	
Tên truyện, tác giả	
Vấn đề đời sống được truyện đề cập	
Chủ đề của truyện (tạm khái quát)	
Đặc điểm nổi bật của các nhân vật cần phân tích	
Sự chi phối của chủ đề đối với các nhân vật (hoặc) vai trò của các nhân vật trong việc thể hiện chủ đề	

PHỤ LỤC 4. PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Nội dung kiểm tra	Yêu cầu cụ thể	Đạt	Chưa đạt
Bố cục ba phần	- Mở bài: + Đã giới thiệu được vấn đề cần nghị luận chưa? + Nêu được ấn tượng đặc biệt của bản thân về tác phẩm chưa? - Thân bài: + Đã khái quát được chủ đề của truyện chưa? + Đã phân tích, đánh giá được các yếu tố trong truyện chưa? (chủ đề, nhân vật, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ...) - Kết bài: Có khái quát được vấn đề nghị luận, có nêu được ý nghĩa của chủ đề không?		

Các lỗi còn mắc	- Lỗi về ý: thiếu ý, lặp ý, lạc ý. - Lỗi về trình bày, chính tả, dùng từ và diễn đạt.		
Đánh giá chung	- Bài viết đáp ứng yêu cầu đạt mức độ nào? - Em thấy hứng thú hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong tiến trình thực hành viết?		

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thiện lại bài viết theo dàn ý và bài tập vận dụng theo yêu cầu.
- Chuẩn bị bài Nói và Nghe: Thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

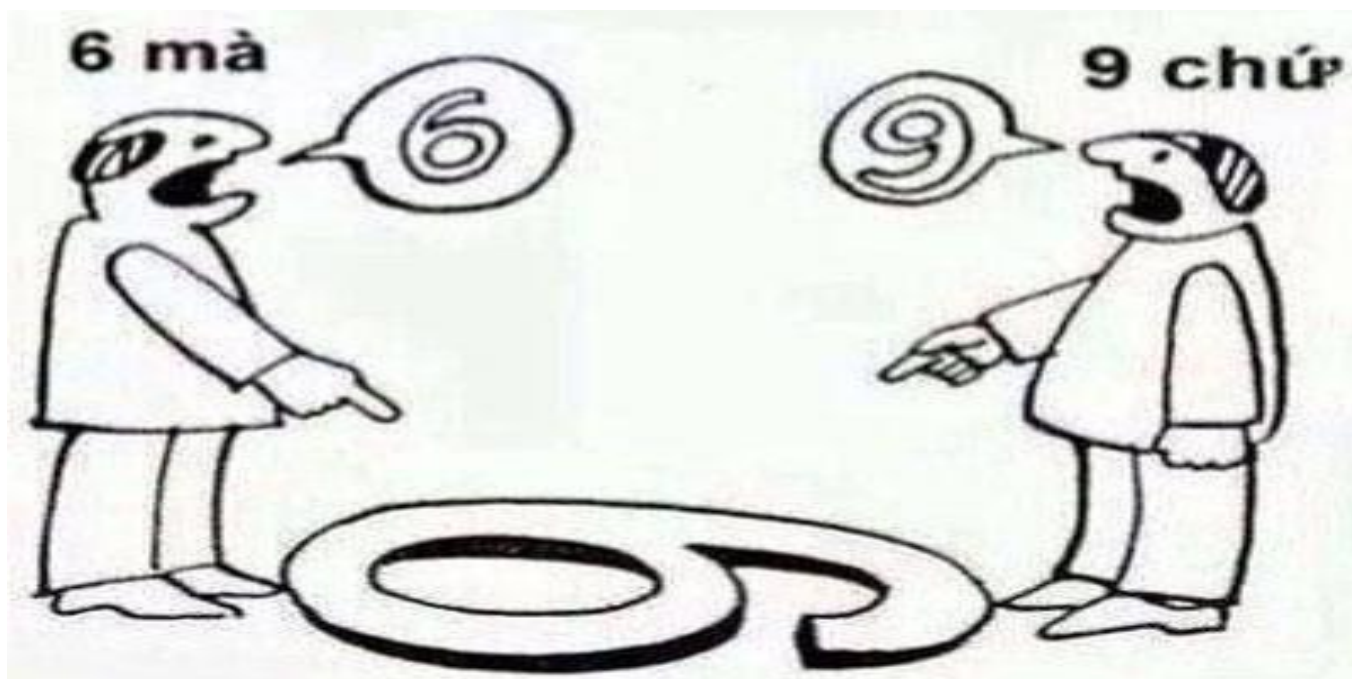
.....

.....

NÓI VÀ NGHE

Tiết 76

THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU



I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- HS biết nêu được vấn đề còn có những ý kiến khác nhau để thảo luận.

Nghe

- Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.

Nói nghe tương tác

- HS biết tóm lược ý kiến của người khác về vấn đề, trình bày được ý kiến của mình, thảo luận với nhau để có tiếng nói đồng thuận..

2. Phẩm chất

- Tự tin thể hiện bản thân.

- Biết lắng nghe, tôn trọng người đối thoại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, rubric, phiếu học tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS đọc truyện ngắn “Hai đứa trẻ” (Thạch Lam) tại nhà, GV đặt vấn đề: “Hai đứa trẻ” là truyện ngắn hiện thực hay lãng mạn?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc tác phẩm và suy nghĩ vấn đề tranh luận ở nhà rồi trình bày ý kiến trên lớp
- GV động viên, khuyến khích.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS thoải mái thể hiện suy nghĩ và lí giải cá nhân.
- HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

→GV dẫn dắt vào nội dung tiết học: Trong một tác phẩm văn học, sự đánh giá của người đọc về các khía cạnh nội dung hoặc hình thức nghệ thuật thường khác nhau. Vậy làm thế nào để có thể đưa ra quan điểm, ý kiến của mình một cách thuyết phục nhất? Tiết học thực hành hôm nay sẽ giúp các em làm tốt kĩ năng đó.....

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Học sinh nêu được vấn đề còn có ý kiến khác nhau để thảo luận.
- Học sinh biết tóm lược ý kiến của người khác về vấn đề, phân tích được ưu điểm, nhược điểm của những ý kiến khác nhau về vấn đề.
- Trình bày được quan điểm của bản thân về vấn đề, làm rõ sự tương đồng và khác biệt giữa ý kiến của bản thân với các ý kiến đã có.
- Học sinh trình bày một cách thuyết phục: nêu luận điểm rõ ràng, phối hợp hợp lí phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, làm nổi bật nội dung thuyết trình.

b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân, thảo luận cặp/nhóm

c. Sản phẩm: Phần trình bày của học sinh dựa trên bài viết đã chuẩn bị sẵn.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Chuẩn bị nói và nghe Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên đã hướng dẫn học sinh chuẩn bị ở nhà về vấn đề sau: Về nhân vật người vợ nhặt trong tác phẩm “Vợ nhặt” của Kim Lân có ý kiến cho rằng: Đó là người phụ nữ lao động nghèo cùng đường và liều lĩnh. Nhưng ý kiến khác lại nhấn mạnh: Thị là người giàu	I. Chuẩn bị nói và nghe 1. Chuẩn bị nói a. Lựa chọn đề tài Về nhân vật người vợ nhặt trong tác phẩm “Vợ nhặt” của Kim Lân có ý kiến cho rằng: Đó là người phụ nữ lao động nghèo cùng đường và liều lĩnh. Nhưng ý kiến khác lại nhấn mạnh: Thị là người giàu nữ tính và khát vọng. b. Tìm ý và sắp xếp ý - Xác định cách hiểu, cách lí giải.

nữ tính và khát vọng. - Giáo viên yêu cầu học sinh nhắc lại những yêu cầu của bước chuẩn bị nói. Yêu cầu học sinh xác định đề tài, xác định ý và sắp xếp ý, xác định từ ngữ then chốt, sử dụng những cụm từ phù hợp với kiểu bài nói: Mặc dù... nhưng...; về vấn đề này, theo ý tôi; từ góc nhìn khác, ta có thể thấy; có thể khẳng định... - Giáo viên nêu tình huống, yêu cầu học sinh trao đổi, thảo luận và tranh biện theo hình thức cặp đôi. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh rà soát những nội dung đã chuẩn bị ở nhà theo yêu cầu và hướng dẫn của giáo viên. - Học sinh làm việc theo cặp đôi; giáo viên quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số cặp đôi phát biểu. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	- Nêu được các ý xác đáng, thuyết phục, có lí lẽ sắc bén và bằng chứng tiêu biểu. - Sử dụng các câu hỏi để tìm ý (SGK). - Sắp xếp các ý thành một hệ thống chặt chẽ. c. Xác định từ ngữ then chốt Có thể sử dụng những cụm từ phù hợp với kiểu bài nói: Mặc dù... nhưng...; về vấn đề này, theo ý tôi; từ góc nhìn khác, ta có thể thấy; có thể khẳng định... 2. Chuẩn bị nghe - Tìm hiểu các thông tin cần thiết xung quanh vấn đề nêu ra để thảo luận: + Hoàn cảnh và tình huống liên quan đến nhân vật. + Chủ đề tư tưởng của tác phẩm. - Ghi vấn đề ý kiến của bản thân về vấn đề thảo luận. - Sẵn sàng tham gia thảo luận để cùng đi đến cách hiểu thỏa đáng về vấn đề.
* Trình bày bài nói và nghe Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS về yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể, những chú ý khi thuyết trình và lắng nghe sản phẩm. - GV giúp HS tổ chức buổi tọa đàm về những vấn đề đã chuẩn bị ở trên Thành phần tham gia gồm 3 nhóm nhân vật: MC và 2 nhóm đại diện cho 2 luồng ý kiến trái chiều - MC dẫn dắt phần thuyết trình của các HS trong lớp và ý kiến nhận xét của các bạn khác. - Các HS đại diện 2 nhóm trình bày bài thuyết trình trước lớp. 2 nhóm đổi vai cho nhau khi là người nói, khi là người nghe. Còn những HS khác lắng nghe,	II. Trình bày bài nói và nghe 1. Yêu cầu chung: a. Người nói: + Trình bày bài thuyết trình theo dàn ý đã chuẩn bị. + Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp; tránh đọc bài viết đã chuẩn bị sẵn; sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ đi kèm (điệu bộ, cử chỉ, ánh mắt; hình ảnh, sơ đồ minh họa,...); đảm bảo thời gian quy định. + Đảm bảo sự thống nhất giữa nội dung với hình thức; các phương tiện hỗ trợ thuyết trình phù hợp. Chú ý cách diễn đạt tạo sự hấp dẫn về vấn đề thảo luận,... + Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có). b. Người nghe: + Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài thuyết trình, những nội dung cần trao đổi thêm. + Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.

quan sát, theo dõi và đánh giá bằng Rubric đánh giá bài nói cho bạn (Xem phụ lục 1) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ được phân công Bước 3: Báo cáo, thảo luận - MC dẫn dắt - Đại diện 2 nhóm trình bày bài nói và nghe - HS còn lại quan sát, đánh giá bằng bảng kiểm Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức	+ Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan niệm cá nhân về nội dung của bài thuyết trình. 2. Yêu cầu cụ thể: a. Người nói: * Mở đầu: MC dẫn dắt giới thiệu + Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nhân vật người vợ nhặt, dẫn hai ý kiến. + Khái quát chung: Giới thiệu chung về giá trị của tác phẩm “Vợ nhặt” và hình tượng nhân vật người vợ nhặt * MC mời các nhóm trình bày: - Nhóm 1: Đó là người phụ nữ lao động nghèo cùng đường và liều lĩnh: + Giải thích ý kiến: Người phụ nữ bị dồn đẩy vào hoàn cảnh nghiệt ngã, không lối thoát, trở nên táo bạo trong ngôn ngữ và hành động, dường như không còn ý thức được về nhân cách và phẩm giá của mình. + Phân tích để chứng minh: ++ Cùng đường: cái đói đã đẩy thị đến cảnh cùng vãi người con gái khác phải ngồi vêu ở nhà kho để nhặt hạt rơi, hạt vãi. Ngoại hình tiêu tụy, áo quần tả tơi như tổ đũa, gầy sọp, khuôn mặt lưỡi cày xám xịt.... thị phải tìm mọi cách để sống qua ngày, nhưng rất khó khăn, thị sẽ chết đói ++ Liều lĩnh: Thị bám vào câu hò vu vơ của người đàn ông xa lạ, gạ ăn, ăn một cách rất thô tục, đồng ý theo không -> nỗ lực cố bám lấy sự sống. - Nhóm 2: Thị là người giàu nữ tính và khát vọng. + Giải thích ý kiến: Người phụ nữ giàu nữ tính và khát vọng', người phụ nữ có nhiều nét đẹp dịu dàng, nhân hậu, mơ ước, khát khao. + Phân tích để chứng minh: ++ Giàu nữ tính: Trên con đường từ chợ về nhà, thị rón rén, e thẹn đi sau Tràng chừng ba, bốn bước, xóc xóc lại tà áo, trước những cặp mắt đổ dồn vào phía mình, thị càng ngượng ngịu, chân nọ dúi vào chân kia, im lặng suy tư khi nói chuyện với mẹ Tràng... sáng hôm sau, thị trở nên hiền hậu và đúng mực, tần tảo, vun vén cho gia đình -> nữ tính là bản chất của thị, phần nữ tính đó bị cái đói cướp mất giờ đã dần trở lại. ++ Khát vọng: Đó là khát vọng vượt qua nạn đói thâm, có một tổ ấm gia đình đơn sơ, hạnh phúc và một
---	--

	tương lai tốt đẹp: chăm lo cho cuộc sống gia đình để mọi việc sáng sủa hơn; nuốt miếng cháo cám để không phụ tấm lòng mẹ chồng, nói chuyện về những người đi đi phá kho thóc... * MC: Đánh giá chung: - Hai ý kiến đều là những nhận xét đúng nhưng chưa đầy đủ về nhân vật. Hai ý kiến nhìn bề mặt tưởng chừng như mâu thuẫn nhưng thực chất là đề cập đến những phương diện khác nhau về tính cách nhân vật. Ý kiến thứ nhất nhấn mạnh đến hoàn cảnh trở trêu đối với thân phận con người, ý kiến thứ 2 khẳng định vẻ đẹp tâm hồn sâu xa của người nông dân Việt Nam, người phụ nữ-dẫu bị đẩy vào đường cùng vẫn khao khát hạnh phúc, hướng tới tương lai. - Nhân vật được đặt vào một tình huống truyện độc đáo. Nhân vật được khắc họa sinh động thể hiện tâm lí tinh tế, ngôn ngữ mộc mạc, giản dị nhưng đậm cá tính, thể hiện hơi thở của đời sống lao động bình dân. * Kết thúc: MC dung hòa 2 góc nhìn b. Người nghe: Trong khi nghe bạn thuyết trình, cần: - Có thái độ tôn trọng, đặc biệt quan tâm đến cảm xúc của người thuyết trình. - Ghi chép những ý tưởng trong bài thuyết trình đã khiến mình thực sự thấy hứng thú, những điểm bạn còn băn khoăn, muốn trao đổi.																										
* Thảo luận Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cử một HS làm thư kí ghi chép nhanh các ý kiến phát biểu. - Sau khi lắng nghe ý kiến của cả 2 nhóm trình bày, các em có những băn khoăn hoặc góp ý gì? (Yêu cầu phát biểu ngắn gọn, tập trung vào trọng tâm vấn đề và thể hiện rõ ràng ý kiến riêng của cá nhân.) - GV phát phiếu và hướng dẫn HS điền kết quả tự đánh giá cuộc thảo luận theo các tiêu chí và nội dung (Xem phụ lục 2) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Các thành viên trong lớp lần lượt	III. Thảo luận <table><tr><th rowspan="2">STT</th><th rowspan="2">Nội dung đánh giá</th><th colspan="2">Kết quả</th></tr><tr><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr><tr><td>1</td><td>Nêu được vấn đề văn học có các ý kiến đánh giá khác nhau để thảo luận.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>Thể hiện được quan điểm nhìn nhận về vấn đề văn học một cách rõ ràng.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>Nắm bắt được chính xác những ý kiến đánh giá khác về vấn đề văn học.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>Xác định được những điểm có sự đồng thuận giữa các ý kiến.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>Goi mở được những vấn đề</td><td></td><td></td></tr></table>	STT	Nội dung đánh giá	Kết quả		Đạt	Chưa đạt	1	Nêu được vấn đề văn học có các ý kiến đánh giá khác nhau để thảo luận.			2	Thể hiện được quan điểm nhìn nhận về vấn đề văn học một cách rõ ràng.			3	Nắm bắt được chính xác những ý kiến đánh giá khác về vấn đề văn học.			4	Xác định được những điểm có sự đồng thuận giữa các ý kiến.			5	Goi mở được những vấn đề		
STT	Nội dung đánh giá			Kết quả																							
		Đạt	Chưa đạt																								
1	Nêu được vấn đề văn học có các ý kiến đánh giá khác nhau để thảo luận.																										
2	Thể hiện được quan điểm nhìn nhận về vấn đề văn học một cách rõ ràng.																										
3	Nắm bắt được chính xác những ý kiến đánh giá khác về vấn đề văn học.																										
4	Xác định được những điểm có sự đồng thuận giữa các ý kiến.																										
5	Goi mở được những vấn đề																										

phát biểu ý kiến của mình - GV hoặc người điều hành định hướng để người phát biểu tiếp theo bám sát nội dung trình bày của người nói trước. Người sau phân tích ý kiến của người trước trên các khía cạnh: Đã đi vào trọng tâm của vấn đề chưa? Ý kiến có điểm nào chưa thỏa đáng? Cần bổ sung hay đưa ra cách hiểu khác về vấn đề? Từ phân tích đó, người thảo luận đưa ra ý kiến riêng của mình. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Các thành viên khác được mời tham gia phát biểu, phản bác hay đồng tình đều phải xoay quanh vấn đề đang thảo luận Bước 4: Đánh giá, kết luận Căn cứ vào thời gian và tình hình thảo luận, người điều hành dựa vào kết quả ghi chép của thư kí nhóm, xâu chuỗi các ý kiến, thu tóm các nội dung có sự thống nhất cao giữa các ý kiến, nhận xét những ý kiến có chỗ khác biệt, đi đến khẳng định sự đồng thuận để kết thúc cuộc thảo luận.		mới cần tìm hiểu tiếp.		
	6	Tạo được không khí đối thoại thoải mái, bình đẳng.		

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1.

Rubric đánh giá bài nói: Thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau			
Người thuyết trình:..... Người nhận xét:.....			
TIÊU CHÍ	Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)
1. Nội dung bài thuyết trình đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục	Nội dung sơ sài, chưa nêu được đầy đủ các ý làm sáng tỏ vấn đề cho người nghe hiểu.	Nêu được đầy đủ các ý để người nghe hiểu được vấn đề.	Các ý đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục, có quan điểm, suy nghĩ mới mẻ.
2. Phong thái tự tin	Không tự tin, rụt rè.	Đã mạnh dạn trình bày bài nói nhưng cử chỉ, lời nói chưa được tự nhiên,	Tương tác, giao lưu tốt với người nghe.

		thiếu tương tác với người nghe.	
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm	Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần.	Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng
4. Sử dụng các phương tiện hỗ trợ: yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) kết hợp hình ảnh, sơ đồ minh họa,...phù hợp	Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp.	Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi và/hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói ấn tượng.
Tổng:/10 điểm			

PHỤ LỤC 2. PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được vấn đề văn học có các ý kiến đánh giá khác nhau để thảo luận.		
2	Thể hiện được quan điểm nhìn nhận về vấn đề văn học một cách rõ ràng.		
3	Nắm bắt được chính xác những ý kiến đánh giá khác về vấn đề văn học.		
4	Xác định được những điểm có sự đồng thuận giữa các ý kiến.		
5	Gợi mở được những vấn đề mới cần tìm hiểu tiếp.		
6	Tạo được không khí đối thoại thoải mái, bình đẳng.		

3. HOẠT ĐỘNG 3: Củng cố, Mở rộng (CẢ BÀI 7)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện ở nhà.
- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bài 1/68. Lập bảng tổng hợp các văn bản đã học trong bài

Bài 2/69. Lập bảng tổng hợp về đặc điểm của các ngôi kể

Bài 3/69. Dấu hiệu nhận biết lời nhân vật

Bài 4/69. Phân tích nhân vật Thanh để làm nổi bật chủ đề truyện *Dưới bóng hoàng lan*

Dự kiến:

Trả lời câu hỏi bài 1:

Nội dung	Tác phẩm		
	Người cầm quyền khôi phục uy quyền	Dưới bóng hoàng lan	Một chuyện đùa nho nhỏ
Ngôi kể của người kể chuyện	Ngôi thứ ba	Ngôi thứ ba	Ngôi thứ nhất
Nhân vật chính	Giăng Van-giăng Gia-ve, Phăng-tin	Nga, Thanh	Nhân vật “tôi”, Na-đi-a
Điểm nhìn	Thay đổi theo từng nhân vật	Dưới góc nhìn của nhân vật Thanh	Nhân vật “tôi”
Chủ đề	Sức mạnh của công lý, tình thương có thể đẩy lùi bóng tối của cường quyền	Tình yêu quê hương, gia đình và tình cảm đôi lứa trong sáng, bình dị	Sự thấu hiểu và đồng cảm của con người

Trả lời câu hỏi bài 2:

Nội dung	Người kể chuyện ngôi thứ nhất	Người kể chuyện ngôi thứ ba
Dấu hiệu nhận biết	Người kể xưng “tôi”	Người kể giấu mình, gọi tên các nhân vật
Chức năng của lời kể	Bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ chủ quan của người kể	Đánh giá khách quan sự việc
Khả năng bao quát của điểm nhìn	Xoay quanh nhân vật “tôi”	Khả năng bao quát rộng, toàn bộ câu chuyện
Quan hệ với các nhân vật trong truyện	Là người trực tiếp chứng kiến, có mối quan hệ mật thiết, có tác động đến các nhân vật trong truyện	Không thân thiết, gần gũi, là người ngoài cuộc
Khả năng tác động đến người đọc	Tạo độ tin cậy cho người đọc, khả năng tác động cao	Mang lại tính khách quan cho người đọc

Trả lời câu hỏi bài 3:

- Dấu hiệu nhận biết lời nhân vật: Những gạch đầu dòng đầu tiên ở mỗi câu nói; hoặc đặt trong dấu ngoặc kép trích dẫn y nguyên.
- Lời nhân vật tồn tại dưới hai dạng:
 - + Trực tiếp: Nhân vật tự bộc lộ.

+ Gián tiếp: Lời nhân vật được thể hiện qua một yếu tố khác.

Trả lời câu hỏi bài 4:

a. Tìm ý và lập dàn ý

- Hoàn cảnh nhân vật

- Tính cách nhân vật:

+ Với quê hương

+ Với bà

+ Với Nga

- Vai trò của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm

- Đánh giá, nhận xét về nhân vật

b. Viết một đoạn (Mở bài hoặc phần thân bài)

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (CẢ BÀI HỌC 7)

a. Mục tiêu:

HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung:

HS làm việc nhóm ở nhà, thảo luận về một vấn đề GV đặt ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm học tập nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV giao bài tập)

Tìm đọc thêm một số tác phẩm tuyên được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ nhất, khái quát ngắn gọn chủ đề của tác phẩm đã đọc

Gợi ý:

- Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” (Nguyễn Quang Sáng)

=> Chủ đề: Diễn tả một cách cảm động tình cha con thấm thiết, sâu nặng của cha con ông Sáu trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.

- Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” (Lê Minh Khuê)

=> Chủ đề: Dựng lên bức tượng đài kiêu hùng về những người thanh niên xung phong nói chung và những cô gái thanh niên xung phong nói riêng thời kì chống Mỹ. Tác phẩm đã khắc họa phần nào những nét tâm lí đáng yêu và cuộc sống đời thường của họ giữa nơi khói bom lửa đạn khốc liệt này, dám chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ tuyến đường Trường Sơn huyết mạch

Hướng dẫn học ở nhà:

1. Ôn tập tổng hợp bài 7, nắm chắc các đặc trưng thể loại truyện và quyền năng của người kể chuyện

2. Hoàn thành các bài tập củng cố, mở rộng và vận dụng

3. Chuẩn bị bài 8: Thế giới đa dạng của thông tin (Tìm hiểu tri thức Ngữ văn, đọc văn bản 1 và trả lời câu hỏi (SGK)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY

.....

.....

.....